



SCAN ME



PHẠM CÔNG LUẬN
(sưu tầm và biên soạn)

SÀI GÒN

phong vị báo Xuân xưa



HOÀ KHUÊ BẢN
VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM

Những bài viết được trích sử dụng trong cuốn sách đã đăng báo trên dưới 50 năm trước, chúng tôi chưa tìm được tác giả hay đại diện giữ bản quyền để xin phép. Do đó, rất mong nhận được thông tin từ tác giả hay đại diện giữ bản quyền bài viết được trích sử dụng để chúng tôi gửi thư cảm ơn, sách biếu và nhuận bút.

Lời ngỏ

Cứ đến gần Tết, độc giả Sài Thành lại trông đợi những sạp báo dọc đường phố trưng ra những tờ giai phẩm Xuân, như những bông hoa mới nở đầy màu sắc, thay cho mấy tờ nhật báo không bìa hằng ngày đầy các cột chữ đen li ti. Có thể nói các tờ báo Xuân mang tín hiệu Tết đậm đà không thua hình ảnh đồ ng dừa cao ngất ở cửa Bắc chợ Bến Thành hay mớ lạp xưởng treo kín mít ở chợ La Cai trên đường Nguyễn Tri Phương. Trên tờ báo đặc biệt này, giống như khi thời tiết chuyển mùa, mọi thứ ồn ào, tranh cãi, lộn xộn của đời thường được tạm gác qua một bên, nhường chỗ cho những cảm xúc sâu lắng, chiêm nghiệm, nhìn lại năm qua và hy vọng cho năm tới.

Trong thời gian biên soạn cuốn sách này, có lúc tôi tưởng mình đang trở lại một sáng tháng Chạp năm mười hai tuổi, khi tôi đi dọc con đường Võ Di Nguy (Phan Đình Phùng bây giờ) để đến một sạp báo quen, mua cho ba tôi mấy tờ giai phẩm Xuân Điện Tín, Đại Dân Tộc. Tay tôi cầm chắc tờ tiền giấy, một mặt in hình con nai và mặt kia là hình dinh Độc Lập, trong bụng hy vọng tìm được cả tờ Thiếu Nhi số Tết có tranh bìa vẽ đám con nít cười trâu như đã được xem quảng cáo trong số báo trước.

Trên đường về, tôi gí mũi vào mấy tờ báo khổ lớn bìa màu, hít sâu mùi mực in trên giấy láng, thấy dễ chịu không khác chi mùi chiếc bánh Madeleines nhúng nước trà của Marcel Proust, thứ mùi có thể giúp “... gọi nhớ lại tất cả những chi tiết tỉ mỉ, những hình xưa bóng chết, những chơn trời năm cũ, những gương mặt thân yêu, cho đến những tiếng động không đâu, tiếng một chiếc muỗng khuấy ly, tiếng một con ve sà ngoài vườn, tất cả đều hiện hồn về” như Bình Nguyên Lộc đã viết trong một bài báo đăng trên tờ Buổi Sáng năm 1964.

Những tờ báo Xuân gọi tôi về mấy ngày Tết cũ, với buổi Tết niên thi cạp dừa háu ở trường Võ Tánh hồ i học tiểu học, những buổi

sáng tháng Chạp giúp ba nhỏ lông vịt để nấu nôi thịt vịt hầm, làm đi xem đại nhạc hội có nghệ sĩ Ngọc Phú giả tiếng chó sủa, gà gáy, ngựa hí... và máy ngày Tết vùi đầu vào trang Mai Bê Bi dành cho thiếu nữ trên báo Chính Luận.

Thường ngày, hai tờ tuần san Thiếu Nhi và Tuổi Hoa cũng đủ thỏa mãn thú vui đọc báo và thích tranh đẹp của tôi. Nhưng trong đợt nghỉ Tết, những tờ báo Xuân người lớn mới cuốn tôi vào thế giới mỹ thuật đa dạng hơn với bao nhiêu bìa báo đẹp, những bức tranh minh họa hàm súc và biếm họa sinh động. Sau khi đọc hết những giai thoại Tết xưa, chuyện ăn Tết trong tù, chuyện ma thiêng nước độc, tôi mê mẩn ngắm lại những bức tranh làm nên sự hấp dẫn của một tờ báo Xuân. Sau Tết, tôi đem cất riêng những tờ báo đó, thỉnh thoảng lấy ra xem tranh và đọc cho đến khi nát.

Tình cờ mười năm trước, tôi tìm lại được tờ báo Xuân Chính Luận Tết Kỷ Dậu có bìa in hình cô Kim Loan. Lật vội, tôi tìm bài *Mùa xuân mười tám* đã in sâu trong trí nhớ, là nhật ký song đôi của hai mẹ con với phần nhật ký người mẹ khá xúc động bên cạnh phần nhật ký vui nhộn của cô con gái hippy với cách nghĩ cởi mở so với thời đó. Bài viết này có hai bức tranh minh họa đen trắng được in không sắc nét lắm, mà sao thuở nhỏ tôi thấy đẹp và gọi cảm quá chừng. Được nhìn lại những bức tranh và bài viết cũ từng yêu thích, thấy vui như tái ngộ người bạn thân thiếu đã lâu không gặp.

Vài năm gần đây, ở Hà Nội và Sài Gòn thỉnh thoảng có tổ chức triển lãm báo Xuân trước 1954, nhưng khách đến xem chỉ được ngắm cái bìa báo thấp thoáng trong lớp nylon, các trang bên trong thì mặc sức mà tưởng tượng vì đã được phong kín.

Giới chơi sách báo xưa ở Sài Gòn từ lâu chỉ chuộng mua giai phẩm Xuân trước năm 1954. Trước hết là do vật phẩm (đáng suy tâm) càng xưa càng có giá, vì dễ hư hao mất mát qua thời gian nên dần trở nên hiếm. Sau nữa, báo Xuân thời trước 1954 đa số dùng tranh vẽ, tác giả có thể là họa sĩ có tiếng và hình tượng thiếu nữ được vẽ khá gọi cảm. Nội dung báo Xuân tiên chiến có không khí Tết hơn, chú trọng văn chương hơn. Do hút hàng, báo Xuân trước 1954 đã

hiếm càng hiếm, thỉnh thoảng muốn tham khảo hay đọc chơi cho biết thì không biết tìm đâu ra.

Ở Sài Gòn có một vị linh mục lưu trữ được khá nhiều báo Xuân trước năm 1954 ở hai miền Nam – Bắc và báo miền Nam sau 1954. Trước đây, bộ sưu tập quý giá này được lưu giữ tại thư viện giáo xứ nơi ông làm việc. Nhờ đó, chúng tôi được xem và chụp lại vài trang báo làm tư liệu. Hiện nay bộ báo này đã được chuyển giao cho cơ sở tôn giáo khác.

Mười năm trước, giới sưu tầm sách báo chưa đông như bây giờ. Những người chơi sách báo xưa rất “kén cá, chọn canh”, coi trọng sự toàn vẹn của tờ báo, cuốn sách. Bìa các tờ báo Xuân đáng sưu tầm không những không rách, không nát mà phải còn “men”, tức là lớp láng trên bìa in couché không bị nứt và rớt ra. Dần dần, người chơi đông hơn, báo cũ nát cũng được miễn còn đủ trang. Rồi rách dọc rách ngang cũng chấp nhận. Thậm chí mất bìa cũng mua. Báo Xuân trước 1954 cạn dần, ai có trong nhà cũng không chịu “nhả” ra. Báo Xuân xuất bản sau 1954 cũng trở thành hàng hiếm từ lâu. Trong giới sưu tầm sách báo quý ở Sài Gòn có vài người lưu giữ những tờ báo Xuân đẹp. Thỉnh thoảng, họ chia sẻ hình ảnh bìa những tờ báo trên diễn đàn của cộng đồng thích sách xưa hay trên mạng xã hội, nhưng nhìn chung họ khá kín tiếng và chỉ trao đổi, mua bán trong giới.

Chủ một tiệm bán sách cũ kể rằng cách nay gần chục năm, có một người sưu tầm sách báo trẻ từ Hà Nội mang theo vài chục triệu đồng và mua hết số giai phẩm Xuân miền Nam trước 1975 mà cửa hàng ấy có. Bây giờ, không dễ mua được dù chỉ dăm tờ, trừ khi có người trong giới sưu tầm cần tiền hay không chơi nữa bán ra. Lùng sục ở các cửa hàng sách báo cũ may ra kiếm được vài tờ cũ nát, nhưng phải lui tới vài lần, làm thân với người bán sách loại có máu mặt thì may ra họ nhớ đến mình khi có hàng.

Ở đường Trần Nhân Tôn, có một tiệm sách cũ đem photo máy tờ báo Xuân xưa, nhìn rất lem nhem, bán ra 100 ngàn đồng một tờ cũng có người mua. Đúng là “hết nạc vạc đến xương”.

Cách nay không lâu, nhờ may mắn, tôi mua được một xấp báo Xuân mà phần lớn từng thuộc tủ sách của một giáo sư đại học ở Sài Gòn trước 1975 đã ra nước ngoài. Hai phần ba số đó còn nguyên bì. Số ít mất bì rơi vào giai phẩm Xuân của báo Sài Gòn Mới và báo Tiếng Chuông, vốn nổi tiếng về bì in màu có hình thiếu nữ đẹp. Hơn phân nửa số đó có vé t xé ngang tờ báo, đã được người bán dán lại. Bộ báo phải được mua toàn bộ, không được lựa từng tờ, giá không rẻ. Không dám kén chọn, tôi lấy hết. Đó là quyết định đúng, vì không bao giờ có dịp mua được một lãn 70 tờ báo Xuân mà xưa nhất là từ năm 1935.

Lãn khác, tôi mua được từ Cãn Thơ gãn 30 tờ báo Xuân khoảng từ 1954 cho đến 1958. Trong số đó có những tờ báo lạ, có thể chỉ phát hành trong một thời gian ngắn rồi đình bản nhưng kịp ra giai phẩm Xuân. Thật may mắn vì đó là những tờ báo hiếm có.

Không chỉ vì khan hiếm mà các giai phẩm Xuân xưa có sức hút như vậy. Dạng báo này được mê chuộng vì thường có nhiều bài viết hay, bì báo và tranh ảnh minh họa được chăm chút kỹ lưỡng, lưu giữ khá nhiều phong vị Tết ngày xưa và hơi thở cuộc sống một thời, cùng những bài viết của nhiều nhà văn, nhà báo và họa sĩ đã khuất bóng từ lâu.

Sau này theo nghề báo, tôi hiểu sâu hơn về việc “bếp núc” của một tòa soạn khi làm báo Xuân. Sẽ có những buổi họp, bàn bạc vài tháng trước Tết với người chủ biên, để làm sao tập hợp được những cây bút già dặn và cứng cỏi, cho họ phô diễn phong độ viết lách và sự lịch duyệt của mình qua mỗi câu chuyện viết ra. Sẽ có những trải nghiệm được đúc kết, những hoài niệm được xới tung, những tâm tình được thủ thỉ và những ước vọng về tương lai, những khó khăn phía trước cùng nhau chia sẻ. Cũng từ những buổi họp đó, phải làm sao có được một bì báo Tết lộng lẫy hay trang nhã nhất từ những họa sĩ hay nhà nhiếp ảnh tên tuổi, làm sao có những bức minh họa hay, đẹp và vui nhất cho những bài báo đặc sắc trong ấn phẩm này. Có khi chưa đến Giáng sinh, cảm giác một cái Tết đã đã y ấ p trong lòng người làm báo Xuân.

Cho đến nay, tạp chí Nam Phong Tết Mậu Ngọ 1918 xuất hiện tại Hà Nội vẫn được xem là tờ báo Xuân đầu tiên, khởi đầu cho một dạng báo chí đặc thù ở Việt Nam. Nhân 100 năm kỷ niệm đầu mở c này, chúng tôi muốn góp thêm chút tư liệu về diện mạo báo Xuân Sài Gòn trước năm 1975, như một lát cắt nhỏ cho việc tìm hiểu nền báo chí của miền Nam xưa, cái nôi của báo chí cả nước.

Với tư liệu hạn chế, cái nhìn cá nhân chủ quan, cũng như chưa có sự đánh giá một cách toàn diện, hệ thống, chắc chắn cuốn sách này còn nhiều thiếu sót. Một số bài viết, minh họa và biếm họa được trích dẫn ở đây không có tên tác giả, hoặc họa sĩ có ký tên nhưng người biên soạn không xác định được. Rất mong nhận được thông tin từ quý độc giả khắp nơi để bổ sung hoặc chỉnh lý.

Cuối cùng, tôi xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của linh mục Nguyễn Hữu Triết, ông Vũ Hà Tuệ, ông Trần Thành Trung, ông Lê Hoan Hưng, ông Trần Hữu Nghiêm, ông Nguyễn Xuân Đăng trong việc bổ sung tư liệu và góp ý cho cuốn sách này.

Phạm Công Luận

PHONG VỊ BÁO XUÂN XƯA

Báo Xuân của các nhật báo Sài Gòn trước 1975, với cái tên trang nhã và trân trọng là Giai phẩm Xuân, thường có khổ lớn, có tờ lên tới 30cm x 42cm. Giai phẩm Xuân của các tạp chí, thường trung thành với kích cỡ tờ tạp chí thường kỳ, chỉ thể hiện sắc xuân ở bìa đẹp và thường là tặng tranh, bên trong có nhiều tranh minh họa và có thể thêm phụ bản màu.

Đây là loại ấn phẩm đặc biệt của tòa soạn, một tờ báo thu hút rất nhiều tinh lực của người tổ chức bài vở, trình bày và của các cây bút trong và ngoài tòa soạn.

Có ý kiến cho rằng tờ báo Xuân là món quà mà chủ báo mang đến cho anh em ký giả, nhân viên trong tòa soạn có việc làm để thu lợi nhuận hưởng Tết. Có thể đúng là như vậy, nhưng rõ ràng báo Xuân là một dịp làm ăn không nhỏ đối với một tòa soạn báo. Thời xưa, độc giả không phải ai cũng thường xuyên bỏ tiền mua báo ngày. Nhiều người đọc báo ở sở làm, mượn báo hàng xóm đọc nhờ hay ra sạp đọc ké không tốn tiền, ngại quá thì trả ít tiền lẻ cho chủ sạp. Tuy nhiên, nhiều người nhất thiết phải mua tờ báo Xuân để nhâm nhi ngày Tết, làm quà tặng, vừa có thể lấy lịch hay tranh phụ bản tặng kèm để trang trí nhà cửa, ép dưới tấm kính bàn salon cho đẹp. Báo Xuân làm tốt thì bán được nhiều, thu được nhiều tiền quảng cáo sản phẩm trên báo. Đó là lý do giới chủ báo chịu chi nhiều tiền cho giấy má, công in, nhuận bút cao để có thể xuất bản ra một loại ấn phẩm đẹp, in trên giấy tốt, có nhiều cây bút sùng sỏ cộng tác và có bức tranh bìa, minh họa thật thu hút. Làm ra một tờ báo Xuân đẹp lộng lẫy từ bìa vào trong, có nội dung đặc sắc cũng là niềm hãnh diện của một tòa báo, thể hiện đẳng cấp trong làng báo. Những giá trị này vẫn còn cho tới ngày nay.

Báo Xuân Hà Nội ở Sài Gòn

Theo Vũ Xuân Tự trong cuốn *Túi bạc Sài Gòn* xuất bản năm 1941, khi báo Phụ Nữ Tân Văn, tờ báo chiếu n tương của Sài Gòn đang thịnh hành thì “*chỉ có dân Bắc ham đọc báo chí trong Nam thôi. Trái lại, người Nam ít đọc văn Bắc lắm*”. Nhưng khi các báo Phụ Nữ Tân Văn, Thân Chung, Đuốc Nhà Nam đình bản thì văn chương Bắc Hà cũng đổi mới, tiến bộ, tìm lối vào Nam. Ông viết “*đứng đầu hàng ngũ đi cảm dỗ độc giả Nam Kỳ, ta nên dành công cho tuần báo Phong Hóa. Tờ tuần báo này khi tái bản (1932) đã sửa đổi tôn chỉ, văn thể hợp với trình độ dân trí nên được hoan nghênh. Thì báo nào mới ra tài liệu chẳng dòi dào, bao nhiêu cái hay họ trung ra hết. Khởi thủy, những bức vẽ khôi hài đã mua được những cái để ý của người Nam thường hay đọc báo. Rồi kẻ mua, người đi mượn, và có những anh đứng xem ghé má y bức tranh riếu Lý Toét, liền bị bùa mê dâm dâm. Trước còn mua báo xem má y bức vẽ, sau đọc các bài vở, gặp những tiếng Bắc bèn dò hỏi, sinh ra ham thích là mả c nghiệm ngay*”. Ông cho biết sau đó là báo Loa, cũng trào phúng, châm biếm nhưng có mỗi câu độc giả Nam Kỳ là hai bức phụ bản. Ở Sài Gòn, công in đắt đỏ nên tính riêng hai bức tranh là giá năm xu rồi, rẻ lắm cho nên có người Nam chỉ thích hai bức tranh lờn kính chơi mà mua cả báo Loa.



Giai phẩm Xuân Ngày Nay, Phong Hóa – những tờ báo có sức hút dòi với độc giả Nam Kỳ.

Các tờ báo miền Bắc thời ấy vào Nam Kỳ bằng nhiều cách khác nhau. Đến gần cuối thập niên 1930, các tờ nổi tiếng nhất ngoài ấy như Phong Hóa, Ngày Nay, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Tri Tân... theo con đường phát hành xuyên Việt vào tới Sài Gòn, trong đó có vai trò nổi bật của nhà sách Nguyễn Khánh Đàm gần chợ Bến Thành, là đại lý phân phối sách báo của Nhà xuất bản Tân Dân ở Hà Nội. Hơn một tháng trước Tết, những giai phẩm Xuân của các tờ báo này góp phần làm phong phú thêm thị trường báo Xuân ở Sài Gòn, không chỉ nhờ những bức vẽ trào phúng hay phụ bản đẹp như Vũ Xuân Tự cho biếm, mà còn từ những bìa báo đẹp mang phong cách cổ điển của xứ Bắc và nội dung giàu chất văn chương ý nhị được độc giả Nam Kỳ thích thú đón nhận. Giờ ra tờ báo Xuân từ Hà Nội, người đọc Nam Kỳ được xem tranh của các họa sĩ trường Mỹ thuật Đông Dương như Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân, Lemur... qua những bìa báo và minh họa, được đọc những truyện ngắn, kịch, thơ của các cây bút được ưa chuộng trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn và các cây bút tài danh xứ Bắc khác như Tản Đà, Nguyễn Bính, Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Ngô Tất Tố, Thanh Châu... Dù sao, một món ăn tinh thần mang tính “huong xa” có giá trị vẫn dễ thu hút người Sài Gòn vốn cởi mở, luôn thích tiếp nhận cái mới. Đã vậy, xem báo Xuân xứ Bắc, có thể xem được những “giá trị” khác, như qua các trang quảng cáo có thể hình dung sản vật và cách tiêu dùng của ngoài ấy, hay những bài viết về Tết Sài Gòn với góc nhìn lạ của người xứ có mùa xuân lạnh mát viết về mùa xuân rực nắng của miền Nam.

Những nhân vật nổi danh trong tranh biếm họa của báo Phong Hóa như Lý Toét, Xã Xệ, Bang Bạnh... sớm thu hút người đọc Nam Kỳ nên sau này, báo chí Sài Gòn đã tái hiện các nhân vật này trong một khoảng thời gian nữa, cho đến thập niên 1950 mới ngưng dần.

Trong những ngày cuối năm, tôi lật xem tờ giai phẩm Xuân Ngày Nay xuất bản năm 1940 tại Hà Nội và thấy lại cảm giác bồi hồi. Đó là một tờ báo Xuân đẹp, tao nhã với tranh bìa dễ thương vẽ ba cô gái bận áo dài tha thướt của họa sĩ nổi tiếng Tô Ngọc Vân. Kỹ thuật in lúc đó cộng với màu thời gian phủ lên bìa báo khiến bức tranh xuống sắc, màu in trầm xuống, nhìn như một bức tranh lụa cũ.

Nội dung bài vở bên trong khá phong phú, toàn là của “chiến tướng” làng văn miền Bắc thời đó vì Ngày Nay là tờ báo của nhóm Tự Lực Văn Đoàn nổi đình đám ở Hà Nội. Cảm động nhất là bài *Đĩa mút ngũ vị*, thực chất là “Đĩa mút ngũ vị văn chương” do Hoàng Đạo, Khải Hưng, Thạch Lam viết. Đây là món quà văn chương ngày Tết với những tản văn, câu chuyện ngày Tết được viết khá súc tích, đặc biệt có những bức minh họa do các tác giả vẽ dù họ không phải là họa sĩ. Nhà văn Hoàng Đạo vẽ hoa thủy tiên, Khải Hưng vẽ một người đi dưới mưa, che lá trên đầu và có hai khuôn mặt thiếu nữ trên cao dõi theo. Thạch Lam vẽ quả đưng mút.



Tranh Tô Ngọc Vân trên giai phẩm Xuân Ngày Nay 1940.

Truyện *Hoa Thủy Tiên* của Hoàng Đạo viết về một anh ở nhà quê rất thích chơi hoa thủy tiên. Ngày Tết anh thường ra Hà Nội mua hoa thủy tiên đem về nhà bày kín giường ngủ. Do nghiện hút và lười biếng, cảnh nhà anh sa sút dần và tác giả không có dịp gặp nữa. Một dịp Tết, tác giả về quê thì biết anh đã bán nhà, ở trong một

cái chòi, thân thể tiều tụy vì nghiện nặng. Khi đến thăm, thấy ngày Tết anh chỉ có một bát gạo ăn. Nhưng khi nhìn lên bàn thờ cũ vẫn có một củ thủy tiên nở đầy cái chậu sành nhỏ. Anh ta thấy khách nhìn hoa, cũng ngược mắt âu yếm nhìn hoa thủy tiên, rồi tươi cười khoe: “Bây giờ tôi gọt khéo hơn trước nhiều anh ạ. Năm nào hoa cũng nở đúng ngày mừng Tết!”. Tác giả man mác nghĩ thầm: “Tình yêu hoa hay là lòng thương tiếc một quãng đời thiếu niên đã mất!”.

Thế giới báo Xuân Sài Gòn

Phụ Nữ Tân Văn Tết 1930 là một trong những tờ báo Xuân phát hành sớm nhất ở miền Nam mà chúng tôi xem được đầy đủ. Trang đầu tờ báo ghi rõ “Số báo mùa xuân 1930”. Tên tờ báo đặt trên nền mai vàng ẩn hiện và bài thơ bốn câu man mác buồn: *“Nghe nói xuân vừa đến/tìm xuân chẳng thấy xuân/Đầu cành mai chiêng (?) trở/xuân đã vẹn mười phân”*. Bài vở bên trong đã có màu sắc báo Xuân như bài Nam Âm thi thoại của Chương Dân (Phan Khôi) viết về thơ xuân của Tú Xương, truyện vui xuân mới, trang nhi đồng...

Năm 1931, Phụ Nữ Tân Văn không ra báo Xuân. Đến số báo Xuân 1932, bằng kỹ thuật in màu đơn giản, tờ báo danh tiếng này đã trình bày một bìa báo có màu đỏ rực rỡ làm nền cho hình vẽ bình hoa đặt cạnh tờ báo Xuân. Nội dung bài vở bên trong đã rõ phong cách báo Tết như có tới hai trang ảnh quê hương đất nước từ Nam ra Bắc, có những bài mang tính “nhìn lại” như bài điểm qua thơ xuân các nhà thơ từ Tây, Tàu, Nhật đến ta, hay bài viết về phụ nữ Việt bước vào năm 1932 và nhìn lại năm cũ. Bên cạnh đó có bài về nhân vật lớn như Alexandre de Rhodes, về một nhân tài đất Việt sống ở hải ngoại như Nguyễn Chánh Nam, một nhà ảo thuật. Tờ báo này dùng minh họa khá nhiều, có trang tới ba, bốn tranh.

Đọc lại bốn tờ báo Xuân Phụ Nữ Tân Văn năm 1930, 1932, 1933 và 1934, ta thấy có điều đáng lưu ý là không tờ báo Xuân nào nhắc đến năm âm lịch của Tết đó, không chỉ trên bìa báo, mà toàn bộ bài

vở bên trong. Chi tiết tuy nhỏ nhưng thể hiện chủ trương canh tân mà báo nhắm tới.



Bìa Phụ Nữ Tân Văn Xuân 1930, 1932, 1933.

Bài vở trên giai phẩm Xuân thường không nặng về chuyện thời sự, chiến cuộc mà thiên về văn hóa văn nghệ, chuyện kể, giai thoại, ôn cố tri tân, mang tính văn chương nhiều hơn nên thường dễ đọc. Số trang báo dày mỏng khác nhau, có số lên tới cả trăm trang khổng, bài vở rất phong phú. Ví dụ như giai phẩm Xuân báo Sóng Thần số Xuân năm 1973 có tới 90 trang.

Ngày xuân, tạm quên những chuyện đời thường, tình yêu quê hương trỗi dậy nên nhiều tờ báo Xuân thích đưa hình ảnh về quê hương đất nước, cảnh kiến trúc cổ như tháp Rùa, chùa chiền lăng tẩm ngoài Huế, bài du khảo. Tuy nhiên, kỹ thuật in còn lạc hậu đã phản tác dụng, các trang in ảnh khá lem nhem. Báo Thần Chung Xuân Canh Dần 1950 đưa tới ba trang ảnh phong cảnh Việt trong trang ruột như câu Cái Khế, Phụng Hiệp, Đêm trăng... do nhà chế bản nổi tiếng Cliché Dầu thực hiện nhưng cảnh vật đều không rõ. Đưa ảnh quê hương trang ruột là thất bại của hầu hết các báo Xuân từ Nam chí Bắc lúc đó. Tuy nhiên, có thể độc giả thời ấy chấp nhận, thỏa chút ước mơ đi đây đi đó hay biết thêm phong cảnh quê hương. Đến những năm thập niên 1960, kỹ thuật in tốt hơn, sắc nét hơn nên coi như vấn đề này được giải quyết. Đến cuối thập niên này, hình ảnh quê hương ít thấy dần trên trang

ruột. Phụ bản chủ yếu là hình ảnh các ngôi sao cải lương hay ca nhạc, và minh tinh màn bạc.

Nhìn sâu vào nội dung các giai phẩm Xuân ở miền Nam từ khoảng giữa thế kỷ XX đến sau này, thường thấy bài bản tổ chức nội dung có na ná nhau, với các mục như: Thơ ông Táo, xuân con gì kể chuyện con đó, trang thiêu nhi, tử vi cả năm... Phần văn nghệ, nhất thiết phải có kể chuyện ăn Tết khắp nơi. Bài Tết đặc sắc trên báo Xuân thập niên 1950 và đầu thập niên 1960, thường là chuyện “Tết khổ sở” trong đó kể những trải nghiệm ăn Tết trong tù: hết ăn Tết trong khám Chí Hòa, ở Côn Đảo lại ăn Tết ở khám lớn Sài Gòn, ở Hỏa Lò Hà Nội. Ăn Tết trong tù chưa đủ, đến chuyện ăn Tết với người Thượng trên cao nguyên, ăn Tết kháng chiến trong rừng U Minh... Kiểu bài thứ hai là bài “xông đất”. Hết xông đất các tòa soạn báo, rồi lại xông đất các nghệ sĩ với những dự định diễn xuất trong và sau Tết. Có báo như Đời Mới thì quan tâm đến người nghèo, đi hỏi chuyện người nghèo ăn Tết, hỏi từ viên công chức ở Bàn Cờ đến anh thợ hớt tóc ở Phú Nhuận. Đặc biệt, các báo Xuân miền Nam rất chuộng đăng bài giai thoại về nhà văn nhà thơ nổi tiếng, nhất là về nhà thơ Tản Đà. Đại thi sĩ này rất được yêu quý nên chỉ trong thời gian ngắn ông vào Gia Định viết cho báo Thân Chung và Đông Pháp Thời Báo cũng đủ nảy sinh những chuyện thú vị về ông đăng dài dài trên một số tờ báo Xuân sau này. Bên cạnh đó còn có các giai thoại về các nhà thơ, nhà văn khác như Phan Khôi, Nguyễn Bính, Hồng Tiều, Bùi Thế Mỹ, Lê Văn Trương...



Vài trang báo Phụ Nữ Tân Văn Xuân 1932.

Báo Xuân thường có những bài tổng kết có giá trị, như *Nhìn về văn chương Việt Nam trong năm 1969* – Nguyễn Nhật Duật (Khởi Hành 1970), *Làng báo Sài Gòn 21 năm về trước* – Trần Tấn Quốc (Báo Hương Xuân năm Đinh Dậu 1957)... Hoặc có những bài báo chỉ đọc tựa là thấy hấp dẫn như: bài *Toàn quyền Decoux và các bực Mỹ của quân đội Pháp đã vứt bỏ xuống sông Kỳ Lông* (Lạng Sơn) hồi Tết 1885 của A Mi báo Việt Thanh số Xuân 1952; bài *Ngày xuân nghe chim hát hay là đi xem những cô Thanh Nga tập sự của Sơn Nam* (Tin Sớm – Xuân Bính Ngọ 1966); bài *Một đêm 30 Tết rùng rợn, chuyện có thật xảy ra năm 1928* của Nhã Hiên (Thời Cuộc – Canh Dần 1950); bài *Người Việt miền Nam có lắm tật xấu đáng yêu của Sơn Nam* (Thời Nay – Kỷ Dậu 1969).

Đặc biệt, có những tờ báo làm khá bài bản một tờ báo Xuân tập trung chuyên đề riêng. Ví dụ: giai phẩm Xuân báo Sóng Thần số Xuân 1973 làm chuyên đề “Chung sống”, trong đó, hầu hết các bài vở xoay quanh câu chuyện những đối tượng khác nhau, đối lập nhau, đặt vấn đề liệu họ có thể chung sống yên bình, hài hòa với nhau không. Đề tài cho chủ đề này khá đa dạng, như *Nghệ sĩ và chung sống*, *Thế giới sắp chung sống và hòa bình*, *Cuộc trao đổi sinh hoạt nghệ thuật cải lương Bắc Nam hồi tiền chiến*,... và

những bài báo về triển vọng kinh tế và viện trợ cả hai miền sau khi chiến tranh chấm dứt, chuyện sống chung của hai mẹ con, hai thế hệ cách xa với hai cách nghĩ khác nhau. Giai phẩm Đuốc Nhà Nam số Xuân 1971 chuyên đề đặc biệt “Tiền” được coi là “công trình sưu khảo” có các bài viết khá hấp dẫn từ các ký ức thời xa xưa về đông tiền Đông Dương, chuyện đông tiền những năm Đại khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 đến giá trị đông bạc đương thời. Chuyên đề về kinh tế Hoa Kỳ trên giai phẩm Thân Chung của báo Đại Dân Tộc năm 1975 chiếm 70% số trang báo. Trên giai phẩm Thời Nay Xuân Bính Ngọ năm 1966, phụ trang đặc biệt 100 năm báo chí Việt Nam có nhiều bài hay như *Lịch trình tiến hóa, Tiến Việt qua 100 năm báo chí, 50 năm làng báo đất Thân kinh, Dở chông báo cũ, Gia Định báo, Bút chiến, hí họa*. Các chuyên đề trên báo Xuân là nguồn tư liệu tham khảo rất đáng quý cho người viết thế hệ sau.

Bên cạnh đó, có hai mảng nội dung mang tính văn nghệ của báo Xuân xưa có sức thu hút độc giả. Đó là hồ i ức Tết xưa và thơ.

Người đọc xem báo Xuân vẫn thường đọc được những hồ i ức rất hay của một số tác giả viết về những cái Tết ngày xưa. Người viết có thể là một nhà báo, nhà văn, nghệ sĩ, một người hoạt động chính trường, một họa sĩ. Ở những số báo thường ngày, họ bình luận chuyện thời sự, vẽ tranh minh họa, viết biên khảo hay truyện ngắn, tiểu thuyết... nhưng khi tham gia viết báo Xuân, họ kể về chính mình, một kỷ niệm đã trải qua ở một khoảng đời, một tuổi thơ xa vắng, một cái Tết đáng nhớ... Hầu hết những bài này được viết bằng giọng văn rất chân thành, đầy cảm xúc nên càng đọc càng thấm. Nhà văn Mai Thảo, trong Khởi Hành số Xuân Canh Tuất 1970 viết tùy bút *Thăm nhà một buổi* thể hiện tâm trạng u hoài sau mười sáu năm gia đình ông di cư vào Nam. Trong mười sáu năm, có những người già đã ra đi và những em bé trong dòng họ được khai sinh. Khi về Phú Nhuận thăm cha mẹ ở một căn chung cư, ông thấy ở đó có một bà u không khí lạnh lẽ, tịch mịch như trong một tản văn của Alphonse Daudet viết về cõi của người già. Khi soi vào tấm gương mà gia đình mang từ miền Bắc vào ông đã từng soi những

ngày thơ, ông thấ y bên kia gương “*sự truyề n tiế p vô hình mà rực rờ... tự động, hiển hiện trên từng xó góc một*”. Nhà văn – họa sĩ Tạ Ty cũng trong tờ báo này, có bài hồ i ức *Quê ngoại* viế t rấ t chi tiế t, giọng văn chân thật. Ông kể về` một dịp Tề t ngày còn bé, được mẹ đưa về` thăm quê ngoại ở một vùng biển nghèo gầ n Yên Tử. Chuyện vấ t và tàu xe ngày Tề t thuở xưa đi từ Hà Nội qua má y chặ ng tàu lửa, tàu thủy, đi bộ dưới mưa rét mới đế n quê, và những ngày xuầ n ở quê nghèo vùng biển Bắ c bộ, những đờ i đấ i của người thân trong gia đình ngày Tề t sao mà xúc động và buồn cho những con người và một quê hương nghèo khó. Hoặc bài viế t *Cái Tề t cuờ i cùng trên đấ t Pháp* của nghệ sĩ Kim Cương trong giai phẩm Xuầ n Con Gà Sờ ng Tề t Kỷ Dậu 1969. Bà kể chuyện trong thời gian sờ ng bên Paris, một đờ m Giao thừa nghi điể n, bà cùng em gái là Kim Quang nắ m tay nhau dạo chơi trong ánh đờ n rực rờ của kính đờ ánh sáng mà cảm thấ y nhớ nhà da điể t. Cả hai hướng về` quê nhà, không chỉ nhớ má và em, nô i thít kho dưa giá mà còn nhớ quê hương, sầ khắ u, khán giả. Khi hai chị em vào quán cà phê gọi hai tách trà nóng uồ ng cho á m bụng, lắ y ra má y thứ mút mang theo để nhắ m nháp thì cảnh quê hương trên má y truyề n hình được bật lên với cảnh bom rơi đạn nổ khiể n cả hai vội vã ra về`, lòng đau xót. Về` tới nhà, nắ m nghe khúc dân ca lại trào nước má t và bà thấ y một niề m thương dâng trào như men say, như sóng ngầ m, xao động từ trong sâu kín của tâm hồ n và sau đó đánh điện xin má cho trở về` ngay và lòng nguyện gắ n bó không bao giờ rời bỏ quê hương.

Mắ ng thơ trên báo Xuầ n, có bài nắ m trong trang mục hắ n hoi, có bài được đờ m vào chỗ trớ ng của trang. Đờ c báo Xuầ n xưa, thường nhắ t được những bài thơ hay, nhiề u câu thơ hàm súc, cảm động. Thơ của các tác giả như Vũ Anh Khanh, Tạ Ký, Viể n Chầ u, Lê Minh Ngọc, Thanh Nam, Đờ nh Hùng, Kiề n Giang, Hoằ ng Hương Trang... luôn buồn, cái buồn man mác trước một mùa xuầ n đờ p khi con người còn nặng nỗi hoài hương, thương xót cho quê nhà đờ ng cảnh chiể n tranh hay nhớ về` cảnh sum họp đấ không còn. Xin trích dẫn vài khổ thơ hay:

Lòng riêng nào những xuầ n hay Tề t

*Dứt áo ra đi một chuyến này
Những chuyện tâm tình không tỏ được
Hoa đào trước cửa lá loi bay...
Bỗng nhiên trời đất đem xuân lại,
Mùa mới dâng hương ngập luống cày
Chim hót bình minh, hoa đón gió
Và người sực tỉnh một cơn say.
(Xuân về` thương nhớ với ai đây – Tạ Ký. Đồi Mới Xuân 1955)
Tôi vẫn lái cuộc đời tôi trên những con đường quen thuộc
không mây
Dù mùa lá rụng hay dù tiếng kèn nửa đêm có căng buồm thổi
đến Honolulu nhiều gió
Xa rồi Việt Nam Đà Lạt và cà phê Tùng cuối năm
Anh gục đầu trong hầm cà phê Figaro Nữ Ước
Chuyến ô-tô-buýt của đời tôi vẫn chạy hoài
Trên những con đường Mỹ châu trống rỗng.
(New York, tháng 11, 1965 – Phạm Công Thiện. Văn Xuân 1966)*

Các cây bút nổi tiếng thường viết cho báo Xuân miền Nam trước đây có Vương Hồng Sển, Tùng Lâm, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Võ Phiến, Vũ Hạnh, Bà Tùng Long, Việt Tha, Tô Nguyệt Đình, Song Thao, Ngọa Long... Các báo Tự Do, Sáng Đội Miền Nam, Tiền Tuyến... có nhiều bài vở của các cây bút gốc Bắc. Một số cây bút thường thấy xuất hiện trên báo Xuân thập niên 1970 như Trường

Kỳ chuyên viết về nhạc trẻ và đời sống giới trẻ, Trần Trọng Thức viết về kinh tế và bình luận thời cuộc. Danh sách còn rất dài, ở đây chỉ xin nêu vài cái tên nổi bật còn nhớ.



Minh họa của họa sĩ Tạ Ty trên Tạp chí Sáng Dội Miền Nam.

Các nhà văn, nhà thơ từ ngoài Bắc, Trung vào Nam tham gia viết báo trong một thời gian ngắn hoặc định cư ở đây đã góp phần làm phong phú văn chương trên báo chí miền Nam. Thời gian từ khoảng thập niên 1920 cho đến 1945, đó là Tản Đà, Đào Trinh Nhất, Phan Khôi, Tùng Lâm Lê Cương Phụng, Bùi Thế Mỹ, Hồng Tiêu, Nguyễn Bính... Họ không chỉ để lại tác phẩm mà còn những giai thoại về mình, nhất là Tản Đà, Nguyễn Bính, Phan Khôi. Sau đó là lớp nhà văn nhà thơ từ miền Bắc vào Nam sinh sống từ năm 1954 khá đông, mang sinh lực bổ sung vào làng văn chương báo chí miền Nam. Họ làm những tờ báo và tạp chí mang sắc thái riêng của đất Hà Nội hào hoa trước kia như Văn Hóa Ngày Nay, Sáng Tạo, Tự Do... viết những bài văn, thơ sâu sắc, nặng suy tưởng, hoặc có hơi hướng hiện đại như Nhất Linh, Vũ Bằng, Nguyễn Sa, Cung Trầm Tưởng, Nhật Tiển, Tạ Ty...

Có những nhân vật của báo chí Sài Gòn nay đã bị quên lãng, dù họ có một thời viết báo sôi nổi như Phan Thứ Khanh, Bùi Thế Mỹ, Ngọa Long Nguyễn Kim Lượng... Riêng về Phan Thứ Khanh, báo Tin Diễm Xuân Ất Mùi 1955 có bài viết *Những mặt tài tình trong làng*

báo cũ của Ngô Thị Đào Hồ`ng rất tôn kính khi nhắc đến ông, một người có khí tiết, thanh bạch, con của tiến sĩ Phan Quang trong “Ngũ phụng tê` phi” đất Quảng Nam. Phan Thứ Khanh có tài làm thơ và dịch thơ. Khi Đào Trinh Nhât làm tờ báo Mai có nhờ ông làm bài ca trù đặt ngoài bìa số` Xuân. Năm sau, ra báo Xuân, Đào Trinh Nhât lại dùng in trên bìa lần nữa, được ấn loát rất đẹp. Lần nào ông Nhât cũng trả nhuận bút hậu hĩnh đến nỗi được coi là kỷ lục thời đó. Tác giả bài viết còn cho biết thi thoại và thi phẩm của Phan Thứ Khanh rất nhiều, có thể sưu tầm đủ ra một cuốn sách.

Qua các trang báo Xuân, phát hiện ra vài điều thú vị: Soạn giả Viễn Châu từng làm thơ, viết truyện. Họa sĩ Duy Liêm, chuyên vẽ mẫu sơn mài, bìa nhạc và tranh lập thể cũng có vẽ biếm họa, khá sinh động và có ý. Họa sĩ Lê Trung, chuyên vẽ bìa báo và minh họa có viết văn, kể chuyện khá hay về` Châu Đốc quê ông. Nhà báo Lê Phương Chi, chuyên phỏng vấn nghệ sĩ cũng là người lấy số` tử vi các nghệ sĩ để đăng trên báo.

Báo Xuân ngày xưa đạt một vị trí trong lòng người đọc, được đón mua, nên giới nghệ sĩ cũng bắt chước làm... báo Xuân, được thuật lại trên báo Xuân Thời Nay năm Kỷ Dậu 1969. Nghệ sĩ viết báo Xuân kể về` chuyện đời, chuyện nghề` của họ trên đường nghệ thuật. Độc giả rất thích thú khi đọc những tờ báo Xuân độc đáo này, vì qua đó có thể hiểu thêm tâm tình của những nghệ sĩ mà họ hâm mộ. Năm 1955 và 1956 có hai số` báo Xuân do nghệ sĩ Tường Vi chủ biên, có phần lý lịch về` các đào kép và soạn giả cải lương. Năm 1961, một ký giả tên là Thanh Khiêm nhảy vào làm tờ báo Xuân Cải Lương. Qua năm sau 1962, nghệ sĩ Thành Được làm tờ Xuân Cải Lương thứ hai, được cho là *“rất đáng khen về` mặt kỹ thuật”*.

Báo Xuân Sài Gòn xưa, trên suốt chặng đường 45 năm từ 1930 đến 1975, tải được phần nào những điểm nổi bật của đời sống xã hội của thành phố` nhiều biến động này, qua những bài báo, truyện ngắn, bài thơ, tranh ảnh chọn lọc, chân tình, sắc bén, đầy cảm xúc với bao nhiêu suy gẫm, chiêm nghiệm về` cuộc đời trong đó và chứa nhiều tư liệu quý. Còn là người Việt, ít nhiều chúng ta còn

có cảm xúc trước mùa xuân, trước cái Tết và hoài vọng những chân trời cũ đã trôi xa. Mỗi dịp đọc báo Xuân xưa, những điều đó lại sống dậy.



Nhà văn Đỗ Phương Khanh giới thiệu báo Thiếu Nhi Xuân 1972 trước chợ Bến Thành. Tư liệu gia đình nhà văn Đỗ Phương Khanh.

Diện mạo báo Xuân

Bìa loại ấn phẩm này hầu hết là bức tranh vẽ thật đẹp, hoặc ảnh chân dung các nữ tài tử, diễn viên. Tranh vẽ luôn thể hiện những gì tượng trưng cho Tết như nhành mai vàng, bộ lư đồng và mâm ngũ quả, ngôi chùa cổ với người đi hái lộc, con vật tượng trưng cho năm Âm lịch đang tới. Nhiều bức tranh gợi lại không khí êm đềm của cuộc sống ngày xưa như thiếu nữ mặc áo dài bên hoa xuân, thôn nữ bên hàng dừa, gia đình tung bồng bên nhau ngày Tết với mai vàng, đào thắm, thủy tiên xinh, bao lì xì. Dù tranh hay ảnh, nhân vật trung tâm hầu hết là các thiếu nữ, nhân vật gắn liền với mùa xuân, duyên dáng trong tà áo dài. Hiếm có bìa báo gắn với chuyện thời sự đang diễn ra, trừ vài bìa báo những năm đầu thập niên 1970 liên tục đưa hình ảnh chim bồ câu, tượng trưng cho sự khát khao hòa bình. Dù sao, báo Xuân là dịp tạm quên những trăn trở, nhọc nhằn của cuộc sống trần trụi mà tờ báo phản ánh cả năm qua.

Dù không xem được nhiều báo Xuân phát hành ở miền Nam trong khoảng thời gian 1930 – 1940 nhưng qua các số Phụ Nữ Tân Văn Xuân đầu thập niên 1930 đến khi đình bản năm 1935, cùng vài tờ khác như Công Luận, Nam Kỳ Tuần Báo, Kiến Thiệt... chúng tôi xin nêu vài nhận xét về việc trình bày bìa báo Xuân thời ấy.

Qua báo Phụ Nữ Tân Văn, có thể thấy báo chí miền Nam lúc ấy đã mời các họa sĩ miền Bắc tham gia vào phần mỹ thuật. Họa sĩ Trần Quang Trân, Lê Yên của trường Mỹ thuật Đông Dương phụ trách “hội họa” (hiểu là phần thiết kế mỹ thuật) của báo.

Trong năm 1933, báo Phụ Nữ Tân Văn mặc dù mới ra được ba số báo Xuân đã mở một cuộc thi vẽ bìa báo Xuân năm 1934. Đến số báo 229 (ra ngày 21.12.1933), báo đăng danh sách dự thi và thông báo là đến ngày 25 tháng 12 chấm xong sẽ trưng bày các mẫu tranh dự thi tại nhà in Jh Nguyễn Văn Việt. Danh sách dự thi gồm 42 người, cho thấy có đủ thí sinh các nơi gửi tranh về, xa nhất có tới 2 người tận Cao Bằng, 7 người ở Hà Nội, vài người ở Hà Đông, Phúc Yên. Trong Nam đông hơn, tập trung nhiều nhất ở Gia Định 7 người, Sài Gòn 3 người và từ các nơi khác như Chợ Lớn, Tây Ninh, Sa Đéc, Tân An, Cần Thơ... Cuối cùng, tòa soạn chấm bức tranh của họa sĩ Nguyễn Cát Tường, tự Lemur, tốt nghiệp trường Mỹ thuật Đông Dương, được giải nhất. Giải nhì trao cho ông Nguyễn Duy Tân, trường Mỹ nghệ Thủ Dầu Một. Bìa báo Xuân năm đó rất thơ mộng, với ba cô gái bận áo dài ngời trên thùyên ngang qua bóng của một cây mai trắng cổ thụ đang nở đầy hoa. Dù trong điều kiện in ấn đơn giản của thời đó, dưới tay họa sĩ có tiếng từng sáng tạo ra chiếc áo dài, bức tranh hiện lên cảnh chơi xuân êm đềm bằng tông màu nhẹ nhàng, hài hòa như trong một giấc mơ xuân êm ả. Có thể nói đây là một bìa báo đẹp trong làng báo Xuân Việt trăm năm qua.



Bìa Xuân Phụ Nữ Tân Văn 1934 với tranh của họa sĩ Lemur Cát Tường.

Báo Công Luận năm Bính Tý 1936 thể hiện trên bìa hình ảnh người phụ nữ miền Nam búi đầu trong trang phục áo dài ôm sát thân hình. Bìa báo thể hiện một bài “đỉnh” đứng tên bản báo có tí là *Y phục của phụ nữ có cần cải cách không?* và khẳng định là có. Thời điểm đó, áo dài Lemur chỉ mới phổ biến không lâu từ Bắc vô Nam, chứng tỏ tư duy làm báo nhanh nhạy và quan điểm cổ vũ sự tân tiến của tòa báo.

Đến thập niên 1940, có lẽ ảnh hưởng chiến tranh, báo Xuân xuất hiện với bìa báo đơn giản, không được chăm chút. Bìa báo Nam Kỳ Tuần Báo năm 1944, Kiến Thiết năm 1947 vẽ đơn giản, màu sắc đơn giản. Đến cuối thập niên này, có hiện tượng báo Xuân đua nhau xuất bản, không chỉ từ các tòa soạn báo mà từ các nhà xuất bản như Nam Cường, Tân Việt... và từ các tổ chức tôn giáo.

Qua giai đoạn đầu những năm 1950, bìa báo Xuân ở Sài Gòn đã cố gắng cuốn hút độc giả với nhiều màu sắc rực rỡ. Có nhiều bìa báo như một bức tranh xinh tươi như báo Tiếng Dội, Thôn

Chung, Dân Quí cùng ra Tết Tân Mão 1951. Báo Dân Quí Xuân Tân Mão 1950 mời được họa sĩ học trường Mỹ thuật Đông Dương là Mai Trung Thứ vẽ bìa cho mình dù ông ở Paris. Từ năm 1954, ở Sài Gòn, sau những năm chiến tranh là khoảng thời gian kiến thiết miền Nam. Kinh tế khởi sắc hơn, làm ăn thông thoáng hơn, giáo dục phát triển và sách báo phát hành nở rộ với nhiều nhà xuất bản và tòa báo mới thành lập. Báo Xuân giai đoạn này xuất hiện những tờ có manchette lạ, sau này không còn thấy nữa, như các tờ Dân Quí, Việt Thanh, Xuân Việt Nam, Thanh Bình... bên cạnh các báo quen thuộc như Tiếng Chuông, Thân Chung, Mới, Tiếng Dội. Lúc đó, bìa báo hầu hết sử dụng tranh vẽ, nhiều bìa rất đẹp, trang nhã như bìa báo Tự Do (họa sĩ Phạm Tăng vẽ), bìa báo Tin Điện (họa sĩ Tú Duyên vẽ), Tiếng Chuông... Đặc biệt, các báo có tranh của họa sĩ Lê Trung bán rất chạy.



Hai tranh bìa báo Xuân của họa sĩ Lê Trung.

Thời kỳ này, một số báo như Quê Hương, Việt Thanh, Ánh Sáng, Dân Tộc Hòa Bình, Đời Mới... dùng ảnh thiếu nữ làm bìa, tuy nhiên do hạn chế về kỹ thuật in tráng phim màu, hầu hết các bìa báo là ảnh đen trắng được tô màu, số ít dùng ảnh đen trắng nhưng đặt trong khung tranh màu sắc sỡ in typo, như bìa báo Hương Xuân số Xuân Đinh Dậu năm 1957, in chân dung của nghệ sĩ Kim Cương.

Lúc này, kỹ thuật tô màu lên ảnh đen trắng bằng màu dầu được ưa chuộng từ sáng chế của ông Nguyễn Hữu Quý ở tiệm ảnh Văn Hoa Photo.

Nửa đầu thập niên 1960 là thời kỳ phong phú nhất về cách thể hiện bìa báo Xuân. Các báo thương mại như Tiếng Chuông, Sài Gòn Mới, Phụ Nữ Ngày Mai, Phụ Nữ Diễn Đàn tiếp tục khai thác mạnh mẽ tranh bìa của họa sĩ Lê Trung rồi Lê Minh. Báo Tự Do in tranh bìa của họa sĩ Phạm Tăng, Nguyễn Gia Trí, có cả kiểu tranh trở giá y lạ mắt. Tạp chí Ánh Đèn Dầu dùng tranh lập thể của họa sĩ Tạ Ty làm tranh bìa. Các họa sĩ vẽ tranh bìa đắt giá của thời kỳ này là Lê Trung, Lê Minh, Duy Liêm, Thái Văn Ngôn. Ảnh nữ nghệ sĩ lúc này đã in màu đẹp hơn, đưa nhiều chân dung các nghệ sĩ có tiếng như Kim Cương, Thẩm Thúy Hằng, Thanh Nga. Tiệm ảnh Bình Minh ở đường Bùi Thị Xuân (của đạo diễn Lê Dân) và tiệm ảnh Viễn Kính của ông Đinh Tiến Mậu ở đường Phan Đình Phùng (Nguyễn Đình Chiểu nay) cung cấp nhiều chân dung đẹp để làm bìa báo.



Một số giai phẩm Xuân dùng ảnh chụp nữ nghệ sĩ làm bìa.

Từ năm 1965 đến 1975, nhìn chung mỹ thuật trên bìa báo Xuân không còn đặc sắc như trước, dù vẫn thấy tập thoảng những bìa báo đẹp. Điều đó phản ánh sự thiếu ổn định của nền kinh tế, chiến cuộc leo thang nên nhiều người tài ở mọi lĩnh vực phải ra chiến trường, sự thiếu hụt giấy in ảnh hưởng đến hình thức báo chí Sài Gòn. Giai đoạn từ 1970 đến 1975 xuất hiện nhiều tờ báo in ấn lem nhem, giấy mỏng manh, thiết kế bìa sơ sài, minh họa ít,

nét vẽ rất nghiệp dư và thậm chí không có minh họa, tranh biếm thì dùng của tạp chí nước ngoài cho đỡ chi phí. Hình ảnh trên bìa giai đoạn này dùng nhiều ảnh nghệ sĩ, ngoài Thẩm Thúy Hằng có thêm các nghệ sĩ như Minh Hiếu, Diễm Thúy, Mộng Tuyền, Phương Hoài Tâm, Kim Loan... Một số bìa báo Xuân cố gắng duy trì tính mỹ thuật cao, trở lại dùng tranh vẽ làm bìa như báo Sóng Thần, Sóng. Một số báo khác dàn dựng ảnh chụp hình tượng chim bồ câu các kiểu, thể hiện khát vọng hòa bình giữa giai đoạn khói lửa chiến tranh ngất trời.

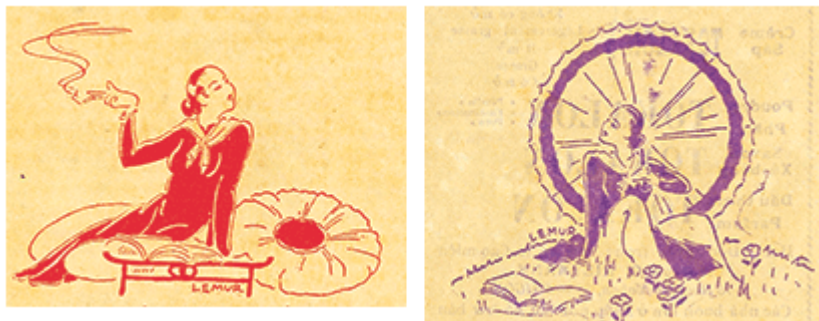
Tuy nhiên, năm năm đầu thập niên 1970 lại đánh dấu sự phát triển về hình thức, bao gồm kỹ thuật trình bày, bìa báo, minh họa của các tạp chí, tuần báo dành cho thiếu nhi, học sinh như Tuổi Hoa, Thiếu Nhi, Tuổi Ngọc, Ngàn Thông... với những họa sĩ có tài được hỗ trợ bởi kỹ thuật in ấn đã rất phát triển. Nổi bật trong đó có họa sĩ ViVi, một họa sĩ tốt nghiệp trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn có kỹ thuật hình họa rất vững, tạo hình đẹp, sinh động và sáng tạo, rất gần gũi với thị hiếu thẩm mỹ giới học trò đô thị miền Nam. Ông vẽ bìa báo, minh họa, tranh vui... trên các tuần báo Tuổi Hoa, Thiếu Nhi, Ngàn Thông. Trên báo Tuổi Ngọc, họa sĩ đồng thời là nhà văn Đinh Tiến Luyện vẽ nhiều tranh bìa, minh họa đẹp và dễ thương, gây cảm xúc, đặc biệt đáng nhớ là hình tượng thiếu nữ với đôi mắt nai to tròn. Cho đến giờ, tranh vẽ của hai họa sĩ này vẫn được nhắc nhở, lưu truyền trên các trang báo điện tử và mạng xã hội.

Tranh minh họa trên báo Xuân

Đầu thập niên 1930, tranh minh họa xuất hiện lai rai trên tờ báo Xuân có mặt rất sớm ở miền Nam là báo Phụ Nữ Tân Văn 1930. Tranh minh họa thường khổ rất nhỏ, có khi không ăn nhập đến nội dung như hình một con thuyền, một bình hoa, con chim én, chỉ để lấp khoảng trống còn dư dưới một cột báo. Đến số Xuân 1932, chỉ có một hoặc hai bài nổi bật trong tờ báo có thêm tranh minh họa khổ lớn, vẽ kỹ, sát nội dung bài, nhưng cách thể hiện bố cục chặt chẽ giống một bức tranh hơn là minh họa. Đến số Xuân 1934, có sự

tham gia vẽ bìa và minh họa của họa sĩ Lemur Cát Tường, với những bức tranh sinh động và mê mại hơn.

Đến đầu thập niên 1950, trên các tờ báo Xuân ở Sài Gòn thể loại này bắt đầu được chú ý hơn, xuất hiện nhiều hơn. Một số họa sĩ trường Mỹ thuật Đông Dương như Mạnh Quỳnh, Hoàng Tích Chù, Tú Duyên lúc đó có vẽ minh họa cho báo Sài Gòn Mới số Xuân 1952, báo Mới số Xuân Quý Tỵ 1953... Khách quan mà nói, số tranh này không bắt mắt lắm, ít chi tiết và nét vẽ còn sơ sài dù tác giả là họa sĩ nổi tiếng (có thể do quan niệm của họ về vai trò của tranh minh họa). Tuy nhiên, từ lúc đó đã xuất hiện những họa sĩ mới tuy chưa được biết tiếng nhưng vẽ rất đẹp, rất mới. Trong số đó, có nhiều họa sĩ xuất thân từ trường Trang trí Gia Định, có vài người tuy không học trường lớp nhưng có năng khiếu tham gia.



Minh họa của Lemur trên báo Phụ Nữ Tân Văn Xuân 1934.

Từ giữa thập niên 1950 và suốt thập niên 1960, có thể nói là thời kỳ dài có nhiều giai phẩm Xuân mang hình thức đẹp nhất vì từ bìa đến ruột, vai trò của tranh vẽ được đẩy mạnh hết mức do lúc đó kỹ thuật in ảnh chụp chưa đạt tới mức rõ đẹp. Điều này thể hiện sự quan tâm của giới chủ báo đến tính mỹ thuật của tờ báo như một cách thu hút độc giả quan trọng. Sự chuyển hướng trong tổ chức thực hiện báo Xuân lúc đó, như mở rộng khổ báo, tăng số trang lên để tăng hàm lượng nội dung bài vở nhằm thu hút độc giả mua báo đã dẫn đến sự lên ngôi của tranh minh họa. Vì nội dung báo Xuân là món quà văn nghệ tâm tình, nhìn lại đời, nhìn lại mình, do đó, truyện ngắn được dùng nhiều, hồi ký hay chuyện kể luôn có. Những bài viết dạng này khá dài, đọc mệt mắt lại khó theo dõi nên cần có tranh minh

họa. Tranh minh họa thu hút độc giả khi mới thoáng nhìn trang báo, sau đó giúp độc giả cảm nhận sâu hơn nội dung bài viết. Có tờ báo dày đặc tranh ảnh minh họa như Sài Gòn Mới Xuân 1955 có tới 21 tranh, 15 ảnh chưa kể vài tranh biếm họa.

Giữa thập niên 1950, minh họa trên báo Xuân khá phong phú, nhiều bức mang tính mỹ thuật cao. Có thể xu hướng minh họa được chăm chút kỹ trên các báo Pháp, Mỹ du nhập vào Sài Gòn đã tác động lên giới họa sĩ. Điềm qua tên tuổi một số họa sĩ minh họa gắn với từng tờ báo phát hành hàng ngày và dịp ra báo Tết: báo Ánh Sáng năm Canh Dần 1950 có các họa sĩ Bình Thành và Mai Hoàng Minh; báo Tiếng Chuông 1951 có các họa sĩ Thế Chương, Hung Hội, Nguyễn Văn Mười, Bình Thành. Ngoài ra, có họa sĩ Phan Khánh vẽ cho tờ Buổi Sáng; họa sĩ Diệp Đình ảnh hưởng báo Pháp vẽ rất Tây, sẵn sàng chạy số, ai kêu gì vẽ nấy. Họa sĩ Lê Phan rất xông xáo ở lĩnh vực này, vẽ nhiều tranh minh họa đẹp, sinh động. Trên báo Điện Báo Xuân Canh Dần 1950, ông vừa vẽ biếm vừa minh họa hơn chục bức. Họa sĩ Hiếu Huệ là tay minh họa có tâm cỡ, vẽ đẹp, sinh động và ý tứ sâu sắc. Thịnh thoảng có tranh minh họa của họa sĩ Mai Hoàng Minh trên báo Lửa Sống Xuân Canh Dần. Họa sĩ Lê Trung, họa sĩ chuyên vẽ bì cũng tham gia minh họa nhưng không nhiều, thỉnh thoảng tham gia một bức đơn lập được đóng khung trang trọng. Đến cuối thập niên này, nhiều bức minh họa trên báo Tự Do của người miền Bắc di cư vào mang tính mỹ thuật cao, trong đó có tranh của họa sĩ Ngọc Dũng và những bức không ký tên, có thể của họa sĩ Phạm Tăng. Tranh minh họa của Ngân Hà, một họa sĩ gốc Bắc cũng thường xuất hiện có nét duyên dáng riêng.

Đến đầu thập niên 1960, các tòa báo có trong tay nhiều họa sĩ vẽ đẹp, hợp thị hiếu độc giả nên cho phép kích thước tranh minh họa lớn dần để thu hút người xem. Có bức kéo dài từ đầu đến cuối trang giấy, chiếm cả một phần ba chiều đứng của trang báo khổ lớn, chừa phần còn lại cho bài. Minh họa thường được bố trí trên trang báo gồm tranh vẽ quanh tit bài và ô tranh minh họa theo nội dung bài. Đội ngũ họa sĩ vẽ minh họa tăng dần theo sự phát triển của báo chí về số lượng và sự quan tâm của giới chủ báo, đội ngũ càng

đông thì cách thể hiện phong phú và đa dạng hơn, tỉa tót kỹ càng hơn trước. Có nhiều họa sĩ ăn lương cao chỉ chuyên vẽ minh họa. Thời gian này, người đọc chú ý đến những bức minh họa mang sắc thái lạ xuất hiện trên tạp chí Sáng Dội Miền Nam của Tạ Ty, người từng học trường Mỹ thuật Đông Dương và là họa sĩ tiên phong theo trường phái lập thể ở Việt Nam. Minh họa của ông đường nét đơn giản nhưng tính biểu hiện cao, hiện đại và sang trọng, phù hợp với thị hiếu của người có học. Tranh đẹp, lại được in màu càng đẹp.

Một họa sĩ minh họa khác được chú ý nhiều, đó là Lê Minh. Ông tốt nghiệp trường Mỹ nghệ Thực hành Gia Định, chuyên minh họa và vẽ bìa báo từ trước và sau năm 1960. Ông vẽ rất sung sức, hình tượng nhân vật luôn là những cô gái đẹp mắt to, vóc dáng cân đối, những thanh niên đẹp trai với mái tóc bồng. Nhân vật của Lê Minh tả hao hao giống nhân vật của họa sĩ Lê Trung nhưng “bô c” hơn, được tả chi tiết từ mái tóc đến bàn tay, nếp gấp tà áo đến đôi bông tai. Lúc đó, giấy in báo dòn và có chất lượng tốt nên tranh ông vẽ được in ấn sắc sảo, đến giờ còn thấy đẹp. Do cách vẽ tả thực của Lê Minh bắt mắt, phù hợp với thị hiếu thẩm mỹ của giới bình dân nên các báo mang tính thương mại như Tiếng Chuông, Sài Gòn Mới, Phụ Nữ Diễn Đàn, Phụ Nữ Ngày Mai rất chuộng và tranh của ông góp phần giúp các loại báo này bán chạy. Trên một tờ báo Xuân của Phụ Nữ Diễn Đàn, Lê Minh vẽ tới 22 bức minh họa. Có bức tràn cả trang báo.

Năm 1969, sau khi chiến cuộc lắng dịu, có sự hồi sức mạnh mẽ trên báo Xuân Sài Gòn với nhiều bài có nội dung hay, minh họa đẹp. Đặc biệt năm này, báo Xuân có nhiều minh họa mang tính mỹ thuật cao là giai phẩm Xuân Chính Luận. Rất tiếc là các bức minh họa trên báo này không ký tên tác giả.

Từ 1970 đến 1975, kinh tế ngày càng khó khăn, giá giấy tăng, chiến cuộc căng thẳng, công nhân nhà in, họa sĩ thiếu hụt nên hình thức báo Xuân khổ lớn của các nhật báo giai đoạn này xuống thấp rõ. Tranh minh họa ít hẳn đi. Điển hình như giai phẩm Xuân Công Luận năm Canh Tuất 1970 in trên giấy xâu và mỏng, minh họa sơ

sài. Báo Ngôn Luận Xuân Tân Hợi 1971 có vài minh họa bé xíu. Báo Hòa Bình in lem nhem, minh họa nhỏ như hộp diêm. Đến báo Điện Tín Xuân Nhâm Dần 1974 thì không có bức minh họa nào cả, toàn chữ là chữ.

Tuy nhiên, trên các tạp chí nhỏ như Văn, Nghệ Thuật, Thời Nay... phần mỹ thuật vẫn được chăm chút. Đặc biệt, các số báo Xuân có bìa và minh họa đẹp, nhờ sự cộng tác của các họa sĩ có tiếng đương thời như Duy Thanh, Ngọc Dũng, Nguyễn Trung, Đinh Cường... Phải chăng vì các tạp chí này đã tạo được cho họ những sân chơi văn nghệ nhẹ nhàng giữa thời buổi kinh tế khó khăn và chiến tranh song hành? Cũng thời gian này, nhờ có họa sĩ ViVi trên báo Tuổi Hoa và Thiệu Nhi, họa sĩ Đinh Tiến Luyện trên báo Tuổi Ngọc mà các báo dành cho tuổi nhỏ này vẫn đẹp nhờ in nhiều tranh minh họa, tạo dấu ấn đậm đà trong lòng độc giả học sinh.



Phụ bản tranh Ngọc Dũng, Nguyễn Trung, Duy Thanh trên tạp chí Văn số Xuân Giáp Dần 1974.

Lần giờ trên hai trăm tờ báo Xuân trải dài suốt hơn ba mươi năm trước 1975, chúng tôi thấy có hiện tượng nhiều bức tranh không ghi tên tác giả nhưng lại có tên... cơ sở làm bản kẽm như Cliché Dâu hay Cliché Trung. Điều đó cho thấy kỹ thuật in ấn, làm bản kẽm tranh ảnh để in trên báo rất được coi trọng.

Tranh ảnh, minh họa trên báo Xuân xưa có thể xem là loại mỹ thuật bình dân dành cho đại chúng, giúp phổ cập và nâng cấp cảm thụ mỹ thuật. Ở thể loại tranh này, người đọc thấy được tay nghề vẽ minh họa của các họa sĩ thời đó, những ảnh hưởng của họ từ tài liệu nước ngoài và ảnh hưởng lẫn nhau. Minh họa làm tăng nội dung bài vở, giúp độc giả đương thời và cả người đọc hôm nay hình dung rõ hơn cuộc sống muôn màu của người thế hệ trước.

Biếm họa

Biếm họa trên các giai phẩm Xuân ở Sài Gòn đã có từ đầu thập niên 1930. Đến những thập niên sau đó xuất hiện nhiều hơn trên các ấn phẩm Xuân so với trên báo ngày. Loại tranh này có vài đặc điểm riêng.

Giống như nội dung báo Xuân đòi dào tính văn nghệ, đọc để thư giãn, hồ hởi tương, biếm họa ở đây tập trung nhiều vào mục đích giải trí, cung cấp cho độc giả những giây phút thư giãn trong ngày xuân khi xem tờ báo đặc biệt mỗi năm ra một lần. Các biếm họa liên quan đến thời sự xã hội, chuyện chính trị, đả kích cũng có trên báo Xuân nhưng không nhiều vì đã thường có trên báo ngày. Tranh biếm họa còn dùng để lấp chỗ còn dư cuối trang khi bài đã hết.

Biếm họa rải rác từ đầu đến cuối số báo Xuân. Một số tờ dành cả trang hoặc có khi hai trang, vẽ một chùm tranh với rất nhiều nhân vật, chuyện trò với nhau, bàn đủ mọi vấn đề đang diễn ra hay vừa xuất hiện trong năm qua, từ chuyện kiếm sống, quan hệ xã hội đến chuyện chính sách nhà nước.

Từ thủa ban đầu của báo Xuân miền Nam, trên báo Phụ Nữ Tân Văn Tết 1930 đã có vài bức biếm họa của họa sĩ Trần Quang Trân

và Nguyễn Thành Vinh, được chú thích bằ ng... thơ, trích từ bài Chúc Tết của Tú Xương chế giễu thói học đòi của thị dân miền Bắc thời đó, thể hiện bằ ng hình vẽ sơ sài. Số 1932 không có bức biế m họa nào. Đến số Tết 1933, bắ t ngờ xuấ t hiện chỉ một bức biế m khá sắ c sảo vẽ hai nhân vật đang nổi đình nổi đám là Tản Đà và Phạm Quỳnh, một ông đang ngắ t ngưỡng say bên đố ng vỏ chai rượu, một ông bận áo dài khăn đống đập vỡ chai rượu, dưới hai câu thơ: “Trăm năm trong cõi người ta/ Ông Quỳnh ông Hiế u khéo là cọt nhau”. Người vẽ là Tú Ly, có thể là nhà văn Hoàng Đạo (sau này có tranh minh họa trên báo Ngày Nay).



Biế m họa về Tản Đà và Phạm Quỳnh do Tú Ly vẽ.

Đế n số báo 1934, cải tiế n hình thức rõ rệt, có sự tham gia về mỹ thuật của họa sĩ Lemur Cát Tường, vẽ từ bì a báo đế n minh họa, biế m họa. Những bức biế m họa của ông khá sinh động, nội dung nhẹ nhàng gầ n gũi.



Biế m họa của Lemur trên báo Phụ Nữ Tân Văn Xuân 1934.

Báo Công Luận Tết Bính Tý 1936 có nhiều bức biếm họa vẽ khá chi tiết về các cuộc đời thối của vợ chồng thuộc giới thượng lưu trong xã hội với trang phục lịch sự, lời nói của người có học, nhà cửa tươm tất. Qua đó, cùng với bài vở trong tờ báo, có thể thấy đời tượng báo hướng tới là tầng lớp trên của xã hội đang hướng tới cuộc sống tân tiến. Cuộc khủng hoảng kinh tế ở Nam Kỳ cũng được thể hiện trên báo Xuân qua tranh biếm họa thời kỳ này.

Từ cuối thập niên 1940 trở về sau, khoảng thập niên 1950, tranh biếm họa trên báo Xuân xuất hiện nhiều hơn trước đó, do vài họa sĩ xuất thân từ trường Mỹ thuật Đông Dương và Mỹ nghệ Thực hành Gia Định vẽ. Thời gian này, tranh tập trung cười cợt, chế giễu những tính cách lười thối, sĩ diện hão, thói hư tật xấu của con người hay cách sống phi đạo đức trong hôn nhân, trong đời nhân xử thế, trong quan hệ giữa con người với nhau.



Anh thật thà làm sao! Trước khi tôi về làm vợ anh, anh không biết kiếm lời gì mà khen tặng tôi, khen nức khen nở, cho tôi khoái bao tử, thoát đến ngày tôi về làm vợ anh, chừng ấy anh lãnh đạm với tôi đến bực nào!

- Sê-ri ơi, sao nhiều lúc em muốn làm đàn ông quá!

- Chỉ vậy cục cưng?

- Để Tết em sắm vòng vàng cho người yêu của em.

(Tranh biếm họa trên báo Công Luận Tết 1936)

Đầu thập niên 1950, vẫn còn dư âm của thời làm giai phẩm Xuân hồ i trước 1945, với sự xuấ t hiện của hai nhân vật Xã Xệ và Lý Toét – “siêu sao” của biế m họa Việt Nam thời Pháp thuộc trên báo Phong Hóa và Ngày Nay của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Xuấ t hiện trên báo Điện Báo Xuân Canh Dầ n 1950 hay báo Tiế ng Chuông Xuân Tân Mão 1951 vẫn là Lý Toét cao gầ y, tóc búi, đầ u đội khăn, mặt mày khắ c khổ, gò má cao, râu mép tua tủa và Xã Xệ mập lùn, mặt tròn quay, tóc có mỗi một cọng xoắ n lò xo... Lý Toét lúc được gọi là cụ Lý, lúc dùng lại tên Lý Toét. Tuy nhiên, sức hút của hai hình tượng này không mạnh nữa, có lẽ không hợp với xã hội miề n Nam nên đế n khoảng cuố i thập niên 1950 thì mắ t hẳn.

Đế n giữa thập niên 1960, ý tưởng châm biế m trên biế m họa mạnh mẽ hơn, phê phán quyế t liệt thái độ coi trọng đô ng tiề n, đạo đức suy đô i và đặc biệt phê phán giới thương gia đầ u cơ tích trữ cùng người có chức quyề n ăn hồ i lộ, tham nhũng. Tuy nhiên, dù mang tính phê phán nhưng tranh biế m báo Xuân thể hiện ý tưởng không quá gay gắ t và chua cay, giề u cợt nhẹ nhàng chứ không mạnh mẽ và trực diện như biế m họa trên báo ngày. Hình ảnh người nghèo xuấ t hiện thường xuyên vì họ là nạn nhân của mọi bắ t công hay là đô i tượng chịu nhiề u khó khăn trong một xã hội đang bước đầ u phát triển dù đang có chiế n tranh. Các họa sĩ, phía sau là tòa báo, đứng hẳn về phía người dân bình thường, độc giả thường xuyên của họ. Giai đoạn nửa đầ u thập niên 1970, những biế n động xã hội như đô ng tiề n mắ t giá, đàn áp biểu tình, chiế n tranh lan rộng được phản ánh rõ trên biế m họa.

Điể m qua một số tranh biế m trên báo Xuân, chúng ta có thể thắ y ý hướng và công phu thể hiện của các họa sĩ:

Bộ tranh Văn nghệ sĩ của Hoàng Lập Ngôn trên báo Ánh Sáng Xuân Tân Mão 1951 cho thắ y một góc nhìn duyên dáng của làng báo Sài Gòn thời bắ y giờ. Hai mươi chân dung nghệ sĩ nổi tiế ng của Hà Nội được phác họa khá dí dỏm và cường điệu đúng tinh thầ n của chân dung biế m, có thêm lời bình của họa sĩ người Hà Nội vô n là bạn bè thân thiế t hay có mộ i quan hệ quen biế t với các nhân vật,

giúp người đọc Sài Gòn có cái nhìn bao quát về giới nghệ sĩ miền Bắc cùng thời.

Bộ tranh khá hài hước nhưng chừng mực Tết các giới của họa sĩ Hiếu Huệ trên giai phẩm Tiếng Chuông Tết Ất Mùi 1955 phản ánh một cách nhẹ nhàng những mặt trái của xã hội, cảnh ăn Tết của giới công nhân cũng như tính xấu của một “bộ phận” viên chức chính quyền (hồi lộ và hồi lộ vật...). Hơn nửa thế kỷ trôi qua, những tranh này vẫn giữ nguyên tính thời sự.

Các biếm họa trên số Tết 1957 Đinh Dậu, 1960 Canh Tý, 1964 Giáp Thìn thể hiện góc nhìn khá hài hước về lãnh vực giáo dục. Lúc nào cũng vậy, vai trò người thầy và mục đích giáo dục có lẽ là mối quan tâm thường xuyên của người dân.

Tranh Tết 1961 Tân Sửu lần nữa nhắc lại thói “làm chơi ăn thiệt” của viên chức Việt, có lẽ đây là yếu tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển của người Việt và làm bận lòng khá nhiều cây cọ biếm. Tranh Tết 1962 Nhâm Dần nói về những chuyện thường ngày của phụ nữ và tật xấu phổ biến đến tận ngày nay của đàn ông Việt: “Nhậu!”.

Tranh biếm trên báo Xuân cho đến giai đoạn này thường xoay quanh những chuyện hài hước ngày Tết, ít nhiều cho người đọc cảm nhận được không khí Tết tiêu biểu của dân Sài Gòn – Gia Định từ thương gia cho tới người lao động chạy ăn từng bữa một.

Tranh biếm đầu thập niên 1970 đến Tết 1975 mang đến cho người đọc một cảm giác bất an. Hình ảnh vòng rào thép gai trên đường phố và người thành thị lẫn nông thôn oằn lưng với lạm phát phi mã có giá trị hơn ngàn lời nói về một cái Tết đầy âu lo, dằn vặt. Lúc đó, biếm họa chính trị xuất hiện nhiều hơn trên báo Xuân với hai “đại gia” làng biếm họa Sài Gòn là họa sĩ Chóe (Nguyễn Hải Chí) và họa sĩ Ốt (Huỳnh Bá Thành). Trên báo Đại Dân Tộc 1973, họa sĩ Chóe vừa vẽ biếm họa, vừa vẽ minh họa và làm cả thơ lục bát. Họa sĩ Chóe khi vẽ minh họa ký tên thật là Nguyễn Hải Chí, không là thế mạnh nên không sắc sảo như lúc là Chóe. Trên báo này còn có chùm

tranh *Gia đình ông Ký Râu* của họa sĩ Đan Chi. Ký Râu – nhân vật xuất hiện thường xuyên – là một người đàn ông gầy, có ria mép, xoay quanh ông là các nhân vật trong gia đình với đủ chuyện hỉ nộ ái ố.



Biểu họa xã hội của hai kiện tướng trong làng tranh biểu tượng trước 1975: Họa sĩ Ớt (Huỳnh Bá Thành) và họa sĩ Chóe (Nguyễn Hải Chí) trên báo Xuân Điện Tín 1973 (trên) và giai phẩm Thôn Chung báo Đại Dân Tộc 1975 (dưới).

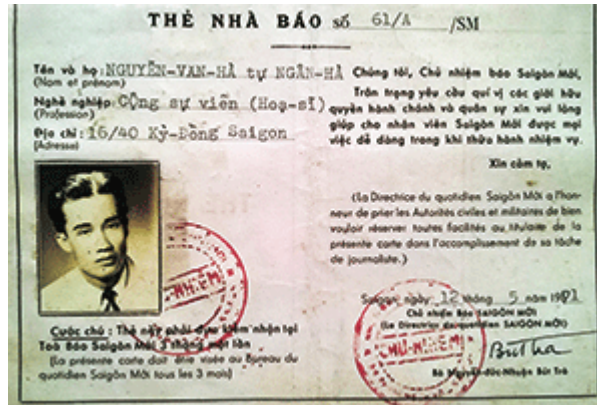
Ngoài hai họa sĩ tiêu biểu trên, xin nhắc tên vài họa sĩ: Hiếu Đệ, Lê Phan, Hưng Hội, Phan Phan vẽ cả minh họa lẫn biểu tượng. Bên cạnh đó, có các họa sĩ khác như họa sĩ Hים, năm 1954 từ Bắc vào Nam với những bức tranh hí họa độc đáo có một không hai trên các báo Chính Luận, Độc Lập, Tiếng Vang; họa sĩ Văn Hiếu vẽ trên tờ Ngôn Luận với hai nhân vật bé Ngôn, bé Luận; họa sĩ Ngân Hà vẽ biểu tượng nhẹ nhàng và có duyên; họa sĩ Phan Phan vẽ truyện tranh và biểu tượng. Họa sĩ Ngọc Dũng vẽ trên báo Chính Luận rất đẹp, ký tên Tuyết. Có những bút danh chúng tôi không có điều kiện tìm hiểu về

tác giả như Tám Bòm (Gia đình Năm Trật Búa), Cả Tê u, Hòa Thanh, Đức Khánh, v.v...

Một bài viết trên báo Tia Sáng có nêu: “*Biếm họa không thể thay đổi được thế giới, nhưng biếm họa có thể mang đến cho chúng ta tiếng cười trí tuệ, tiếng cười mà con người cần có để tự hoàn thiện chính mình*”. Hơn thế nữa, khi sống trong một xã hội đầy biến động, những bức tranh biếm họa ít nhiều mang đến nhận thức cho người xem về hiện tình cuộc sống, về những điều cần hoàn thiện ở mỗi người, về nguyên do những khó khăn mình đang gánh chịu, và cả những thói xấu mình đang có... Có khi, nó chỉ mang mỗi tiếng cười vui vẻ, để tiễn đưa năm cũ bộn bề lo toan và bước vào năm mới đầy hy vọng.

Giờ chônng báo Xuân xưa, có thể thấy cách trình bày bìa báo, vẽ minh họa và biếm họa, thiết kế trang, kỹ thuật chế bản, in ấn của báo chí Sài Gòn cách nay trên dưới nửa thế kỷ khác xa bây giờ. Dù vậy, chúng ta thích thú nhận thấy rằng bằng những phương tiện đơn giản hơn và tốn nhiều công sức hơn hiện nay, các ấn phẩm này vẫn chuyên tải rất tốt hình ảnh và cảm xúc của một thời đại. Đó là quan niệm về vẻ đẹp phụ nữ, ý thức và khát vọng của người làm báo về hiện tình đất nước, cách châm biếm những thói hư tật xấu của xã hội hay giễu cợt chính mình, sự cảm thông đối với gánh nặng cuộc sống của những người nghèo khó...





Ảnh trên: Họa sĩ Ngân Hà (ngô ì) đang vẽ phụ bản tranh vui cho báo Sài Gòn Mới.

Ảnh dưới: Tấm thẻ nhà báo với tư cách là họa sĩ cộng tác do bà Bút Trà, chủ nhiệm báo Sài Gòn Mới, cấp năm 1961. (Ảnh tư liệu gia đình họa sĩ Ngân Hà)

VÀI HỌA SĨ TRONG LÀNG BÁO XUÂN SÀI GÒN



Họa sĩ Lê Minh (hàng đứng, thứ hai từ trái qua) cộng tác vẽ minh họa cho báo Dân Ta. Người ngồi ở giữa bàn là nhà thơ Nguyễn Vỹ, chủ nhiệm báo. (Tư liệu: Lê Minh)

Họa sĩ Lê Trung

Trong ký ức của nhiều người sống ở miền Nam trước 1975, ấn tượng từ những bức tranh do họa sĩ Lê Trung vẽ in trên báo Xuân không bao giờ phai mờ. Không ít người mua cho được tờ báo Xuân chỉ vì có tranh hay phụ bản do ông vẽ và mua về chỉ để ngắm tranh. Hết Tết, có thể lấy ruột tờ báo đem gói đồ, quần thuộc hút nhưng tờ tranh bìa thì phải giữ lại, đem dán lên vách gỗ để ngắm chơi.

Họa sĩ Lê Trung sinh năm 1919 tại Châu Đốc, là cựu học sinh trường Mỹ nghệ Gia Định và Mỹ thuật Đông Dương. Ông vẽ chân dung, phong cảnh, tĩnh vật bằng phấn màu và màu nước. Ông đã tổ chức triển lãm tranh ở đô thành Sài Gòn, từng trưng bày nhiều bức tranh phong cảnh khá đẹp và không có mấy tranh chân dung.

Nhưng khi nhận vẽ bìa báo Xuân, ông làm theo yêu cầu từ chủ báo, là vẽ thiếu nữ đẹp. Nhờ sự lan truyền rộng rãi của tờ báo, nhiều người chỉ nhớ tranh của ông qua những bìa báo này.

Họa sĩ Phan Phan thuật lại: Cuối thập niên 1950, ông từ Bến Tre về Sài Gòn học và nhờ một người bạn dẫn đến thăm nhà họa sĩ Lê Trung dưới chân cầu Kiệu đường Hai Bà Trưng, trong một con hẻm. Mục đích của Phan Phan là được gặp thân tượng, người vẽ tranh thiếu nữ trên bìa báo Xuân mà từ những ngày còn trẻ ở thị xã Bến Tre, ông đã mê mẩn ngắm nhìn, cất giữ và cuối cùng đi đến quyết định theo nghề họa sĩ.

Trong cuộc gặp này, Phan Phan hỏi họa sĩ Lê Trung một câu: *“Hình ảnh cô gái đẹp anh vẽ trên máy tờ bìa báo Xuân, luôn là một thiếu nữ với đôi mắt to ướt át, mày cong, ngực nở eo nhỏ và mái tóc dài đen nhánh, có phải là hình ảnh người vợ của anh như nhiều người đồn?”*.

Họa sĩ Lê Trung cười bảo: *“Người ta còn bảo là tôi vẽ người yêu nữa. Thực ra, đó không phải là hình ảnh của vợ tôi, hay của người yêu nào cả. Làm gì có người đẹp được như vậy? Đó chỉ là một phụ nữ do tôi... tưởng tượng ra, tổng hợp lại những nét đẹp nhất mà tôi nghĩ phụ nữ cần có”*.





Họa sĩ Lê Trung đang vẽ chân dung. Dưới nét cọ tài hoa của ông, thiếp u nữ nào cũng đẹp lên rực rỡ. (Theo Nghệ thuật Việt Nam hiện đại – Nguyễn Văn Phương)

Họa sĩ Lê Minh

Họa sĩ Lê Minh tên thật là Lê Ngọc Minh, sinh năm 1937, tốt nghiệp trường Mỹ nghệ Thực hành Gia Định năm 1957. Ông bắt đầu vẽ bìa sách, đầu tiên là bìa cuốn *Tiếng suối i Sao Len*, truyện đường rừng của Nguyễn Ngọc Mẫn, một cây viết đường rừng đầu thập niên 1960. Sau đó, ông vẽ tranh minh họa cho loạt truyện *Hoa Lu động chúa* đăng trên nhật báo Dân Ta của Nguyễn Vỹ. Đây là dạng truyện feuilleton, mỗi ngày ra một kỳ kèm minh họa. Sau đó ông vẽ truyện tranh, lấy cốt truyện là những truyện xưa như *Người con gái Nam Xương* trong *Truyện kỳ mạn lục* hay *Hòn Vọng Phu ...* và cả truyện tranh nhiều kỳ (mỗi kỳ vẽ 5 cột báo) dựa trên cốt truyện của Bộ Tùng Linh.

Thuở ban đầu, ông vẽ truyện tranh khá cực nhọc, vẽ bằng mực tàu và bút sứt lá tre. Bản kẽm lúc đó còn làm trên gỗ, khắc từng chi

tiết, rất kỳ công. Sau, theo kỹ thuật in typo, một miếng kẽm để trên máy in nhỏ 65 x 50cm, máy pedal. Hồ i đó in bìa báo bốn màu bằng bản kẽm typo, in các màu vàng – đỏ – xanh – đen. Cliché Dâu phải làm bốn bản kẽm cho từng màu. Kỹ thuật này khiến cho họa sĩ và nhà in luôn vất vả. Bản kẽm già quá, hay non quá đều không chuẩn. Họa sĩ khi vẽ phải canh màu, phải biết kỹ thuật in để hình dung bức tranh mình gồm bốn màu in chồng lên nhau thế nào mà vẽ cho ra từng màu thuần chất, không dùng màu ứng ứng khó tách màu.

Họa sĩ Lê Minh vẽ vẽ cho báo Sài Gòn Mới từ khoảng năm 1958, một năm sau khi ra trường. Ông làm họa sĩ thường trực, vẽ theo yêu cầu của thư ký tòa soạn. Lương hàng tháng là 4 ngàn đồng, trong khi lương sĩ quan quân đội cấp bậc thiếu úy chưa tới 3 ngàn. Bà Bút Trà có các người con làm báo Phụ Nữ Diễn Đàn, Phụ Nữ Ngày Mai đều nhờ ông vẽ minh họa, biếm họa, vẽ truyện tranh. Việc nhiều, già y vẽ Calson của Pháp ông mua một lần cả cuộn chứ không mua lẻ, mang về nhà cho vợ lọc ra thành từng tờ. Thu nhập của ông lên tới 6 ngàn đồng một tháng, chưa kể tiền “súp” được quản lý trả khi làm thêm những công việc ngoài hợp đồng. Với số lương đó, ông sống thoải mái, sau vài năm đã có thể mua được xe hơi.

Tại báo Sài Gòn Mới, ngoài Lê Minh là họa sĩ thường trực lúc đó còn có họa sĩ Hoàng Lương vẽ cộng tác, thường đến giao tranh rồi đi. Ông này vẽ truyện tranh Bàn tay máu của nhà văn ăn khách Phi Long. Trong những công việc của Lê Minh, việc quan trọng không thể thiếu là mỗi ngày vẽ một bức hí họa ở trang nhất. Có lần, ông vẽ trong đêm, mệt quá ngủ gục, tay quơ khiến lọ mực Tàu đổ lên tranh. Đèn sáng, không có tranh đưa đi làm kẽm, thư ký tòa soạn là ông Chi Lăng phải soạn ngay một tin kiểu “xe cán chó” để trám vào ngay. Rất may, tiệm Cliché Dâu biết kẽm cần gấp của Sài Gòn Mới nên lập tức làm ngay mới kịp để in báo ra buổi trưa.

Lê Minh cộng tác với Sài Gòn Mới cho đến khi báo bị đóng cửa năm 1963, sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm sụp đổ và tờ báo bị cho là thân với nhà Ngô. Anh em trong tòa báo tan tác, đi sang các

báo Ngôn Luận, Độc Lập. Sau đó là giai đoạn vẽ bìa sách, mà đáng nhớ nhất là vẽ bìa truyện chương Kim Dung.



Họa sĩ Lê Minh (phải) trên đường Catinat (Đồng Khởi nay) cuối thập niên 1950. Tư liệu: Lê Minh.



Họa sĩ Lê Minh
tháng 6/2017. Ảnh: P.C.L.

Họa sĩ Phan Phan

Họa sĩ Phan Phan tốt nghiệp trường Mỹ nghệ Thực hành Gia Định năm 1959, đã sớm cộng tác vẽ truyện tranh cho một số báo khi còn đang đi học. Ông tên thật là Phan Đất Trương, sinh năm 1933 tại Bến Tre. Đầu thập niên 1960, ông chuyển sang làm họa sĩ thiết kế sân khấu, trở nên sáng giá và theo nghề cho đến nay, khi đã 84 tuổi, từng đoạt nhiều giải thưởng và được phong danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân.

Bộ truyện tranh đầu tiên nhận nhuận bút khi đang là học sinh Mỹ nghệ Thực hành Gia Định vượt ngoài ước mơ của ông. Lúc đó, tiền tòa báo trả cho họa sĩ một ô tranh 8cm vuông là 45 đồng. Một đợt tranh vẽ trong một tuần phải xong 100 ô tranh, lãnh 4.500 đồng. Cơm tháng 450 đồng, chỉ bằng một phần mười tiền nhuận bút. Lúc đó, còn đi học, ông rất sung sướng vì tự làm ra tiền bằng chính năng khiếu và sở thích của mình. Ông biết gia đình không muốn ông theo nghề vẽ, nhưng nhờ ý kiến người cậu: “Cho nó học một năm biết Sài Gòn với người ta, xong bắt vẽ cũng không muộn!” mà ông có mặt ở đây. Thành công ban đầu khiến ông quyết ở lại, đến kỳ nghỉ hè cũng không về nhà, nhận vẽ truyện tranh cho các báo.

Vẽ tranh cộng tác với báo là để có tiền trang trải chuyện học, nên ông và nhiều họa sĩ khác lúc đó không coi trọng và cũng không có ý thức về tác quyền nên chẳng ký tên vào tranh. Bút danh Phan Phan, tòa báo cũng đặt cho ông một cách tình cờ. Số là sau khi được nhận tranh, ông mừng rỡ quay lưng ra về thì bị gọi giật lại, đòi cho biết tên để ghi tác giả. Ông trả lời “Khoan, khoan!”, định về nhà nghĩ cho mình một bút danh. Nào ngờ, nhân viên tòa báo nghe ba chóp ba nháng, viết tên ông là “Phan Phan”. Từ đó chết tên luôn!

Sau này, do cơ duyên, họa sĩ Phan Phan chuyển sang thiết kế sân khấu từ rất sớm nên không tiếp tục theo nghề vẽ tranh hí họa. Nhưng nhờ vào làng tranh biếm, ông gặp được người ngưỡng mộ bấy lâu là họa sĩ Lê Trung.



Biếm họa “Hình dáng con voi của 4 thầy bói mù” trên báo Tin Điển của Phan Phan.
(Tư liệu của họa sĩ Phan Phan)



Họa sĩ Phan Phan lúc học dự bị Mỹ thuật Gia Định và hiện nay.

Họa sĩ Hưng Hội

Hưng Hội là họa sĩ lớp trước, xuất thân từ trường Mỹ nghệ Thực hành Gia Định, đã vẽ cho Nam Kỳ Tuần Báo từ trước năm 1945. Hưng Hội là bút danh, không ai biết tên thật của ông là gì và đến giờ không để lại tấm ảnh nào.

Hai họa sĩ Lê Minh và Phan Phan, đều trên tám mươi tuổi, khi nói về họa sĩ Hưng Hội đều thừa nhận ông vẽ minh họa và hí họa rất đẹp, đường nét diễn tả gọn, sắc sảo và sinh động. Trong hai năm sống gần rạ Văn Hoa Đa Kao, họa sĩ Phan Phan thường cùng họa

sĩ Hưng Hội uông cà phê ở góc đường Trần Quang Khải – Hai Bà Trưng. Ông còn lưu chút ký ức về họa sĩ này.

Khoảng cuối thập niên 1950, Hưng Hội sống trong căn nhà ở Khánh Hội cùng vợ con. Tính cách ông hiền hòa, bề ngoài bình dị, ăn mặc khá lèng xèng, thường đi xe đạp. Ông có nét bút sắc sảo, hình họa vững nên được mời vẽ trên nhiều báo như Tin Điện, Thôn Chung, Sài Gòn Mới... Ông vừa vẽ biếm họa, minh họa, truyện tranh, ăn tiền từng sản phẩm chứ không ăn lương họa sĩ thường trực. Giống như các họa sĩ khác, Hưng Hội vẽ bằng bút sắt, thứ nét mịn chấm trong lọ mực của Pháp, rồi đưa tòa báo để duyệt xong chuyển làm bản kẽm. Từ những bức tranh vẽ còn sơ sài trên Nam Kỳ Tuần Báo, đến thập niên 1950 trở đi Hưng Hội đã có những bức minh họa và biếm họa rất đẹp trên nhiều báo, rất được anh em trong giới khen ngợi.

Sau năm 1975, bạn bè làm báo không thấy họa sĩ Hưng Hội đâu nữa.



Tranh biếm của họa sĩ Hưng Hội trên báo Sài Gòn năm 1964.

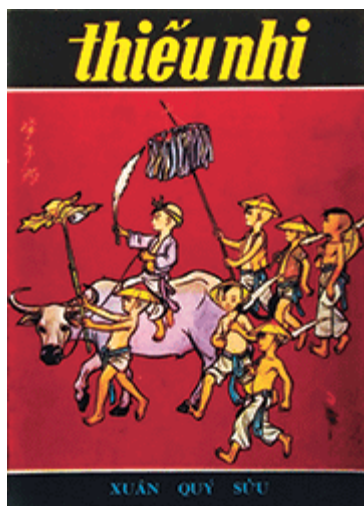
Họa sĩ ViVi

Ông tên thật là Võ Hùng Kiệt, sinh năm 1945 tại Vĩnh Long. Từ nhỏ ông đã có năng khiếu vẽ hội họa, bắt đầu đăng truyện tranh đầu tiên trên báo Tuổi Xanh năm 13 tuổi (1958), do sự khuyến khích của chủ bút, ông Bùi Văn Bảo. Năm 1964, ông đậu vào trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn và cũng bắt đầu vẽ cho nguyệt san Tuổi Hoa với bút hiệu ViVi, ghép từ hai chữ đầu Việt Nam và Vĩnh Long. Ông tốt nghiệp Cao đẳng Mỹ thuật năm 1968, gia nhập quân ngũ nhưng vẫn tiếp tục vẽ bìa báo, minh họa, biếm

họa, truyện tranh cho nhiê`u sách, báo và minh họa sách giáo khoa cho một số` nhà xuấ t bản. Đế n năm 1971, ông bắt đầ u cộng tác với tuầ n báo Thiế u Nhi và tạo nên dấ u ấn đậm nét.

Họa sĩ ViVi vẽ chủ yế u bằ ng chấ t liệu màu nước và sơn dầ u. Nhiê u họa phẩm của ông trên các bì a sách, báo, tem thư được ngưỡng mộ và nhắ c nhở cho đế n tận hôm nay vì kỹ thuật tả thực xuấ t sắ c, sinh động và có cảm xúc. Rấ t nhiê u độc giả báo chí thời trước 1975 thích tranh của ông, có người gắ n như là “tín đồ”, khi tranh được thể hiện ở những ấn phẩm hay, lành mạnh dành cho thiế u nhi mà họ đã từng mê say đọc hồ i còn đi học. Ông còn vẽ tem cho bưu điện khi đang học năm thứ nhấ t trường Cao đẳ ng Mỹ thuật cho đế n năm 1975, nhận được khoảng 40 giải thưởng về` bưu hoa.

Thời gian cộng tác với tuầ n báo Thiế u Nhi là lúc tay cọ của ông đang độ chín, tranh của ông ngày càng mượt mà, giàu cảm xúc. Họa sĩ ViVi cho biế t trước kia, tranh minh họa hay biế m họa được họa sĩ vẽ nét đen trên giấ y, tòa báo hay nhà xuấ t bản gửi nhờ nhà làm bản kẽm (như Công ty Cliché Dầ u) chụp ra phim, cho khắ c trên một miế ng kim loại chì pha nhôm, gắ n trên một miế ng gỗ rô i xế p vào trang chũ (chũ cũng bằ ng chì), kỹ thuật này gọi là in typo. Khi vẽ tranh bì a tuầ n báo Thiế u Nhi các số` Xuân, chủ nhiệm Nguyễn Hùng Trương, vợ chồ ng nhà văn Nhật Tiế n – Đỗ Phương Khanh (chủ biên và trị sự) cùng anh em biên tập bàn bạc với ông rấ t kỹ về` chủ đề`.



Bức tranh bìa báo Xuân 1972 với cảnh gia đình đón xuân đã ấm áp, sum họp với ông bà cha mẹ con cháu, câu đố đỏ, cây nêu, bánh chưng xanh, hoa đào... được thể hiện đẹp và tự nhiên là một bìa báo được độc giả nhớ lâu. Khi ông nhận thực hiện bìa báo Xuân Thiếu Nhi Tết Quý Sửu 1973, cũng đang lúc Tổng nha Bưu chính Sài Gòn gửi lời mời cho các họa sĩ trong và ngoài nước gửi mẫu tranh dự thi đề tài Con Trâu. Để có hình ảnh thực tế, ông ra ngoại thành Hóc Môn và Thủ Đức, vừa chụp hình vừa ký họa trâu cõ, trâu nai và trâu ghé ở các góc cạnh tư thế cho sinh động và chính xác để vừa vẽ tem vừa vẽ bìa báo.

Họa sĩ ViVi cũng là người vẽ những tranh bìa rất đẹp, nên thơ cho Tủ sách Tuổi Hoa do ông Nguyễn Trường Sơn làm chủ biên. Trên báo Thiếu Nhi, ngoài việc vẽ bìa và minh họa, họa sĩ ViVi thỉnh thoảng có vẽ biếm họa, rất sinh động, tự nhiên, tiếc là ông không đi theo con đường này. Ông cho biếm t thời gian đó, mỗi ngày ông phải vẽ một băng truyện vui *Gia đình Nàng Hương* trên nhật báo Dân Chủ, truyện tranh trên nhật báo Độc Lập, minh họa sách giáo khoa, còn lo vẽ bìa cùng minh họa cho hai tờ báo Tuổi Hoa và Thiếu Nhi nên ít thời giờ để vẽ tranh biếm họa.

Hiện nay ông sống tại Hoa Kỳ và vẫn tiếp tục sáng tác tranh và điều khiển c.

Họa sĩ Đinh Tiễn Luyện

Trước 1975, tuần báo Tuổi Ngọc rất được học sinh, sinh viên miền Nam yêu thích. Bên cạnh nhiều sáng tác văn, thơ hay, giàu cảm xúc, các chuyên mục hấp dẫn, tờ báo còn thu hút độc giả trẻ nhờ có bìa và tranh minh họa rất đẹp.

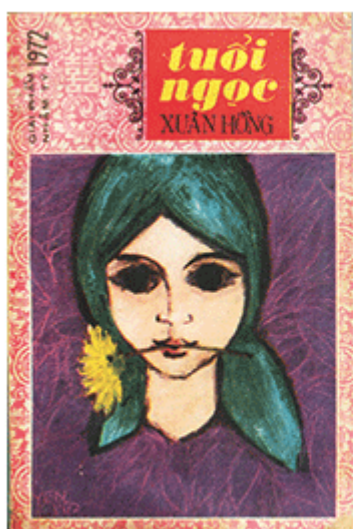
Thư ký tòa soạn báo Tuổi Ngọc, nhà văn đồng thời là họa sĩ Đinh Tiễn Luyện là người để lại dấu ấn sâu đậm nhất ở Tuổi Ngọc. Ông nhớ lại: *“Làm báo tay viết thì nhiều nhưng tay vẽ thì không sẵn, nên cũng như làm “đầu bếp”, tôi phải biết xào nấu sao cho thường xuyên có món bày bàn, ngon hay dở cũng phải chủ động cho*

đúng kỳ hạn. Chỉ mê vẽ thôi, là một tay ngang không có bài bản, nhưng có cơ hội, “không có ai trông khoai dất này” nên vẽ bìa là tôi và minh họa trang trong cũng là tôi. Viết về tuổi học trò mới lớn nên nét vẽ của tôi cũng chớ theo hờn áy. Nếu có gì gọi là riêng biệt thì đó là vì làm báo Tuổi Ngọc”.

Ông được chủ nhiệm báo Tuổi Ngọc giới thiệu vui là họa sĩ của “Trường phái mắt to”. Thực sự là tranh bìa và minh họa của ông thường vẽ các cô gái với đôi mắt nai to tròn đã tạo dấu ấn sâu đậm trong lòng độc giả. Ngoài minh họa và làm bìa cho báo Tuổi Ngọc, ông còn vẽ cho sách của Nhà xuất bản Tuổi Ngọc.

Về kỹ thuật in ấn liên quan đến kỹ thuật vẽ tranh minh họa trang trong và vẽ bìa báo thời đó, họa sĩ Đinh Tiến Luyện kể rằng: “Khi có computer thì ngành in ấn thay đổi rất mạnh. Làm báo nhưng đồng thời cũng làm nhà in nên tôi rất rõ chuyện này. Một phần quan trọng của nhà in là công việc xếp chữ. Nếu có được kho chữ cả ngàn fonts và fontsize hâu như vô tận từ chiếc computer như ngày nay thì nhà in, riêng khu vực xếp chữ cũng phải có tòa nhà hàng trăm tầng. Kỹ thuật in ấn thời thủ công, bên cạnh nhà in còn có nhà đúc chữ và nhà làm cliché (bản kẽm). Hình vẽ được chụp phim và làm thành bản khắc trên kẽm để sau đó chèn vào trang xếp những con chữ li ti bằng chì. Nhiều công và tốn phí như vậy nên minh họa trên báo cũng hạn chế, có một bản kẽm xài đi xài lại cả chục lần. Riêng bìa màu thì phức tạp hơn. Nếu không in offset thì có khi người thiết kế bìa phải tự tách màu ra từng bản và chọn màu (typo thường không quá 3 màu). Những chữ trên bìa nếu muốn đặc biệt theo ý mình thường phải kẻ riêng bằng tay (thường không bèn nét). Tôi hay sưu tập những sách báo cũ nước ngoài để tìm kiểu chữ lạ. Có khi mua một cuốn báo dày cộm chỉ để lấy hàng chữ đem về cắt ra dán vào bìa làm tựa cho một cuốn sách. Người thiết kế bìa báo hay bìa sách không hoàn toàn chủ động cho đến khi ấn phẩm được in ra, có khi còn đợi... hên xui của kỹ thuật nhà in (vì thế cũng có đôi kỳ làm bìa báo tôi đã tự mình làm lấy những công đoạn chuyên môn của nhà in). Tôi rất ham làm ra các ấn phẩm nên khi có chiếc computer đầu tiên là tôi cài photoshop và say mê với nó.

Ngày nay với một thiết kế ấn phẩm nó có thể chui từ máy nhà mình, phóng thẳng tới nhà in và chạy ra một ấn phẩm hoàn toàn theo ý muốn, phong phú cả màu sắc lẫn chữ nghĩa. Tất cả dễ dàng hơn rất nhiều so với thời kỳ làm báo theo lối thủ công. Tranh dùng để làm bìa báo hay bìa sách thường là những hình vẽ nhỏ hoặc đôi khi lấy ra từ một bức tranh, tự chụp qua máy riêng. Có khi những bìa báo Xuân này là từ những bức sơn dầu trên vải, có tấm khổ khá lớn, được đem thẳng tới nhà in để trực tiếp qua máy tách phim bốn màu của kỹ thuật ấn loát”.



Bìa báo Tuổi Ngọc.



Họa sĩ - nhà văn Đinh Tiến Luyện năm 1973.
Tư liệu do nhân vật cung cấp.

Một Số Bài Báo Đặc Sắc Trên Các Giai Phẩm Xuân Xưa



Làng báo Sài Thành trên 10 năm trước vài tay kiến tượng

Không rõ tên tác giả

(Giai phẩm Xuân Việt Thanh Tết Nhâm Thìn 1952)



Ông Phan Khôi còn hay má' t?

Ông Phan Khôi, một nhà văn hơn là một nhà thơ. Ông viết lối văn lý luận hay lắm, mà hay nhứt là những khi ông “lập dị” – ngược dòng. Đến ngày nay hễ ai có tánh hay cãi “bướng” người ta cho là “lý luận Phan Khôi”.

Mà quả thế', văn ông cũng như người ông, ít cười, ít nói không thích đùa giỡn hay gắ' t gao, tóm tá' t là hơi khó chịu.

Vừa rô' i, một người bạn tới cho tôi hay ông Phan Khôi đã má' t! Nếu tin này mà không sai sự thật, thì làng văn làng báo nước ta má' t đi một người đàn anh hiế' m có.

Tôi làm chung với ông Khôi và Hồ`ng Tiêu

Khoảng năm 1941 – 42 tôi có làm chung với ông trong một thời gian ngắn.

Tôi lúc ấy viết còn kém, mỗi tuầ'n chỉ viết một bài, và giữ mục văn uyển, còn ông viết mỗi tuầ'n hai bài, một bài dạy làm thơ và một bài luận thuyế' t.

Ông Phan Khôi có một điề`u khác người ta là định tiề`n mỗi bài mình viế`t, hễ giao bài là lấ`y tiề`n, có nhiề`u khi lấ`y tiề`n trước mới viế`t sau.

Tiề`ng là anh em chung với nhau trong một tòa soạn, thật ra tôi coi ông như một người anh cả, mà tự xem mình như một người em út.

Báo Đông Thịnh ra đời

Lúc â`y tôi mới 16 tuổi, còn ông đã ngoại ngũ tuầ`n.

Cuộc cộng tác giữa tôi và ông Phan Khôi tại tờ tạp chí Đông Thịnh do ông Hồ`ng Tiêu Nguyễn Đức Huy làm chủ nhiệm, sự â`n loát và trình bày ông Hồ`ng Tiêu giao trọn quyề`n cho tôi, còn ty quản lý do thầ`y Lâu, người em vợ lớn của ông, trông coi quán xuyề`n.

Tờ Đông Thịnh lúc â`y in tại nhà in Xưa Nay, do cô Triệu Âu làm chủ (con gái ông Nguyễn Háo Vĩnh).

Khôi – Phụng bắ`t trùng phùng

Thuở ông ở Saigon, người bạn được ông Phan cho là tri âm tri kỷ là ông cử Tùng Lâm Lê Cương Phụng, hễ tới là được ông mời hút. Nhưng ông Tùng Lâm cũng lạ, không mấ`y khi nhận lời, đôi khi nể lắ`m, chỉ hút vài điề`u mà thôi.

Mặc dầ`u anh em quen biế`t đã lâu, từ Hanoi đầ`n Saigon, tánh ông Tùng Lâm dường như không thích gầ`n ông Phan.

Lúc làm tờ Đông Thịnh chung với tôi, ban đêm thì ông Phan ngụ tại nhà ông Bùi Thế` Mỹ, còn ban ngày ông thường đóng “trụ sở” ở tiệm Khoan Ký đường Kitchener, vì tiệm này tới nhà ông Bùi Thế` Mỹ gầ`n hơn hế`t.

Tòa soạn báo Đông Thịnh

Ông viế`t bài xong cũng ở tiệm. Xong xả cho đũa “làm thuố`c” đưa lại tòa soạn chớ ít khi ông đích thân đầ`n.

Tòa soạn báo Đông Thịnh lúc đó, kêu là tòa soạn cho oai, để có địa chỉ độc giả gửi thơ mua báo hoặc gửi bài, thật ra thì mượn phía trước hàng ba tiệm thuốc Đôn Nam ở đường Đại tá Grimaud^[1] vừa đặt một cái bàn con và hai cái ghế.

Ông Khôi đang rặn

Nhiều kỳ, Chúa nhật báo ra, mà thứ năm ông Phan Khôi vẫn chưa có bài nào hết. Ông Hoàng Tiêu đến nhà in rủ tôi cùng đi với ông lại tiệm Khoan Ký lấy bài về cho thợ sắp.

Tại tiệm, ông Phan Khôi có một chỗ nằm nhưt định, lên thang gác, khi khỏi chỗ bán thuốc là đến “trụ sở” của ông.

Chúng tôi bước vào, thầy bộ đồ tây treo trên móc, bàn đã lên đèn, anh làm thuốc nằm chèo queo một bên đang hí hoáy làm thuốc, ông Phan đang lum khum “rặn” bài.

Thầy chúng tôi đến, ông ngò ì dậy, lật cặp mắt kiếng ra nói: Tưởng lát nữa xong, “mỏa” cho người cầm lại nhà in, gặp “toa” đến may quá! À, có cầm tiền lại cho “mỏa” mượn với không?

Ông Hoàng Tiêu chỉ cười mà không đáp, rồi móc túi lấy ra 60 đồng đập ra giữa bàn một cái bép. Ba người trông nhau cùng cười.

“Cổ động viên ở Nam Vang hôm qua gọi “măng đa”^[2] về được bao nhiêu “mỏa” đem theo đây”.

Tôi từ chỗ ì nhập làng bẹp

Bây giờ Hoàng Tiêu bảo tôi cũng cởi áo quần tây và giày rồi lên nằm chơi. Tôi nghe lời, song khi ông bảo kéo vại điếu chơi, thì tôi nhưt định từ chỗ ì.

Ông nói: “Toa đại lăm, “vô sở bất chí”, ở đời không có cái gì là không biết, không có cái gì không làm”.

Ông Phan Khôi nghe nói, đang viết bèn ngồi ngay dậy, lấy cặp kiếng ra ngăn lại: “Toa không nên rủ cái anh ấy hút. Bọn mình đây đã già rồi thì tới đâu thì tới, chẳng những không chịu bỏ, mà quyết không bỏ, còn mấy anh thanh niên đang đứng ngoài vòng, tội mình đừng nên kéo họ vào...”.

Ông Khôi tuyên bố

Rồi ông tiếp: “Từ trước đến giờ, đối với vấn đề thuốc phiện, “mỏ” khác hơn “toa”, đã không nghiện thì chớ, đã nghiện rồi thì dứt định không bỏ, dầu nghèo đến chết cũng vậy, còn “toa” nay hút, mai bỏ, một hút, kia bỏ, rồi cuộc chỉ thêm hại mình và tiền tiêu, chứ không ích gì.

Mà thật có như vậy, ông Phan Khôi có viết trong một số Xuân Dân Báo, dám tuyên bố: “Tôi dứt quyết không bỏ thuốc phiện”, và ông cũng có nói với tôi, từ khi tập hút chút cho đến ngày nay đã già, ông chưa hề uống thuốc “cai nha phiện” một lần nào.

Bỏ đi hút lại

Còn ông Hồ ng Tiêu trái ngược lại: hề có tiền và gặp anh em bạn là ông rủ hút, thích là chơi, còn ngày mai ra sao? Ông không cần nghĩ tới.

Hễ một khi hết tiền, thì ông ra cụ Mộng Võ (một ông lang từng xuất dương du học bên Nhật về, có viết trong Đông Thịnh về kỹ nghệ làm giầy ở Nhật Bản, một bạn chí thân của Hồ ng Tiêu và lúc từ Đông Thịnh sắp chào đời, cụ có xuất vốn cho ít nhiều), bỏ một thang thuốc Bắc về ngâm, mua năm cặp bạc thuốc phiện (giá hồi năm 1942) tảo lại ngâm chung trong ít ngày đem ra uống là bỏ được. Anh em rất phục ông Hồ ng Tiêu là chỗ đó: hề có tiền là hút cả ngày, có bao nhiêu hút bấy nhiêu, nhưng khi hết tiền là thôi cái một, có quạu quọ vài ngày rồi lại vui vẻ như thường, nhưng hề có chuyện chi buồn là ông đi hút lại ngay.

Một con vịt quay

Bá y giờ gầ n 12 giờ trưa, ông Phan Khôi vừa hút vừa viế t đã xong hai bài. Ông Hồ ng Tiêu đứng dậy kêu tôi mặc đồ đi về. Ông cá m lấ y 60 đò ng bạc khi nấ y đưa cho ông Phan Khôi hầ u hế t, nói: “Ông cá m 50 này, rô i mai mô t có tôi sẽ đưa ông thêm”. Còn 10 đò ng, ông cho anh làm thuố c 2 đò ng, trả tiề n thuố c 6 đò ng. Vòn vẹn còn 2 đò ng, ông rử tôi ra Chợ Cũ mua một con vịt quay gói xách mang về. Trả tiề n 2 cái giá y xe điề n hạng nhứ t Cuniac – Petrus Ký ođ30, hô i á y ông Hồ ng Tiêu còn ở tại Chợ Quán sau nhà S.A.M.I.P.I.C – thề là số tiề n trong má y tuầ n lễ, cỗ động viên đi thầ u ở Nam Vang, chỉ nội buổi sáng tiêu ra mây khói, vợ con không hưởng một đò ng xu, ngoài con vịt quay mới xách về.

Tấ m lòng hào hiệp

Ông Hồ ng Tiêu đố i với anh em bạn rấ t hào phóng, coi đò ng tiề n không ra cái quái gì. Rượ u cũng như thuố c phiệ n, những người nào ông đã gọi là bạn chí thân, thì ông đố i đấ i “hế t mình”.

Tôi còn nhớ trong cuố n Hồ ng Tiêu thi tập của ông, trong một bài ngẫu hứng có câu:

Nhà cửa bô n mùa như cái chợ,

Tháng ngày không chậ t với em anh.

Lời nói của ông thậ t đúng như việc làm của ông.

Có tài không biế t xài

Nói ngay ra, ông Hồ ng Tiêu là một tay làm báo kỳ cựu trong Nam. Ông có tài ba về nghê nghiệp và hào hiệp đố i với anh em, nhưng cái tài của ông là một thứ tài để cho người khác dùng thì được, mà ông tự dùng, tự lợi dụng cái tài của ông thì hỏng.

Hồ ng Tiêu văn sĩ

Ông xuấ t sắ c nhứ t là lô i viế t chuyện hắ ng ngày, tức tranh xã hội cho báo Saigon của ông Bút Trà là anh ruộ t của ông.

Ông mà chửi lộn thì không ai bì kịp, lý luận hay mà hỗn ẩu cũng dữ.

Có đôi khi ông công kích ai, người ấy phải nhảy nhồm dậy, chịu không thấ u.

Đông Thinh số Xuân

Tạp chí Đông Thinh, chỉ ra không đầy một năm thì tự đình bản vì tài chánh, song trong khoảng đó, ông có ra một số Xuân, mà số Xuân ấy lại bảnh hơn cả các báo “trường thọ” ở Saigon, là ngoài cái bìa của họa sĩ Nam Xuân Hải, còn có một tấm phụ bản, chạy ly-tô 3 màu in tại nhà in Ng.V.I. (tấm phụ bản ấy vẽ một cô gái chèo thuyền trên sông Hương), ruột in tại nhà in Nguyễn Đức nhưng hai bên có chuyện bất bình nên số Xuân Đông Thinh, in trễ ra gần Tết, bán không được phải lỗ nhiều. Chính số Xuân ấy tôi có viết đến mấy bài, nhưng vì thầy ông H.T. lỗi tội nghiệp, tôi cũng từ chối không lãnh tiền nhuận bút.

Đông Thinh đình bản

Báo Đông Thinh tự đình bản, ông Phan Khôi bây giờ chỉ số ng vào tờ Dân Báo còn ông Hồ ng Tiêu, mỗi ngày chỉ viết một bài Tranh xã hội cho báo Saigon, với số lương hời 120 đồng một tháng, với một gia đình 8 người và một người ở nữa, thật số ng một cuộc đời số ng hết sức chật vật.

Vấn cứ phong lưu

Thế mà khi nào cao hứng là ông kéo khách về một nhà, bắt vợ con phải kiế m cơm rượu đãi đầ ng tử tế .

Dũa gãy, chén sứt, giường chỏng xiêu vẹo, đặt ngò i ngoài vườn, dưới bóng cây, rượu đế rót vào chén nước trà, thế mà anh em quen viết ai nấy vẫn ưa ông Hồ ng Tiêu lắm. Ông thường tự phụ, khoe với anh em: “Anh Bút Trà hơn tôi được cái giàu tiền và giàu con, thì tôi cũng hơn anh Bút Trà được cái giàu bạn và giàu rượu” rồi ông

ngậm một ngụm rượu đế, nhai một miếng thịt vịt, cười bẻ nhà bẻ cửa, coi vẻ tự đắc và sung sướng lắm.

Bây giờ ông Phan Khôi đã dòi... trụ sở về đóng tại nhà ông Hồ ng Tiêu, nào rương, nào bao, nào bàn đèn, ông vô chớ về đây nhà.

Vợ lại sợ chồng à!

Lúc ấy ông Hồ ng Tiêu đã bỏ bút, xoay sang nghiền rượu, mà lại rước về một ông “thi tử” làng hút để ở trong nhà, vợ ông – cô Bạch Vân bất bình lắm, song không dám nói ra, vì vợ ông sợ ông còn hơn chuột lắt sợ mèo, đời nào dám hó hé. Hơn nữa tính ông Phan Khôi lại hết sức kỳ khôi, khó từng chút, từ cái ăn, cái ngủ, tới cái đóm hút thuốc, cái tắm xia răng.

Con ở mà t hôn

Có một hôm, tôi cũng có mặt đến giờ ăn cơm, con ở dưới nhà bung lên một mâm cơm, nhưng không cho ông hay trước, nên bàn đèn ông chưa thu xếp kịp (nhà ông Hồ ng Tiêu chật lắm, chỗ ông P.K. hút kiêu cả bàn ăn) ông nổi đóa quát tháo ầm lên, rồi xách ông vô rượt theo người ở xuống đến nhà bếp. Mà tánh ông đã nổi nóng lên thì đồ ai cản được. Từ bữa đó, con ở không dám bén mảng lên nhà trên. Và khi gặp ông, nó không dám ngó ngay mặt nữa.

Sau đây, tôi sẽ kể một chuyện tranh luận giữa Phan Khôi và Hồ ng Tiêu suốt hai người gây ra ầu ẩu!

Nói chuyện văn chương

Cũng tại tiệm Công-Yên^[3] Khoan Ký ở đường Kitchener^[4], hai người nặm hút.

Bên một đống sách và nhựt trình Việt lẫn Hoa trong đó có bộ sách Vương Dương Minh, ba chúng tôi cùng xem và nói chuyện. Ông Phan Khôi đang xem tờ báo Saigon nơi mục Tranh xã hội, bỗng vụt

ngô`i dậy chỉ cho ông Hồ`ng Tiêu xem má`y cái lỗi về` chánh tả, rô`i nói:

“Anh em các ông viê`t quô`c ngữ theo giọng Quảng Ngãi, c. t không chịu khó phân biệt, có g hay không g cũng không câ`n.

Bây giờ các ông nên tập theo lô`i này thì có lẽ viê`t đúng:

Mát mẽ đọc mát tờ, thì phía sau chữ mát phải viê`t chữ t.

Dao mác đọc mác cờ, thì phía sau chữ mác phải viê`t chữ c...”

Suýt có ầu đả

Động tới lòng tự ái, ông Hồ`ng Tiêu nổi nóng cự lại:

“Tôi hỏi ông, ông đọc bài Tranh xã hội của tôi có hiểu hê`t ý nghĩa không? Ông là người Việt, chớ đâu phải thứ người gì mà tiế`ng Việt không hiểu?”

Nghe nói mình là thứ người gì... Ông Phan Khôi đổ mồ` hôi ra trán, nói lớn:

“Anh là một người viê`t quô`c ngữ trật nhưt nước Nam!”

“Anh là một người tánh khí kỳ khôi nhưt nước Nam!”

Thê` là cả tiệm hút từ dưới đấ`t lên trên lâ`u, người ta đổ xô lại can, người lớn có, kẻ nhỏ có, Hoa đông mà Việt cũng lắ`m.

Dĩ hòa vi quý...!

Các ông đê`u tự biê`t các ông có điê`u quấ`y, đây là chỗ công cộng, ai có quyê`n cho các ông tới đây đánh lộn.

Trời quang mây tạnh

Sau khi cả hai đê`u nguôi cơn giận, ông Hồ`ng Tiêu ôn tồ`n nói:

“Chữ là cái dấ u hiệu, miễn sao đọc lên hiểu được thì thôi, t hay c không quan hệ, có g hay không g cũng không câ n. Tôi hỏi ông bây giờ căn cứ vào đâu mà biế t trùng hay trật? Muố n nói trùng trật là khi nào Việt Nam có một Viện hàn lâm làm ra một quyển thô ng nhút, gồ m danh nhân cả Bắ c, Trung, Nam. Hiện thời mạnh xú nào xú â y nói tiế ng của họ là trùng. Ông đừng khen tiế ng Bắ c là trùng. Ở Quảng Ngãi tôi nói con trâu mà ở Bắ c nói con châu, như vậy tiế ng Bắ c có trùng hay không?”

“Nói bướng như ông thì không khi nào xong việc gì hê t – lời ông Phan Khôi cãi lại – trùng hay trật là nói theo nghĩa tương đố i, xem một bài Tranh xã hội của ông, về ` chánh tả trật bắ y và ngầ u hê t ráo.

Tôi hỏi lại ông, ví dụ ông có một đứa con trai tên là Nguyễn Văn Lan đi học xa mà ông gởi cho nó một cái mắ ng-đá đê` là Nguyễn Văn Lang (phía sau thêm chữ g) hỏi nó có nhận đượ số` tiề n â y không? Lẽ tự nhiên là không khi nào nhà giầy thép cho nhận, đó là chưa nói đế n những việc quan hệ hơn nữa, như giấ y khai sinh, giấ y căn cước, v.v... chẳng hạn”.

Hồ`ng Hồ`ng Bút Bút

Ông Hồ`ng Tiêu thích cãi lộn, thét rô`i hầ u khắ p làng báo không có mắ y người ông chừa, nhứt là người đố i lập với ông càng tài cao càng học rộng, càng nổi tiế ng bao nhiêu ông lại càng ưa khai chiế n bắ y nhiều.

Độ nọ, một nhân vật (xin giấ u tên) làm báo giỏi nhứt trong Nam có lẽ khắ p cả Trung, Nam, Bắ c, bị ông Hồ`ng Tiêu mắ n sát ván, nhân vật â y cùng với các “đồ`ng chí” trong “đảng” tức ứa gan, không biế t làm cách nào trả đũa lại cho nguôi cơn giận.

Một hôm gặp Lê Trọng Đình. Đình nói: “Hồ`ng Tiêu chỉ có tôi là trị lại, nế u các ông bắ ng lòng, để tôi làm một bài hát thì anh em họ tiêu “dên”.

Mọi người đều tán thành.

Lê Trọng Đình về tiệm thuốc phiện đường A. Courbet^[5] năm hai ba ngày, vò đầu, vò óc làm được một bài ca trù, thể theo điệu Hồ`ng Hồ`ng, Tuyệt Tuyệt.

Tôi còn nhớ được mấy câu như thế này:

Hồ`ng Hồ`ng, Bút Bút.

Mới ngày nào còn năm hút ở Lơ-pheo (Le fèvre).

Mười lăm năm vừa thoát khỏi cơn eo.

Ngoảnh mặt lại đã lên lèo phách lòi.

Công kích ông... đầu nhưc nhói.

Tuy lâu ngày song bài bát này có lẽ ở Saigon nhiều người “còn nhớ”. Đại khái những tranh luận trong làng báo Sài Thành trước kia là vậy khác hẳn những vụ công kích nhắm vào đời tư, cá nhân của đô`i phương.

Nhơn vui năm mới tôi xin nhắc lại làm chuyện mua vui, giải muộn, chớ không ngụ so sánh chê bai ai hết. Và quyết phẩm bình xin tuyện đô`i nhường lại bạn đọc.

Chú thích:

[1] Đường Đại tá Grimaud: Phạm Ngũ Lão ngày nay.

[2] Măng đa: (tiếng Pháp mandat) thư chuyên tiêng.

[3] Tiệm Công-yên: tiệm thuốc phiện.

[4] Đường Kitchener: Nguyễn Thái Học ngày nay.

[5] Đường A. Courbet: Nguyễn An Ninh ngày nay.

Một chuyện hồ i ký 30 năm

Lạc Nhân

(Giải phẩm Xuân Sài Gòn Mới Tết Quý Tỵ 1953)



Minh họa: Lê Phan.

Năm ấy vào năm 1920 – 21, ông Phan Khôi còn phụ bút ở báo Nam Phong. Tình cờ tôi gặp ông ở nhà ông Sở Cuông (Lê Du) vào chiều 30 Tết. Ăn uống xong, ông Tú Khôi đâm ra cao hứng rủ tôi cùng một bạn nữa đi hát cô đầu.

Trước khi đi, chúng tôi đều tỏ ý ngại vực ông Khôi, vì sợ ông cao hứng giấy lát. Rủ đi, rồi đến đó ông chợt hứng bất ngờ, thì xâu hổ cho cả bọn. Ông Khôi nhìn thấy vẻ mặt hai chúng tôi dự dự, ông bèn nói một giọng quả quyết:

- “Mình “tây” lắm; mình đã mời anh em thì mình bao tất cả chi phí, ai để phiến đến anh em. Huống chi số tiền này, mình định để về ăn Tết nhà; nhưng có điều không tiện về, nên đành ăn Tết Hanoi.”.

Nghe lời quả quyết, hai chúng tôi mới dám đi. Vì chúng tôi đã rõ tánh tình ông Khôi không mấy khi hào hiệp.

Trời mưa phùn, ba chúng tôi đi lên 3 xe kéo. Xe ông Khôi đi trước. Qua ngõ Khâm Thiên, ông bảo xe ngừng lại. Ông móc bóp trả tiền xe, hai chúng tôi còn đứng sau. Thì ông bươn bả đi trước, đi ngay vào nhà cô Đô c Sao.

Hai chúng tôi đi giật mình! Nói với nhau:

- Ông Tú Khôi bướng quá! Ở phố Khâm Thiên thiếu chi nhà cô đi lại không vào, nhờ nhà thương đảng này mà vào!

Trời mưa mặc dù, hai chúng tôi vẫn ngần ngại đứng ngoài hàng ba, không dám vào. Nhưng liền đó, thấy ông trở ra gọi chúng tôi:

- Kia, sao không vào, còn đứng đó làm gì?

Thì theo câu nói đó, hai cô đi nhỏ tuổi, mặc áo màu tiến ra ngoài cửa.

- Mời hai quan vào chứ. Giời gió rét lắm cơ.

Bất đắc dĩ, chúng tôi phải vào. Nhưng tôi nghĩ, sự thế đã bức bách thế này, mình không vào, chúng cũng ra lời vào không thể từ chối được.

Hai cô đi nhường hai chúng tôi đi trước. Vào nhà trong, ông Khôi giới thiệu hai chúng tôi với bà chủ (cô Đô c Sao).

Mới tới 30 Tết, bà chủ đã đóng bộ phục rất huy hoàng. Áo gấm hoa thêu chữ Thọ vàng, bạc, chít khăn nhung, choàng khăn sọc len, đi giày cườm thêu, qua lại tiếp khách với mùi nước hoa thơm ngát. Trong nhà chưng diện ra vẻ Tết nhà quan. Một cành mai trắng cao hơn thước, cắm vào chiếc bình lớn, đặt ngay trên bàn. Nhiều bình nhỏ hơn thì cắm cành trúc đào, tử vi, để rải rác mấy chiếc ghế bên vách tường. Bàn chính giữa, đặt chậu thủy tiên hoa úm nở, mùi hương thơm phức. Ngoài ra, những bức tranh thêu, những bức trăn gấm, trông sáng rực cả nhà.

Ông Tú Khôi, ngó i về ch mảy chễm chệ trên ván giữa. Chó ng nạnh vào chiế c gó i năm nê p thêu hoa. Hai chúng tôi ngó i hai chiế c ghê cảm thạch bên ngoài, nhưng hôm á y có trái nệm nhung màu hồ ng xem có vẽ Tê t. Các cô đầ u tiế p khách lă ng xă ng, cô bung tách trà, cô đem thuố c.

Bồ ng thấ y đèn điện bật lên thêm nhiề u ngọn, xanh đỏ sáng lò a. Rồ i một tên bồ i từ nhà sau cấ p theo hai chai rượu champagne đi ra, một tay bung cái khay trên có bồ n cô c.

Hai chúng tôi, đầ u đánh trố ng ngực phậ p phồ ng... Mỗi người đầ u lo... Chủ nhà chơi kiể u này đầ y, chề t cho ông Khôi rồ i! Không biế t trong hầ u bao ông đượ c bao nhiề u, mà thấ y ông ngó i điề m tĩ nh thề .

Chúng tôi nhìn vào ông Khôi, có ý nháy nhó ông. Hầ y từ chồ i cuộ c champagne, bảo mang ra thứ rượu khác. Nhưng nhìn ông, mà ông chẳng hề ngó lại. Thì vừa bà chủ (cô Đố c Sao) đi ra.

Cười một chuỗi cười ra rả và nói:

- Tô i nay, ba quan đế n mở chầ u hát giao thừa, chắ c là nhà này năm tới đượ c nhiề u may mắ n lắ m.

Bà chủ nói vừa dứt lời thì nghe một tiế ng “bồ p”, nút chai champagne vắ ng ngược lên trầ n nhà. Bà chủ vỗ tay, các cô đầ o đầ u vỗ theo. Tên bồ i rót bồ n ly rượu, bồ n cô chia nhau bung. Bà chủ giầ nh bung ly rượu đi đế n trao trước ông Tú Khôi và chúc:

- Xin cá m ơn quan mở hàng chầ u hát giao thừa hôm nay. Thật một chầ u hát hiế m có lắ m. Vì tô i hôm nay, nào có quan nào đượ c rồ i mà đi hát chơi.

Ông Khôi cười về tự nhiên rồ i nói:

- Người ta không đi hát, chúng tôi đi hát, thề mới là tình chứ. Tình mà cũng oai nữa.

- Cám ơn quan.

Rồ i đó, hai cô đào bung hai ly rượu đế n mời hai chúng tôi. Bà chủ cũng nói một câu xã giao, chứ thực ra bà để ý vào ông “quan” ngô i chính ván giữa. Hai chúng tôi ngô i kê tai nhau nói nhỏ:

- Cuộc hát này ít ra cũng phải mấ t trăm bạc. Vì lâu nay tiế ng nhà hát Đố c Sao đấ t gấ p đôi nhà khác, chẳng hay trong túi lão Phan Khôi có đủ số ấ y không? Nế u thiế u thì chúng mình phải hỏi lão để bù thêm, đừng để lòi đuôi ra mà xấ u.

Toan đi xích đế n ngô i gầ n bên ông Khôi để hỏi nhỏ vấ n đề “quan trọng” ấ y thì ông đã tay cầ m roi chầ u, đánh ngay mấ y tiế ng “gọi cô đầ u”. Kê đó thì đầ u hát gõ phách, anh kếp vặ n đàn, cô Tâm nhịp một khỗ phách “giáo đầ u” rồ i hát lên bài hát nói, đế n “Tỳ bà”, qua “Sa mạc”.

Ông Khôi ngô i ngúc ngắ c, vừa đánh tom, chát vừa cười. Hai chúng tôi vẫn phậ phồ ng, không biế t gì là hứng thú. Vì đầ nào trong túi cũng không đầ y 30 bạc, nế u ông Khôi cũng bắ y nhiều đó thì nguy!

Theo lệ hát thì có mâm á phiệ n, khi ba chúng tôi quây quầ n trước mâm á phiệ n, nhờ “á” tiên nầ u mà gầ n đượ nhau. Bạ n tôi hỏi ông Khôi. Ông trộ n mắ t lên... “Các anh đừng lo, mình còn dư sức mà.” Chù ng nghe câu nói ấ y, hai chúng tôi mới hả dạ, nghe hát hay, uố ng rượu và hút ngon lành, trộ n đêm 30 Tề t.

Sáng ngày ông Khôi lên mặt quan sang đặ t trên khay 100 bạc và thườ ng cho các cô mỗi cô 5 đồ ng.

Ra về chúng tôi khúc khích cười với nhau. Ông bạ n kia nói:

- Năm tới đầ y, chắ c chúng tôi “hên” lắ m. Bao giờ mà đượ ông Tú Khôi cao hứng lại phát tâm hào hiệp như buổi hờ m qua!

Mà thật. Ông Phan Khôi đêm ấ y cao hứng thật. Ông ít có làm thơ; thề mà đêm ấ y ông nảy ra đượ một bài thi Đườ ng-luậ t, tôi còn nhớ

hai câu:

“Hò`n qui lâm hạ tâm nan ổn

“Thân tại hoa gian mộng bất kinh”.

Quê cũ về` thêm lòng rạo rức,

Dưới hoa mình được giấ`c êm đẽ`m.

Một tờ báo Xuân một kỷ niệm

Hồ`i ký của nhà báo Nguyễn Bảo Hóa tức Tô Nguyệt Đình

(Giai phẩm Xuân Việt Thanh năm Giáp Ngọ 1954)



Mỗi đạo gầ`n Tề`t, một hai bạn làng văn hỏi: “Năm nay anh có ra báo Xuân?” Báo Xuân! Hai tiế`ng ấy đập mạnh vào tai, gọi lại cả một kỷ niệm mà tôi cảm thấ`y thấ`m thía nhút.

Trong ngày Tề`t, những tờ báo Xuân chen nhau khoe sắ`c ở phố` phường. Nhìn nó, tôi nhớ đẽ`n tờ báo Xuân của tôi. Nó cũng “đứ`ng” ở

góc đường này, đầu phố nọ và theo những chiếc xe hơi chu du khắp tỉnh thành.

Tôi đoán chừng, nó đã nằm trên bàn tay nòn nà của một cô gái, bàn tay nhăn nheo của một cụ già, hoặc dưới cặp mắt sáng quắc của anh công nhân yêu đời.

Một tờ báo Xuân tung ra khắp phường, thiên hạ đọc nói với sự vui buồn tùy theo giọng cảm xúc (!)

Đôi người coi nó như món quà ngang với cái bánh mứt, cục kẹo đường. Mà y ai hiểu sự khó khăn khổ cực của bàn tay làm ra nó.

Từ là một cái “bóng” áp ủ trong đầu con người văn nghệ, đến khi biến thành tờ báo Xuân thực sự, nó đã sống qua bao nhiêu trở lực?

Từ tháng Mười âm lịch, tôi gửi thơ kêu gọi một số văn nghệ sĩ quen biết hợp sức làm một tờ báo Xuân “cho ra hồn”.

Giữa thời kỳ khủng hoảng văn nghệ, muốn làm một tờ báo Xuân theo cái nghĩa lành mạnh của văn nghệ kể cũng khó.

Mình tự nghĩ: “Có khó mới có thú”. Thế là tôi chạy rong kiếm anh em văn nghệ sĩ để nhắc bài, phác họa hình thức và nội dung tập báo Xuân. Phần đông góp ý kiến và khuyến khích: “Tôi mong tập báo Xuân của anh sẽ được độc giả hoan nghinh cũng như những báo Xuân danh tiếng như thời tiền chiến”.

Tôi thấy vui nhộn. Tự lạc quan: “Lần này, tờ báo Xuân của mình chào đời sẽ đánh dấu một cái gì?”. Tôi muốn nói một công trình văn chương nghệ thuật đầy ý.

Bài vở lần lượt góp về, tôi tìm các bạn họa sĩ Nguyễn Văn Mười, Thế Chương và Tú Duyên giúp sức tô điểm cho từ cái hình, cái tựa đúng với cặp mắt “thâm mỹ” của mọi người.

Mỗi bài của văn nghệ sĩ trao đé`n, mỗi bức tranh của họa sĩ vừa ráo mực đưa ra, tôi tâng tiu như trúng mông.

Qua tháng Mười Một, tôi đi tìm nhà in để giao cái bìà và cái “ruột”. Tôi chọn những nhà in danh tiế`ng nhưt như I.D.E.O và “Sông Gianh” giao công việc.

Thú thật, khi bắ`t tay vào việc, tôi số`ng thuậ`n bắ`ng tình cảm, mà không nghĩ gì đé`n điề`u kiện vật chấ`t. Con người cắ`m cái bút “mộng” nhiề`u hơn “thực”. Có khi hoàn toàn mộng chứ không thực chút nào.

Phải đặt cọc trước hai phầ`n ba giá tiế`n, nhà in mới ra được.

Lời người quản lý khi tôi trao cái “đờ`vi”^[6] mười hai ngàn đờ`ng, tiế`n in, tiế`n sắ`p chữ 8.000 tờ báo Xuân 24 trang, khuôn khổ 0,50 x 0,37.

Tiế`n giá`y: mười bô`n ngàn đờ`ng, cộng là hai mươi sáu ngàn. Cái bìà in sáu màu trên giá`y lắ`ng phải trả hai mươi lăm ngàn nữa, vị chỉ năm mươi mớ`t ngàn đờ`ng.

Chưa kể tiế`n bài, tiế`n vẽ làm bản kễ`m, đã tô`n ngắ`n á`y tiế`n.

Dành dụm, vay mượn của bạn bè thân thích vốn vẹn có hai chục ngàn, đào đầu ba chục ngàn nữa để chi phí cho tờ báo Xuân? Trong lúc nôn nả để làm, tôi không nghĩ phải có nhiề`u tiế`n tờ báo Xuân mới thành hình.

Tiế`n bạc cũng có thể là trở lực để phát triển văn học nghệ thuật.

Sự lạc quan buổi đầu mắ`t mát đi nhiề`u.

Tôi bắ`t đầu nghi ngờ do dự...

Thiế`u tiế`n, tờ báo Xuân thiế`u điề`u kiện chào đời.

Những lời phê bình ngây ngô văng vẳng qua tai “Năm nay cũng còn báo Xuân “nhảy dù” ra nhiề`u”.

Người ta mang danh những tờ báo Xuân ra bấ`t thường là “Xuân nhảy dù”! Người ta coi nó là “đứa con hoang” của vườn văn nghệ? Người ta có óc ngoan cô` , nông nổi. Người ta không hê` biế`t trong những tờ báo Xuân â`y đã ép những mảnh lòng, chứa đựng rấ`t nhiề`u mô` hôi, sức lực của văn nghệ sĩ.

Nhìn lại những tập bản thảo đã bày sẵn trên bàn. Mỗi tập bản thảo, một thứ giấ`y, một tuồ`ng chữ, một ý nghĩ điển hình cho các trạng thái tâm lý, xã hội Việt Nam.

Ngâ`n â`y “hình ảnh” làm cho tôi xúc động, ngùi ngùi. Làm sao cho các đứa con tinh thầ`n của một số` văn nghệ sĩ được chào đời vào ngày đầ`u xuân nắ`ng â`m này?

Câu hỏi cứ vẫ`n vơ trong óc tôi mãi. Tôi nghiệm thấ`y cái triế`t lý sức mạnh của đờ`ng tiề`n. Đờ`ng tiề`n đờ`i với cuộc đời tình cảm của con nhà văn nghệ không có nghĩa gì hế`t, nhưng đờ`i với thực tể` nó có giá trị mạnh.

Trong giờ phút bâng khuâng này, tôi phải để tình cảm xuồ`ng để đưa tay tiể`p nó.

Một cặp rắ`ng^[7] phát báo đề` nghị với tôi: “Tôi bắ`ng lòng ký giao kèo cho anh mượn ba chục ngàn đờ`ng với điề`u kiện: độc quyề`n phát hành hoa hồ`ng bô`n chục phầ`n trăm tính vào tiề`n bán báo. Anh phải cam đoan khi bán báo lỗ sẽ làm giấ`y nợ kỳ hẹn trả góp hàng tháng, v.v...”

Với tờ giao kèo này, quyề`n lợi của tôi mấ`t rấ`t nhiề`u. Hoa hồ`ng báo Xuân thường lệ hai mươi lăm phầ`n trăm, thế` mà tôi phải trả thêm mười lăm phầ`n trăm nữa. Với lại “đứa con tinh thầ`n” của tôi phải giao đứt cho người khác sai khiế`n. Nghĩ mà tủi lòng!

Nhưng tiền bạc là nhu cầu cấp bách cho tờ báo Xuân, thiếu thốn nó mọi công việc dở dang, tờ báo sẽ không bao giờ thấy ánh sáng nữa.

Cuối cùng tôi phải ký tên vào giao kèo, nhận tiền của người cấp rãng phát báo (nhà văn nghệ đã gián tiếp đầu hàng nhà tư bản trước hoàng kim!)

Có tiền rồi, mạch sống của tờ báo Xuân chuyển động. Nhưng trên thực tế, không phải tờ báo Xuân đã vượt qua mọi nỗi khó khăn.

Còn trình bài vở cho ty kiểm duyệt, còn mọi công việc ần loát, sắp chữ đóng thành tập, cắt bìa. Mỗi công việc đòi hỏi rất nhiều lao lực.

Nhiều đêm, dưới ánh đèn dầu, một đám ần công áo thun, quần đùi, đứng thẳng người bên những ô chữ có từng học vuông vức như những ô cờ, hoặc hộp thuốc chích to lớn.

Họ cặm cụi làm việc, thỉnh thoảng có tiếng vỗ bàn bạch của bát chữ sắp rồi quăng ra sửa lỗi.

Lâu lâu có tiếng một người thợ làm bấm đọc: “Xuân này là ba xuân, dân ta ăn Tết dưới cánh phi cơ, trong tiếng bom đạn gào thét...”

Hoặc “Trước thêm năm mới ai ai cũng hy vọng được sống trong hòa bình, no cơm, áo ấm, gia đình đoàn tụ, tổ quốc vinh quang, v.v...”

Đâu đây, tiếng máy ần nghe như sóng vỗ bờ xa. Những bàn tay đây đây của anh thợ máy nhẹ nâng những trang báo Xuân chạy rồi, lên tận đôi mắt g ần như mờ đi vì thức đêm nhiều, để sẵn sóc những trang báo từ máy in nhà ra.

Tất cả bao nhiêu người và tôi phải thức h ần bao nhiêu đêm để lo cho một tờ báo?

Nhiều trang báo đã lên khuôn, vội phải phá “mi” để làm lại vì bài vở phải sửa đổi. Lúc đó chỉ nhờ bàn tay vén khéo của người thợ: Đục bỏ chỗ này đem bài kia dời qua, trám cái hình vô đây, để khi in ra không còn thấy dấu vết phá phách đổi dời.

Trong một góc nhà in đầy bụi bặm, đầy mùi mực in, mùi chì nẫu, có những thân hình cúi rạp bên ô chữ, có những cái lưng còng xuống trên bàn giấy để xem từng chữ, từng con số chẳng chịt, ngón ngang như bãi cát, hết đêm này qua đêm nọ.

Bài vở vội dằn, bàn tay của người thợ cũng nhẹ dằn nhưng cả thân thể nặng nhọc mệt đừ, tay chun rã rời như người đau mới mạnh.

Tờ lịch trên tường nhà in lép dằn. Hôm ấy mừng Mười tháng Chạp.

Mọi người thợ phải đem hết sức, sắp những trang báo cuối cùng.

Họ chạy đua với thời gian, mà tôi cũng chạy đua với kim đồng hồ. Nào chờ những trang báo xem xét rồi, nào đến nhà in thúc hồ i cái bì. Ruột gân xong mà vỏ chưa xong là chí nguy.

Những trang báo bắt đầu xếp lại từng tập, chờ giờ ra sạp báo, ra mắt bạn bốn phương.

Tờ báo Xuân của tôi hoàn thành.

Chiều Mười sáu tháng Chạp, nó rời nhà in để “đi” khắp phố phường.

Tôi thấy nhẹ nhõm cả người như người khách phiêu lưu giũ áo phong sương khi về đến quê nhà nhìn đám con thơ ấu sờn sờn, chạy nhảy tung tăng dưới ánh nắng hồng.

Nhưng cũng trong giờ phút đó, túi tôi nhẹ tợ cánh mai vàng.

Bao nhiêu tiền bạc đã trút vào tờ báo Xuân.

Tiền không còn để xài, Tết này tôi ăn Tết ở đâu?

Chiều Hăm bảy, tôi đến nhà anh cặp rảnh phát báo hỏi mượn hai trăm. Anh ta vắng mặt. Hai ngày sau cũng vắng luôn.

Chiều Ba mươi, trời nhá nhem, tay dắt chiếc xe đạp cũ mềm có cột gói đồ, tôi lang thang trên đường Tân Thuận đi tìm nhà một người bạn.

Rằm tháng Giêng tôi mới đến nhà anh cặp rảnh để tính sổ báo Xuân. Báo ế trả về từng đồng cao như... núi.

Tính sổ: bán 4.500 tờ x 8 đ = 36.000 đ. Hoa hồng 40% = 14.400 đ – còn lại 21.600 đ. Tiền mượn trước: 30.000 đ. Tôi thiếu lại người cặp rảnh 8.400 đ

Số tiền này tôi phải biên giấy nợ. Sau mỗi khi bán một tác phẩm thì bị trừ tiền thiếu một phần, phần ấy tôi đã hy sinh cho tờ báo Xuân.

Kỷ niệm này tôi nhớ mãi. Mỗi độ Tết về, tôi thấy những tờ báo Xuân chen chúc ở các nẻo đường, tôi trân trọng đón nó trên đôi bàn tay (dẫu nó dở hay hay) vì tôi nghĩ khi nó thành hình là có bao nhiêu người đổ mồ hôi nước mắt và đổ nợ!

Và trở trêu tôi hỏi:

“Làm tờ báo Xuân này, là tiền của anh hay vay mượn của ai?”

Câu chuyện thi sĩ Tản Đà và cô Lucie Băng-đô

Lão Tùng

(Giai phẩm Xuân Thân Chung Tết Giáp Ngọ 1954)



Nhớ độ ấy vào đêm trừ tịch (30 Tết) năm Đinh Mão (1925) thi sĩ Tản Đà vừa thôi tờ Annam Tạp Chí vào Nam, được ông Diệp Văn Kỳ mời vào trợ bút tờ Đông Pháp Thời Báo.

Chiều hôm ấy thi sĩ đã mang chai rượu cô-nhát vào Gia Định kiếm tôi. Người quen tính phong lưu lãng mạn bao giờ cũng vẫn tính lãng mạn. Vừa bước vào cửa, thi sĩ đã cười ròn rã và nói:

– Chúng mình đề u bọn tha hương, lũ khách, đêm nay tôi và bác, chúng mình phải cùng nhau “trường dạ ẩm” (uống rượu suốt đêm) mới được.

Tôi đang sửa soạn mở cuộc đánh “chén” thì cô Lucie Băng-đô từ ngoài xăm xăm vào.

Lucie Băng-đô, có lẽ ở Sài Thành không mấy người không quen mặt biết danh. Hai mươi năm trước, Lucie một cành hoa biếc nói mà hạng vương tôn công tử đề u mê n yêu và nàng cũng ham sống trong cảnh trận cười suốt đêm, cuộc say đầy tháng.

Nhưng, Lucie có một tánh rất đặc biệt là ưa gả n gửi các văn nhân thi sĩ để nghe những câu chuyện lý thú về văn chương. Đọc thi, văn Tản Đà lâu nay, Lucie thường hâm mộ nhà thi sĩ lãng mạn, tài hoa. Tình cờ gặp được Tản Đà hôm nay sau mấy lời của tôi giới thiệu. Lucie hiện trên nét mặt một vẻ sung sướng, tươi cười nàng nói:

— Chiê`u hôm nay, cháu định mang xe rước bác và anh Bùi Thê` Mỹ đi Thủ Đức “nhậ`nhệ” chơi. Một sự ngẫu nhiên, lại được gặp Tản Đà tiên sanh, thật đời em lấ`y làm hân hạnh vô cùng. Sẵn đây, em xin mời tiên sanh đi chơi luôn.

Nhân nghe tôi giới thiệu tánh tình Lucie hào hiệp, ưa thích văn thi, nên Tản Đà vui lòng nhận lời.

Thê` là ba chúng tôi cùng ra xe một lượt. Bước lên xe, không một ai không để mắ`t nhìn trôn và có lẽ họ đê`u nín cười hai hạng người gặp nhau như hai thái cực! Một đàng thì một thiế`u nữ trẻ trung phá`n son diễm lệ. Tay xách bóp đầ`m, cổ choàng khăn sặc, đi giày cao gót. Còn một đàng thì khăn đen, áo dài lượt buột, chân đi giày hàm ế`ch, người đê`u lão mạn gầ`n 50 xuân thu!

Nhưng cả hai bên đê`u tự nhiên như quên hẳn cả hình thức. Tản Đà bắ`y giờ chưa có hơi men, nên vẫn còn giữ lễ độ. Ngồ`i trên xe, hình như nhà thi sĩ đã ngắ`m ngắ`m cao hứng và thỉnh thoảng đưa mắ`t liế`c trộm giai nhân. Đầ`u gục gặc như đã trong lòng những câu tình tứ.

Xe chậm chậm quay ra Sài Gòn, rước thêm một nhà văn thanh niên lã`ng mạn Bùi Thê` Mỹ. Có Bùi Thê` Mỹ, chúng tôi có phá`n đỡ ngượng khi đi qua các nơi đông người.

Lucie lại đỗ xe trước chợ Sài Gòn. Nàng thân hành vào chợ, mua thêm nào gà quay, xúc xích, đồ` hộp và bom, lê, táo, nho. Nàng không quên mua thêm hai chai cô-nhát, hai chai sâm-banh và một chai Rôm.

Đọc đường, Lucie nói một câu lý thú và chan chứa bao nhiêu cảm tình:

— Thừa các tiên sanh, em tổ chức du xuân trước thiên hạ, vì hôm nay, Thủ Đức không như các đêm thường. Trong lúc cả muôn ngàn người đang bận rộn lo gà vịt, nhang đèn cúng quảy, có ai rảnh đi Thủ Đức ăn nem? Ấ`y là Thủ Đức riêng để dành cho chúng mình hôm nay

chiếm độc quyền du thương, thanh nhã vô cùng. Bởi nghĩ thế, nên em lựa ngày hôm nay để biệt đãi quý ngài văn nhơn thi sĩ.

Quả như lời nói của Lucie tiên đoán. Khi xe đậu trước nhà hàng Thủ Đức, đèn vẫn sáng mà khách vắng hoe! Nếu không có bọn chúng tôi đêm ấy, thì nhà hàng Thủ Đức cơ hồ như một cảnh chùa hoang vắng.

Nem là thực phẩm đầu tiên. Chúng tôi mỗi người đều an vị thì nem bóc ra, rượu khui ra, máy hát từ từ vắn lên, những bản cô đầu xen lẫn bản vọng cổ.

Lucie bảo vắn những đĩa hát ấy có ý nghĩa dung hòa Nam Bắc một nhà. Thi sĩ Tản Đà giờ phút này, con ma men hơi thắm, nên thi sĩ cất giọng lên ngâm những bài “hát xẩm” mà thi sĩ cho là giai tác:

“Nước trong xanh, lơ lửng cái con cá vàng

Cây ngô cành bích, cái con phượng hoàng nó đậu cao

Tiêu thân em, như cánh hoa đào

Ham cái đồng bạc trắng, em tựa vào cái ông Tây đen”

Cử tọa đều vỗ tay. Thi sĩ càng thêm cao hứng gật đầu không ngớt.

Giữa lúc mọi người đang ngà ngà, Lucie giới thiệu đi chơi thêm cảnh Gò Xoài nữa. Nàng nói: Gò Xoài cách Thủ Đức không xa mấy, nhưng thường ngày có vẻ thanh tịnh hơn, nhứt là suối Gò Xoài trong và đẹp lắm.

Mọi người đều hoan nghinh. Chúng tôi cũng hôm nay mới được biết Gò Xoài là thú nhứt.

Lên Gò Xoài, giờ ấy mới lối 12 giờ đêm. Ở đây, Lucie lại tổ chức tiệc cháo gà đôi món.

Chúng tôi dạo quanh trên nguồ`n suồ`i Gò Xoài, trở về` nhà hàng Gò Xoài, lại say một tiệc nữa, mãi đế`n ba giờ sáng mới ra về`. Trước khi từ biệt Gò Xoài, Thủ Đức, Lucie xin thi sĩ Tản Đà một bài thi để kỷ niệm cuộc thi trừ tịch đêm nay. Thi sĩ hứa sẽ biế`u bài thi ấy một hôm sau, nhưng đêm nay thi sĩ xin vịnh hai câu “tục Kiề`u” để kỷ niệm.

Tản Đà vừa bước lên xe vừa ngâm:

“Chén vui nhớ buổi hôm nay,

Càng yêu vì nê`t, càng say vì tình”

Thi sĩ vừa cười vừa yêu câ`u Lucie tục một câu khác.

Khen cho Lucie lanh thật, nàng tục một câu khác liề`n:

“Chén vui nhớ buổi hôm nay,

Biế`t rã`ng mai có như rày cho chẳng?”

Phải chẳng câu “sá`m ngữ” đó mà thành sự thật. Thì từ đó về` sau, Tản Đà trở về` Bắ`c, Lucie cũng trụ lạc lầ`n.

Từ trụ lạc đế`n tàn tạ, tuyế`t sương ngày một hao mòn mình ve. Mãi đế`n mười năm sau, thi sĩ Tản Đà qua đời, Lucie ở trong Nam phiêu lưu, vắ`t vắ, đế`n nổi vương tôn, quý khách phải tránh xa.

Tôi tình cờ được gặp nàng nắ`m queo trong một tiệm công-yên, mặt võ, mình gầ`y, không còn nhìn ra Lucie hai mươi năm trước được nữa.

Hồ`i tưởng cuộc đời của nàng trong một thời oanh liệt mà ngày nay... thảm thay! Nhưng, mỗi năm đế`n chiề`u hôm 30 Tề`t, tôi không khỏi động lòng nhớ đế`n người ấy năm xưa!

Hoa Xuân

Lữ Thử

(Báo Ánh Sáng Xuân Ất Mùi 1955)



Tôi gặp cô một buổi chiề`u xuân

Một buổi chiề`u nô`ng thắ`m ái ân.

Thế` Lữ

Chiề`u hôm ấy, anh Hoàn Bích và tôi đi thăm mộ ông Phạm Hồ`ng Thái ở Hoàng Hoa Cương về`. Mưa phùn lắ`m tắ`m. Xuố`ng ô tô buýt, chúng tôi còn phải đi chân một quãng đường mới đế`n khách sạn Lan Đình, nơi chúng tôi trọ. Loanh quanh thế` nào, chúng tôi lạc lố`i. Mưa vẫn cứ rơi. Chúng tôi rủ nhau vào hiên của những hiệu buôn bên đường để chờ mưa tạnh.

Đang buồ`n vì ngày xuân mà hai chúng tôi còn lang bạt xứ người và ngậm ngùi vì cái cảm giác vừa qua: tiế`c thương người anh hùng họ Phạm của nước Việt phải bỏ mình ở đấ`t khách, thì có người thiế`u nữ

từ ngoài phố tấp tể chạy vào đứng cạnh chúng tôi cũng để tránh mưa làm cho chúng tôi chú ý.

Thiếu u nữ trẻ đẹp, vẻ ngây thơ. Nàng mặc chiếc áo tím màu hoa cà, ngoài khoác chiếc áo toí nylon màu xanh lá cây.

Anh Hoàn Bích vốn tính vui vẻ, thích làm quen, ưa gọi chuyện trên bước đường phiêu lưu, vô lầy cơ hội. Anh hỏi thăm thiếu u nữ bằng tiếng Quảng Đông mà anh vừa học được từ lúc bước chân lên đất Tàu:

- Thưa cô, không biết từ đây về khách sạn Lan Đình cạnh Ái Quê n lữ điếm phải đi lối nào cô nhỉ?

Người thiếu u nữ đáp lại, cũng bằng tiếng Tàu:

- Thưa... đi lối này, lối này... Vừa nói, thiếu u nữ mỉm cười đưa tay chỉ cho bạn tôi hướng của lối đi.

Bạn tôi mừng rỡ vì thấy thiếu u nữ không lãnh đạm, nên hỏi dò n:

- Có xa không hở cô?

Giọng nói không Tàu chút nào và phải tìm nhớ từng tiếng một để chấ p thành câu làm cho thiếu u nữ tươi cười hỏi, và lần này hỏi bằng tiếng Việt, giọng Bắc:

- Hai ông là người Sài Gòn?

Bạn tôi ngớ ngẩn, trố đôi mắt tròn xoe, liếc nhìn tôi, rồi lại nhìn thiếu u nữ, ấp úng đáp bằng tiếng Việt, giọng Sài Gòn:

- Dạ phải, chúng tôi là người Sài Gòn!

Rồi bạn tôi hỏi luôn:

- Cô không phải người Tàu sao? Trời ơi! Vậy mà chúng tôi cứ tưởng cô là người Tàu. Thế cô là người Bắc?

– Vâng, tôi là người Bắc c...

...

Thế rồi câu hỏi qua, câu đáp lại, cái cảnh xứ lạ gặp người cùng nước khiến cho ba người chúng tôi trở nên thân mật ngay từ buổi chiều ấy đến ngày bạn tôi và tôi lìa đất Quảng Châu, mang theo trong cuộn phim của chiếc máy ảnh, hình ảnh của người thiếu nữ Việt Nam trôi dạt ở đất Tàu, và trong lòng, mẫu chuyện tâm tình của nàng kể:

“Nàng tên M..., họ H... quê ở Nam Định. Năm 1945 khi quân đội Tàu của tướng Lư Hán đến giải giới quân Nhật ở Bắc Việt, nàng bị một quan Tàu cưỡng bách bắt về làm vợ. Dưới cái áp lực của kẻ mạnh thời bấy giờ, nàng buộc lòng đành liêu theo số mệnh. Đến năm 1946, quan Tàu ấy về nước, mang nàng theo. Chừng đến quê hương chồng, nàng mới hay chồng nàng đã có vợ, có con. Thế là sau những ngày cơ cực sống trong cảnh đọa đày của người vợ lẽ, nàng quả quyết khăn gói ra đi. Từ Thượng Hải, xuống Hương Cảng, nàng lặn dò về đến Quảng Châu. Hết tiền lộ phí và lúc bấy giờ ở Việt Nam đánh nhau ráo riết, nàng thấy chưa tiện hỏi hương nên đành lưu lại đây, tìm được việc làm “nữ chiêu đãi” ở hiệu giải khát Diamond to nhất của Quảng Đông để chờ cơ hội...”

...

Nhưng nay đã tám chín năm qua rồi. Cuộc đời nàng ra sao? Đã về nước hay còn lặn độn viễn phương?

Và nhân dịp xuân về, để kỷ niệm buổi chiều xuân gặp gỡ ấy, chúng tôi xin mạn phép phô bày ảnh nàng lên mặt báo để gửi một ít nhớ nhung của người giang hồ được về nước cho người giang hồ biệt đầu còn lang bạt ở trời xa?”

Đêm 30 Tết thi-sĩ biế n thành “du côn” vào bót ăn Tết

Bang Gia

(Giai phẩm Xuân Đồi Mới Tết Ấ t Mùi 1955)



Hồ i ấ y cách đây 25 năm, ông Tản Đà viết “Đông Pháp Thời Báo” của ông Diệp Văn Kỳ ở Sài Gòn. Làm xong số Tết, báo phát hành rồi, ông Diệp phát cho Tòa soạn mỗi người một tháng lương tiêu Tết. Tản Đà cũng được hưởng ưu đãi ấ y. Vậy mà có một hai hôm, ông đã cạn túi, không còn xu nhỏ. Tết đến sau lưng rồi. Nghĩa là đã đến cuối tháng Chạp. Tính sao bây giờ? Huống chi cái đức “nhậ nhệ t” của Tản Đà lại không thể bỏ được, nhứt là trong ba ngày Tết. Khổ một nỗi ba ngày nghỉ biế t ai bán rượu thiế u cho ông men? Cái đó mới nguy!

Đầ t say đầ t cũng lắ n quay

Trời say trời cũng đở gay ai cười.

Sợ Tết này, trời đỏ gay, đất lặn quay thì có, chớ nhà thơ chỉ còn nước nắm co mà mặt mày xanh lét.

Ông Diệp Văn Kỳ cảm thấy sự lúng túng của người cộng sự, bèn hỏi ra manh mối: Hết tiền rồi sao? Thì đây thêm 5 đồng nữa để xài Tết. Cái tính rộng rãi của ông Diệp Văn Kỳ đã kéo được thi sĩ ra khỏi cái cảnh “cá cả nép vây, rông thiêng cuối khúc”.

Cất tờ giấy 5 đồng vào bóp rồi, Tản Đà ra tuốt bên xe “lô” mượn cái xe “Đờ-la-hay”^[8] mũi sập để thưởng thức mùi phú quý một phen.

Lần thứ nhất, ông ngồi một mình trên xe hơi, vẻ bề vệ như một ông chủ đồn điền. Ông cho xe chạy ra nhà bưu điện mua cái măng-đa giấy thép 3 đồng, gọi cho ông Ngô Tất Tô ở Hà Nội, gọi là có chút quà Tết tặng bạn hàn vi. Còn 2 đồng, ông tính trả tiền xe hơi 1 đồng, còn lại 1 đồng ăn Tết cũng đủ.

Nhưng:

Rượu ngon phải có bạn hiền.

Tản Đà cho lính số p-pho^[9] mở máy chạy vào Bà Chiểu là nơi ông Tùng Lâm đang ở hôm đó. Đón bạn Lưu Linh ra Sài Gòn vì ông Tùng Lâm là bạn hiền để hưởng thú rượu ngon và để cùng nhau nô đùa với Lý Thái Bạch trong ngày đầu năm mới.

Trên chiếc xe hơi từ Bà Chiểu ra Sài Gòn hai nhà thơ danh tiếng ngất ngưỡng, hiên ngang coi trời đất là nhỏ.

Về đến nhà, Tản Đà trả tiền xe hết đúng 1 đồng. Đi mua chai rượu trắng hết hai cái. Còn dư 8 cái ông giao cho ông Tùng Lâm đi “rước” một con gà và một hũ Mai Quế Lộ cho có vẻ ăn Tết như ai và để cho hết trọn số tiền.

Ông Tùng Lâm lãnh “sứ mạng” đi mua đồ Tết. Tản Đà ở nhà rửa ly, khui chai rượu trắng ra chờ bạn. Tiếng pháo chiêng 30 đã bắt đầu nổ, vang tai nhức óc. Những tiếng pháo loan báo cho biết

rằng chỉ còn vài giờ đồng hồ nữa thì muộn và sau nữa lo buồn của một năm cũ sẽ lui vào cái hố đen của dĩ vãng, để cho chúa Xuân vui tung bùng xuất hiện.

Tản Đà ngò i xếp chân trên bộ ván, lắ c lư đầ u, ngâm vội má y câu thơ Đường để chờ bạn hiề n đem “đồ nhắ m rượu” về , mà lạ không? Càng mong càng vắ ng tâm hơi. Ông Tùng Lâm ra đi đã lâu mà chưa thắ y về . Ông đâu có phải là con nít mà lạc đường. Nhìn lên đồ ng hồ treo trên tường thì đã quá 9 giờ tồ i. Tiế ng pháo nổ càng làm cho đồ ã Lưu Linh ruộ t gan như bào như đố t. Tản Đà muố n qua thì giờ, phải rót rượu ra nhắ p giọng đờ một vài ly.

Những ly rượu suông mà không có đồ nhắ m càng suông tính suông tình hơn vì thiế u người đố i âm. Tuy vậy từ ly nọ đế n ly kia cũng đủ cho nhà thơ phải say lúy túy. Ông lắ n ra ngủ một giắ c sau khi đã cạn gầ n hế t chai rượu.

Ông có dề đầu bạn hiề n của ông lúc á y cũng uố ng rượu nhưng uố ng trong bót cảnh sát.

Ông Tùng Lâm ra tiệm mua xong hũ Mai Quế Lộ và con gà đem về , nửa đường thì gặp đắ m “bầ u cua cá cọp” đang đánh lộn. “Chủ sòng” và “con bạc” tồ nhau sao đó mà phải dùng đế n võ lực đố i phó nhau. Nhà thơ Tùng Lâm vô n ưa tĩnh, bây giờ lại có máu động, nên thắ y cảnh ầu đắ cũng vui mắ t đứng lại coi. Tiế t xuần kích thích lòng người, cũng có lẽ.

Trong lúc Tùng Lâm chăm chú xem trận giặ c như khán giả say võ sĩ trên võ đài, thì biệ n và lính ập tồ i: “A lê! Về bót”. Họ thộ p đầ u, nắ m cổ 4, 5 “trụ”. Rủi thay trong số lại có cả nhà thơ Tùng Lâm.

– Tôi đâu có đánh lộn, thắ y. Tôi đi mua rượu và gà về nhà ăn Tề t.

Anh lính nhìn bộ quầ n áo lem luố c của ông Tùng Lâm (bộ quầ n áo ngủ, vì ông đã cởi áo dài đen bỏ ở nhà). Anh đề quyế t ông là tay du thủ du thực, rồ i hỏi:

– Chú mà y không đánh lộn à? Thê' giấ' y thuê' thân đâu? Đưa coi!

Cái mới nguy nữa. Hỏi giấ' y thuê' thân của Tùng Lâm, cũng như hỏi thuê' thân của Thứ Khanh, chẳng khác nào như hỏi ngôi sao trên trời. Cả hai thi sĩ đề`u không đóng thuê'.

– Không có giấ' y thân! Đô` du côn! Đô` anh chị!

Còn lý luận nào hùng biện bắ`ng nữa.

Thê' là nhà nho chỉ biê' t ngâm thơ vịnh phú, bỗng thành du côn, anh chị, được về` bót giam tạm, chờ “hạ hồ`i phân giải”.

Tiê'ng pháo chào xuân nổ vang lòng bô`n góc thành phố`.

Ông Tùng Lâm ngô`i trong phòng giam ở bót cảnh sát thấ' y bụng đói như cào. Ông bèn xé thịt gà ra ăn. Thịt gà ngon quá, lại sẵn hũ rượu Mai Quê` Lộ nữa, sao ta chẳng uô`ng vài hớp để mừng xuân. Ông bèn đập miệng hũ, không có ly thì cứ nguyên hũ mà đổ`c cả vào miệng.

Chẳng mà` y lúc mà con gà chỉ còn là đố`ng xương và hũ rượu chỉ còn có vỏ. Xong rô`i ông Tùng Lâm nắ`m lăn ra ngủ, quên cả tiê'ng pháo giao thừa nổ đi đạch bên ngoài.

Sáng hôm sau, người biện tới mở cửa “tha Tào”. Nhưng ông Tùng Lâm còn nắ`m chòng queo vì bữa tiệc Tấ`t niên đêm trước. Biện phải đánh thức ông dậy. Ông ra về`... xông đấ't năm mới cho ông bạn đô`ng tâm: thi sĩ Tản Đà còn nắ`m chòng queo ngủ. Ông phải lay bạn thức dậy.

Bô`n mắ't nhìn nhau, mừng mừng tủi tủi. Tản Đà xem lại chai rượu trắ`ng của mình không còn đế`n một ly để chúc Tê' t cho bạn. Ông Tùng Lâm cũng không còn đế`n cái xương gà nữa, song ông có món quà lì xì năm mới.

Đây có 4 câu thơ làm trong bót, đọc bác nghe:

*Cao hính vì yêu bác Tản Đà
Một chai Quế Lộ, một con gà
Suốt đêm trừ tịch nă`m trong bót
Nhớ lại buồ`n cười lúc tỉnh ra.*

Chú thích:

- [6] Đờ vi: (tiế`ng Pháp devis) bản dự toán.
- [7] Cặp rắ`ng: ông chủ, người quản lý.
- [8] Xe Đờ-la-hay: xe hiệu De La Haye.
- [9] Sô`p-phơ: (tiế`ng Pháp chauffeur) người lái xe.

Tâm sự một nhà văn ký giả

Son Nam

(Giải phẩm Xuân Bách Khoa Tê't Ấ't Ty 1965)



Sở trường của tôi là viết truyện ngắn từ bảy tám năm qua, tôi hi vọng dùng công việc sáng tác truyện ngắn là một cái nghề để kiếm cơm; như vậy, tôi vui sướng và được những tự do hơn các bạn làm tư chức, giáo viên. Tôi viết sẵn từng loạt truyện ngắn (viết theo đề tài do tôi chọn lựa) đem đến các tòa soạn báo hằng ngày để “bán bài”, nghĩa là đăng báo bài nào thì lãnh tiền bài này, không đăng thì mất luôn bản thảo. Người bán bài phải có nhiệm vụ tới lui thường xuyên các tòa soạn để ngoại giao, dò xem tình hình để tiên đoán truyện ngắn của mình chừng bao lâu nữa sẽ đăng. Khổ cực quá! Nói chung, hề viết mười truyện, được đăng ba truyện còn bảy truyện kia thì để đó chờ xem.

Mấy anh bạn phụ trách trang trong thường tỏ bày thiện cảm, an ủi tôi bằng một câu đại khái:

– Bài của anh thì hay nhưng ngặt vì đăng không hợp. Nên chọn lựa cốt truyện, viết hấp dẫn hơn.

– Hấp dẫn là làm sao?

– Là ly kỳ, gay cấn.

– Ly kỳ gay cấn nghĩa là sao?

– Là... độc giả ngửi được.

– Độc giả thích ngửi mùi gì?

Mấy anh bạn phụ trách trang trong lại trợn mắt:

– Bộ anh muốn ăn cắp bí mật nhà nghề sao chứ. Trong làng báo, ai đánh hơi giỏi hơn, đoán trúng nhu cầu của độc giả là người có cơ làm giàu. Phải cung cấp nhu cầu hiện tại và chuẩn bị trong tương lai, tạo thành một thứ thời trang; người sành điệu phải cầm trong tay tờ báo đó, chứ không phải tờ báo khác. Sống như tiệm phở, tiệm uốn tóc, tiệm may áo. Tuy hai tiệm giống nhau nhưng khách hàng thích ra nơi nào hợp thời trang nhất.

Tôi lại hỏi:

- Theo ý các anh, hiện giờ và trong vài tháng tới, độc giả thích những truyện ngắn thuộc về loại gì?

- Nếu biết trước, tôi sẽ trở thành triệu phú. Chẳng có ai biết trước cả. Đó là việc cầu may. Mỗi ông chủ báo đều hưng thịnh hoặc suy vong tùy theo số... tử vi của họ.

Kể từ đó, qua những chập chững trên đường sanh kế, tôi bắt đầu tìm tòi suy nghĩ, thấy rằng báo chí ở Sài Gòn cũng giống như báo chí Âu Mỹ.

Hồi thời báo Đuốc Nhà Nam, Nông Cổ Mìn Đàm, bài báo được viết kỹ lưỡng như bài khảo cứu, in thành sách ngày nay. Độc giả thời xưa rất ít, gồm giới thượng lưu hoặc trung lưu.

Ngày nay khác xa.

Nhật báo là món ăn tinh thần của toàn dân, mọi giới, mọi ngành như lời nêu trên báo. Trong thời đại dân chủ, máy in, kỹ nghệ giấy, phương tiện giao thông phát triển, tờ báo đã tới tay giới bình dân, từ thành thị tới thôn quê. Giới bình dân tiêu thụ báo rất mạnh. Hễ bám được giới bình dân, chủ báo mỗi ngày mỗi thu tiền lời.

- Giới bình dân gồm những ai?

Xin trả lời: Gồm nhiều tầng lớp mà hơn phân nửa số người bình dân là đàn bà, con gái. Thời xưa, báo chí luôn cả văn nghệ đều sản xuất nhắm vào cảm quan của bọn đàn ông. Bây giờ, báo chí, văn nghệ đã biết nhắm vào đối tượng đàn bà, con gái và bọn trẻ vị thành niên.

Đó là một sự tiêu bộ, tại sao có người lại bị quan thế? Bị quan vì ưu thời mãn thế hay vì ganh tị với ông chủ báo bất tài nhưng giàu quá mau hơn mình?

Ngày nay, chẳng riêng gì bên Âu Mỹ, chúng ta sống trong thời đại phổ biến mà báo chí, phim ảnh, máy thu thanh đóng vai trò quan trọng. Đọc báo, xem xi-nê, nghe radio chẳng còn là ưu quyền của một số người thành thị như hồi ba chục năm về trước. Các phương tiện nói trên có tác dụng mạnh, lẽ dĩ nhiên chủ báo, chủ hãng phim và ban giám đốc đài phát thanh đều muốn thu hút khán giả, độc giả, càng nhiều càng tốt. Sự hiểu biết của quần chúng ngày càng rộng (tuy không sâu), trình độ thưởng thức nghệ thuật ngày càng đồng đều nhau (tuy không cao).

Đàn bà, con gái đã ra đường, tham gia sinh hoạt kinh tế, xã hội. Họ đòi được giải phóng khỏi sự áp bức của bọn đàn ông nhưng lần hồi họ thất vọng âm thầm vì đi làm ngày hai buổi với đồng lương

hơi thấp thật là cực nhọc hơn nầu bẻ p giữ con. Họ muốn giải trí, muốn tìm một chân trời hạnh phúc mơ hồ, nửa hư nửa thực! Hoàng hậu Saroya, công chúa Magaret, cô đào Thanh Nga, Tây Thi, Hoa Mộc Lan... đã trở thành những người bạn quen thuộc. Trong khi đó, đa số bọn đàn ông cảm thấy thất bại trước trào lưu xuông đường của phái yếu! Họ dùng uy quyền, tiền bạc để nhử phái yếu, nhưng hồi ôi, rốt cuộc họ bị phái yếu làm khổ, thợ câu đã trở thành con cá và con cá lại hiên ngang lôi kéo ông thợ câu xuông nước.

Đôi với cuộc sống, bọn đàn ông tỏ ra thái độ hùng hổ, dùng lý luận để phân tách, cãi vã. Phái yếu thì giữ thái độ dửng như hợp lý hơn: xây dựng hạnh phúc, hưởng hạnh phúc... Viễn ảnh một cuộc chiến tranh nguyên tử, sự phi lý, sự cô độc... đã chứng minh rằng bọn đàn ông dửng như thất bại. Nhiều người đàn ông đã ngoan ngoãn ôm ấp cái nhân sinh quan của đàn bà để mà sống. Bởi vậy nhiều bài báo, nhiều tiểu thuyết nhả vào nữ độc giả nhưng rất ăn khách đôi với nam độc giả.

Sự phát triển của khoa học và vũ khí nguyên tử đã khôi phục ngành tiểu thuyết dự tưởng, tiểu thuyết rừng rợn toát mồ hôi lạnh. Trong nhật báo ở nước ta, hai loại tiểu thuyết này vẫn có mặt, mang màu sắc Á Đông, đó là loại kiếm hiệp đánh chưởng và chuyện ma quỷ. Kiếm hiệp đánh chưởng đưa độc giả vào khung cảnh trung cổ, những nhân vật trung cổ dùng khí giới tự động, điện tử của tương lai.

Một điều đáng chú ý là muốn gây cảm giác rừng rợn, những văn sĩ Tây phương dùng phương pháp phân tích tâm hồn con người: Nào vô thức, tiềm thức, bản năng; đôi với độc giả bình dân ở xứ ta phương pháp phân tách ấy không có hiệu quả. Họ thích đọc những chuyện luân hồ i quả báo, oan gia nghiệp chướng, dính dấp tới số mạng, tiền định hoặc những cổ tục.

Trong thời đại giao thông dễ dàng nhanh chóng (nào xe hơi, máy bay, máy radio) đã xảy ra hiện tượng con người cô độc, ít tha thiết đến vắn đề chánh trị vì chánh trị được xem như một ngành chuyên môn với kỹ thuật riêng. Mỗi người sống theo kiểu đóng khung trong phạm vi nghề nghiệp của mình. Cô gái gánh hồ,

khiêng gạch thì cần biết đến anh cặp rảnh, người phát triển hoặc làm thủ khoán, ai làm bộ trưởng bộ Kiến thiết, chủ trương của bộ Kiến thiết như thế nào, cô gái chẳng cần biết. Đừng nói chuyện xa vời, cứ nhìn vào làng văn nghệ, mà xem mỗi ngành đều biến hóa, người viết văn chưa thông cảm hoặc chưa hiểu sơ qua sinh kế, hoặc thối mả về đường lối của người phổ nhạc, người họa sĩ.

Thôi thì cơm ai nấu ăn, nhà ai nấu ở. Ngày Chúa nhật, ta đi thăm viết quanh quần đôi ba người bạn thân. Trưa hoặc chiều, ta về nhà mà ăn cơm, nghỉ dưỡng sức, trong khung cảnh gia đình, với sách, nhật báo, tuần báo, máy thu thanh. Ta vui sống trong đời tư với cái bàn, cái ghế, chiếc xe gắn máy. Nếu cần tìm hiểu những ngành khác, ta cứ tìm những loại sách bách khoa phổ thông. Nếu muốn thông cảm với dân tộc, với nhân loại, ta nghe tin tức, nghe nhạc ngoại quốc hoặc tranh ảnh...

Đời ta lên voi hay xuống chó là do số tử vi. Nhiều khi bạn bè ta thất nghiệp nhưng ta có thể kiếm tiền khá nhiều, hoặc ngược lại.

Có người đọc báo hằng ngày để tìm hiểu sinh hoạt văn nghệ căn cứ vào truyện ngắn, tiểu thuyết đăng từng kỳ để kết luận:

– Văn nghệ Việt Nam đang xuống dốc!

Những bạn ấy muốn hoài niệm thời kỳ báo Phong Hóa, Ngày Nay chẳng? Không thể được.

Muốn hiểu văn nghệ đã lên hay xuống dốc, ta nên tìm sách hoặc tạp chí. Tôi tưởng rằng bên Pháp, bên Mỹ, tình hình nhật báo cũng giống như ở nước ta. Điều khổ tâm nhất là thỉnh thoảng lại nghe vài bạn phàn nàn:

– Bà X, cô Y, viết tiểu thuyết, truyện ngắn thuộc hàng hạ cấp, dành cho con Sen. Thế mà dám xưng là nữ sĩ. Bên Pháp, báo chí... tiến bộ lắm.

Sự thật như thế nào? Nữ sĩ nói trên đã làm cái công việc phóng tác, chọn những chuyện trong các tuần san Pháp, thêm thắt vài chi

tiết, sửa đổi phần kết luận cho có hậu hơn.

Tại sao một “bà đầm” cầm báo Marie-Claire, năm trước biệt thự lại có vẻ sang trọng? Con Sen, cô gái gánh nước ở xứ ta đã đọc một chuyện ngắn phóng tác của báo Marie-Claire, chuyện phóng tác lại lành mạnh hơn nguyên bản.

Báo hàng ngày là một ngành kinh doanh, cần bỏ ra vốn to, cần thâm lợi (ở đây tôi không đề cập đến trường hợp những người làm báo vì mục đích chánh trị, cần ra báo cho có mặt trong giai đoạn nào đó).

Nếu làm báo hàng ngày theo đường lối khô khan mà bán chạy thì các ông chủ báo đã làm rồi. Nhiều người chủ trương làm báo đứng đắn khô khan, bỏ những mục nhảm nhí, phục vụ văn nghệ thuần túy... Nhưng báo sống được chẳng bao lâu! Chủ báo ấy đâm thất vọng, xoay qua làm báo... Thương mãi đi từ thái cực này đến thái cực khác: cũng diễm huyênh, cũng ướm át, cũng kiể m hiệp, tử vi. Rốt cuộc, báo lỗ vốn nặng.

Độc giả báo hàng ngày đâu phải là hạng người dễ câu; “ướm át, đánh chuông” ngay đến cả tử vi là những nghệ thuật riêng đâu phải viết bừa bãi ra là thiên hạ chọn đọc.

Báo hàng ngày ở xứ ta khó vượt qua báo chí Âu Mỹ về hình thức cũng như về nội dung. Cách thức trình bày kỹ thuật ấn loát của ta đều mô phỏng. Các ký giả Việt Nam đã nghiên cứu, theo dõi báo chí Tây Phương, rút những kinh nghiệm để kịp thời cải tiến. Nhưng số độc giả ở xứ ta, tiền bạc của chủ báo đều có giới hạn. Tâm lý của độc giả ở xứ ta vẫn theo đuổi độc giả Âu Mỹ. Dễ hiểu quá: Chúng ta bước vào cuộc sống trưởng giả sau người Âu Mỹ. Chúng ta chưa có vô tuyến truyền hình. Rồi đây, báo hàng ngày ở nước ta sẽ đến giai đoạn có thêm mục mô t quần áo, thêm nhiều trương đăng quảng cáo.

Tóm lại, tình trạng chưa đến nổi bi quan. Đó là kết luận tạm thời do tôi nêu ra. Dĩ nhiên, tôi đã chủ quan. Tôi mang ơn báo hàng

ngày. Nó giúp cho tôi vài công ăn việc làm. Và bạn trẻ nào yêu văn nghệ (mà chưa có huê lợi nào khác) thì hãy theo “sách lược” bán văn nuôi miệng như sau:

– Mỗi tờ nhật báo đều có công thức riêng. Nhập gia tùy tục đừng tự ái lật vặt. Hãy xem mình như người kếp hát, ai biểu ca bản nào thì ca bản nấy.

– Đừng mong chiêm đoạt những mục dễ ăn. Đã có những người khác chiêm trước rồi. Viết tiểu thuyết đăng báo đâu phải chuyện dễ. Viết thì ai cũng viết được, nhưng độc giả chịu theo dõi hay không? Những mục “Hộp thơ”, “Giải đáp tâm sự” đã lọt vào những cây bút thân cận của chủ báo, hoặc chủ bút.

– Mỗi chuyện phải có cốt chuyện đầu đuôi mạch lạc, tránh lối phân tích hiện sinh. Những chuyện gọi là “cao” nên đăng ở tạp chí hoặc in thành sách cho xong.

– Nên gia nhập vào một “ê-kíp” để dễ bề làm ăn. Anh em đi đâu cũng kéo mình theo. Nếu mình thất nghiệp, những bạn thân ấy sẽ nhớ tới.

– Viết bài ít tốn thời giờ hơn là... chờ lãnh tiền. Phải theo dõi tình hình lương phạn, ngày giờ trả tiền, cách thức mượn tiền.

Nhưng điều quan trọng nhất vẫn là dành riêng thời giờ để sáng tác – những sáng tác mà mình đã c ý nhất. Nhiều bạn trẻ viết truyện ngắn, làm thơ rất khá nhưng sau khi viết báo hằng ngày thì lặn hồ i quên chuyện sáng tác. Thế là hỏng! Phải chủ động, lúc vui đầu vào sanh kế. Nếu nổi danh thì đừng chủ quan cho rằng: “Tờ báo ấy bán mỗi ngày 30 ngàn số, tức là ta đây có 30 ngàn người ái mộ”. Lúc nào làm ra tiền, nên ăn xài lai rai, đừng truy lạc làm bạn với nàng tiên nâu mà nguy hại về sau. Nếu thất nghiệp, nên kiên nhẫn chạy chọt, chờ đôi ba tháng là sẽ gặp cơ hội. “Trong trăn ai, ai dễ biết ai? Thế Chiến quốc, thế Xuân thu, gặp thời thế thế thời phải thế!”. Báo hằng ngày đã tạo ra nhiều nhà văn, đồng thời cũng giết chết sự nghiệp tinh thần của nhiều kẻ có khiêu viết

văn. Sau năm bảy năm viết báo, ta còn lại bài nào hay? Thảm hại cho những ai chỉ còn hai bàn tay trắng, ương ương gàn gàn, văn sĩ không ra văn sĩ, ký giả không ra ký giả với một bà y con đông, một bà vợ bé và một thú tiêu khiển đi mây về khói.

Người đẹp xứ Đông Nai qua các thời đại

Tô Mỹ Hạnh

(Giai phẩm Xuân Tin Sớm Tết Bình Ngô 1966)



Chợ đông Cổ Đô

Các sáng tác phẩm miền Nam thời cụ Đông Chiểu không nói rõ mỹ nhân đất Đông Nai ra sao cả, thành thử ta cũng khó lòng mà hình dung ra họ.

Chỉ biết là họ đeo nữ trang quá nhiều, đeo đầy cổ, đầy ngực, đầy cườm tay, đầy cả cườm chon nứa, qua mấy bài ca dao dưới đây mà có người còn nhớ.

Văn thơ truyền khẩu thiết là hữu ích về phương diện khảo cứu đời sống của nhân dân thời trước.

Và đây, một thiếp nữ mười ba tuổi, con nhà giàu, người có thật, có tên có họ hẳn hoi, bà mẹ cũng được người làm ca dao biết rõ, tóm

lại đây là một bài ca dao có tánh cách địa phương triết đẽ, nói đẽ n một gia đình trong một xóm nhỏ ở miề n Nam.

Đây là một cô gái đẹp miề n Nam, lô i năm 1880:

Có người lịch sự trong trời đầ t/ Tuổi mới mười ba/ Cha mẹ đặt là/ Họ Dương tên Thích/ Ta xem hình tích,/ Diện mạo tợ tiên/ Cái miệng có duyên/ Má núm đờ ng tiề n,/ Dợn xây bõ n cái/ Trăm người đẽ u ái/ Muôn kẻ ước ao/ Lịch sự làm sao/ Duyên này cha chả!/ Cha mẹ đành gả/ Mắ y trăm mắ y ngàn/ Gả cho những chàng/ Hạp dươn câ m sắ t,/ Đẽ coi duyên nợ/ Cô á y vễ ai,/ Con trai ngày ngày/ Luôn luôn ao ước/ Đĩa nào có phước/ Được chữ Ngưu Lang/ Sức đáng vợ quan/ Cùng là công nữ/ Cha mẹ gìn giữ/ Cửa đóng then gài/ Trâm giắ t lược cài/ Quâ n hồ ng áo tím/ Nhiều điề u may yế m/ Thợ bắ t bông thêu/ Bông vàng bông đỏ/ Năm đôi vòng nhỏ/ Thợ chạm Tứ linh/ Cà rá trong mình/ Biế t bao nhiêu bộ!/ Hoa tai kiề ng cổ/ Dưới chân đi giầy/ Bắ t bông lưỡng diện/ Cô cười mỉm miệng/ Cũng đáng một trăm/ Khá khen thím Năm/ Khéo sanh con nhỏ/ Má hồ ng ửng đỏ/ Hình tích vuông tròn/ Dáng bộ quá ngon/ Ai ai cũng muồ n.

Và đây, một cô gái đẹp khác nữa, cũng cứ qua ca dao. Cô này có lẽ là một gái giang hồ , chớ không phải gái nhà lành như cô trước, thứ gái giang hồ làm thiế p cho một công tử nào và cứ đòi hỏi này nọ mãi, và còn cuồ n gói bỏ rơi cậu công tử là khác:

Anh thương em/ Mua cho em/ Cái quâ n nhiều đỏ/ Cái áo màu nu/ Một đầ u tóc mượn/ Một lưỡng kiề ng vàng/ Hột xoàn cà rá/ Nón lá lông chiền/ Một trăm chuỗi huyề n/ Một thiên chuỗi hổ/ Một bộ rỏ may/ Một đôi giầy nhung/ Thêu bướm bướm bạc/ Bây giờ thắ t lạc/ Em đành bỏ anh.

Đó là những hạng gái có tiề n, tiểu tư sản hay kỹ nữ thì không rõ lắ m.

Còn nông dân mà đẹp thì giản dị hơn. Đây là một ông chồ ng khuyên vợ:

*Bậu có thương qua thì:/ Khăn bà ba đừng đội/ Phường hát bội
đừng mê/ Bài cấ c tê đừng mắ c/ Bài tứ sắ c đừng ham.*

Ngày nay, ta biế t áo bà ba mà không hê` thấ y khăn bà ba.

Bà ba là tên xưa của dân Mã Lai, họ dệt một thứ khăn màu sắc sỡ mà nông dân ta cho là dĩ thỏa, cá m phụ nữ đội, nhưng phụ nữ bình dân lại rấ t mê loại khăn ấy. Âu cũng là một cách làm dáng y như ngày nay phụ nữ bình dân mặc áo bà ba ny lon rắ n ri xanh đỏ vậy.

Và đây y phục của một cô gái bình dân đẹp:

Áo vá vai, vợ ai chẳng biế t,

Áo vá quàng, chí quyề t vợ anh.

Đây là một bài hát gheo, trai gái gheo nhau trong đám đông.

Áo vá quàng, theo cái nghĩa nguyên thủy của nó là áo vá sơ sịa.

Nhưng phụ nữ bình dân miề n Nam vào cuố i thế kỷ trước lại lắ ng xê ra cái mô t áo vá quàng. Áo mới may xong, họ cắ t bỏ thân trên thay vào đó bắ ng một thân khác, may bắ ng vải khác loại, khác màu.

Và âu cũng là một lố i làm dáng của người nghèo, họ chỉ được phép mặc đen hay mặc những màu u tồ i buồ n bực. Áo vá quàng của họ cũng chỉ hai màu u tồ i mà thôi. Nhưng hai màu, vẫn linh hoạt hơn là một màu.

Áo vá rấ t công phu, chớ không còn sơ sịa, và đó cũng là một công trình mỹ thuật của phụ nữ bình dân miề n Nam vào cuố i thế kỷ trước.

Về` sắ c đẹp của phụ nữ quý phái miề n Nam vào cuố i thế kỷ trước, ta có tài liệu chính xác, mà là tài liệu quố c tể nữa, chớ không riêng gì ở Việt Nam đâu.

Cô Ba đẹp tuyệt trần, đẹp theo thuở ấy, cô nhiên, và chon dung của cô được in hình lên con tem gửi thơ đầu tiên ở xứ này.

Quốc tế là ở chỗ đó, vì hiện nay các tay sưu tầm tem trên thế giới đều có tem cô Ba, mà hay còn chưa có người được thấy lần nào.

Cô Ba lại còn nổi danh thế giới vì một việc khác nữa. Một hãng xà bông ở Mạt xây (Pháp) đã xin phép dùng hình và tên của cô Ba để làm nhãn hiệu cho một loại xà bông thơm, xà bông này không phải chỉ bán riêng qua Đông Dương mà còn bán ở khắp các thuộc địa khác của Pháp trên thế giới.

Ai không có điểm phúc thấy con tem cô Ba xin xem hình trong bài thì rõ. Đó là hình bìa của một ấn bản truyện Kiều ở Saigon vào đầu thế kỷ.

Ông họa sĩ vẽ cô Kiều ở cái hình bìa ấy rất là ngây ngô, nhưng đúng y sự thật: đó là hình ảnh rất trung thành của một thiếu phụ miền Nam cách đây bảy tám mươi năm.

Cô Ba cũng giống y hệt như thế.

Lẽ cô nhiên là chon dung của cô Ba, trong con cò gửi thơ, chỉ chụp bản thân mà thôi, tuy nhiên cô Ba ở đó và ở đây đều trình bày chiểu nghiêng của mặt, cho ta thấy rõ cái búi tóc của cô, búi theo thời bấy giờ, gọi là lối búi “ba vòng một ngọn có thả bánh lái”.

Từ nãy giờ ta thấy quan niệm về sắc đẹp phụ nữ của miền Nam thời trước chỉ quanh quẩn ở y phục nữ trang và mái tóc. Qua ca dao và hình ảnh thì như vậy. Còn qua miệng người?

Chúng tôi còn nhớ ông nội chúng tôi, năm nay đã gần chín mươi rồi mà hôm nào vui miệng ông kể rằng thuở ông đi coi mắt bà nội chúng tôi, ông rất vừa ý cái lối đánh đờng xa dịu nhiu của bà.

Vậy đánh đờng xa (tức để cho hai cánh tay đánh đờng đưa tự nhiên lúc đi) là một yếu tố đẹp.

Đó là trong thể hệ của ông nội chúng tôi.

Đến thể hệ của thân phụ chúng tôi thì cái đẹp đòi hỏi thêm một yếu tố nữa. Hôm nào vui miệng, thân phụ tôi ca một bài Hành vân có lẽ đã có sẵn hồ i đầu thế kỷ. Thân phụ tôi lớn lên thì bài Hành vân này đã bắt đầu “xua” rồi.

Là cô đội cái khăn bông hường

Xúc động cái lòng tôi thương

Yếu tố mới ấy là cái khăn đội đầu, nhưng đó là khăn của đầu thế kỷ, khăn vuông xếp lại thành ba góc, bằng lụa Cachemire, màu hường lợt.

Vài mươi năm sau đó, đối với người đẹp của xứ Đông Nai cái khăn vẫn là yếu tố đẹp, nhưng nó được hiện đại hóa khác đi.

Thân phụ chúng tôi có kể một tai nạn suýt chết người xảy ra trong làng người, thuở người còn trẻ thơ.

Số là trong làng có một cậu công tử ăn chơi “vàng trời”. Cậu công tử có một chiếc xe Ford, kiểu thời đó, nghĩa là bánh xe không có đĩa như bây giờ mà có cãm.

Một hôm cậu công tử rước một kỹ nữ danh tiếng ở Sài Gòn về làng quê nghỉ mát. Người kỹ nữ ấy đội khăn “sạt” (écharpe) vì khăn bông hường đã hết mốt rồi. Khăn sạt bằng vải voan, đội đầu rồi quấn cổ, rồi để thòng xuống dưới gót.

Ô tô thuở ấy toàn mui trần. Người kỹ nữ ấy về tới làng, dựa sông Đông Nai, gió nhiều quá thổi cái đuôi của khăn sạt của cô bay ra ngoài. Đuôi khăn càn trên mặt đường rồi kẹt vào cãm xe. Xe chạy, cuốn đuôi khăn lại và thắt cổ người kỹ nữ ấy. Nhưng người công tử hay kịp, kêu thắt xe lại gấp, nên người ấy thoát chết.

Câu chuyện người kỹ nữ không ăn nhấm gì với bài này, nhưng nó chứng tỏ được người đẹp thuở thân phụ tôi lên bảy, làm đom bằng

khăn sạt.

Tới đây ta vẫn chưa biết mặt mũi người đẹp Đông Nai ra sao.

Sách vở miền Bắc xưa, còn nói đến “ gương mặt trái xoan”, “đôi mắt bồ câu”, “hàm răng hột na”, “cái mũi dọc dừa”. Ở đây thì ta mù tịt.

Tuy nhiên, đọc kỹ mấy câu ca dao trên kia, ta được biết rằng người đẹp Đông Nai gò má phải núm (lúm) đồng tiền.

Cái cô bé mười ba, họ Dương tên Thích hơn người đẹp thường vì người đẹp thường má chỉ núm có hai đồng tiền còn cô thì má “dợn xây” đến bốn cái.

Từ năm 1920 mãi tới năm 1935, phụ nữ miền Nam được diện hình ảnh người có ảnh chụp trong bài này.

Họ bớt đeo nữ trang đầy mình, nhưng áo vẫn rộng thùng thình như xưa.

Ấy, trước đó, cái đẹp là ở cả cái góc gương mặt, ở cả cái bề dài của tóc, và ở cả nữ trang, còn vóc dáng, y phục không đáng kể.

Năm 1935, kiểu áo Cát Tường do báo Phong Hóa ở Hà Nội lăng xê được miền Nam hoan nghênh ngay. Tuy nhiên, họ chỉ hoan nghênh lối chít eo mà thôi, nút là ráp, chớ những chi tiết rườm rà khác không được ai theo.

Rất lạ là áo tay ráp đẹp hơn áo tay thường, nhưng phụ nữ ngày nay lại bỏ hẳn tay ráp.

Từ ấy những nay, áo có thay đổi nhưng chỉ thay đổi ở chi tiết vụn vặt, khi dài khi ngắn, khi bầu cao khi bầu thấp, khi hở cổ khi cổ kín, nhưng đường nét lớn vẫn là theo lối Cát Tường, nghĩa là ôm sát thân thể.

Có thể bảo rằng áo phụ nữ ta từ 1935 tới 1956 là áo Cát Tường. Họa sĩ Cát Tường đã làm chúa được 30 năm rồi.

Ta có thể nhờ khoa nhơn chủng mà vẽ ra chơn dung tổng quát của người đẹp Đông Nai thuở ấy để biết họ ra sao, mà có thể cả đến bây giờ họ cũng mang dấu vết cũ.

Thường thì những người tiên phong đi khai hoang đất mới, như người Huê Kỳ chẳng hạn, đều là những người nghèo khổ, và rất xấu xí. Cuộc khai hoang khó nhọc và nguy hiểm càng làm cho họ thô hơn. Con cháu họ cũng thế, tuy rất vạm vỡ, nở nang, nhưng không nhã lịch (không élégant). Phải qua ít lắm là hai mươi thế hệ người, thời gian mới mài dũa thân thể họ cho hết thô.

Người Huê Kỳ thô hơn người Âu châu, thì ta cũng kém élégant hơn người miền Bắc. Ta sẽ nhã lịch y như họ, hơn họ nữa, nhưng chưa đến lúc.

Ngày nay thì khuynh hướng thô ng nhứt và đại đô ng đã lên mạnh địa phương tính. Về trang phục, người Nam, người Trung, người Bắc ở các thành phố giống hệt nhau. Đó là sự tan rã của sắc thái địa phương. Sắc thái quốc gia cũng đang lâm nguy. Hiện nay trong một trăm cô gái tiểu tư sản ở thành phố, có đến 80 cô mặc đầm.

Độ mười năm nữa, ta không còn nói đến người Đông Nai được nữa rồi. Chỉ sẽ có người Việt Nam mà thôi.

** Ghi chú của báo Tin Sớm: Cô Tô Mỹ Hạnh là giáo sư Cử nhơn Văn khoa (Văn minh Việt Nam), chuyên nghiên cứu phong tục các dân tộc Đông Nam Á.*

Con chó xù Pékinois và nhà văn Lê Văn Trương

Hội ký trào lộng của Trăn Đông Vọng

(Giai phẩm Xuân TỰ Do Tết Kỷ Dậu 1969)



Minh họa: Tạ Kim

Tôi còn nhớ Tết Nguyên Đán năm ấy, một mùa Xuân đã xa xôi lắm, một mùa hoa gấm thanh bình của kinh thành Thăng Long khi xưa... có hàng liễu rủ bên hồ Hoàn Kiếm, có tháp Rùa soi bóng nước xanh lơ, có sương mù bao phủ như mảnh gương nhòa trên nền trời Hà Nội, có những bóng dáng nữ thân tha thướt, in dấu hài trên vỉa hè phố Hàng Ngang, Hàng Đào của đất thân kinh 36 phố phường, có bánh cốm Nguyễn Ninh, bưởi Phủ Đoan và cam Bồ Hạ, có đàn cò trắng bay phân vân về phương trời xa tít, có hàng cau gầy chi chít của hương đồng gió nội, có bài hát ru em của Nguyễn Bính, có áng thơ tình ướt át của Jean-Leiba. Chính là giai đoạn nền phong kiến cực thịnh của nhà nước bảo hộ Pháp đè nặng lên dải đất chữ “S” của chúng ta, của quê hương Việt Nam yêu dấu...

Tết năm ấy nhà văn Lê Văn Trương nghèo lắm!

Nghèo đến độ không có lấy một manh áo mới đón Xuân, nhà văn vẫn phải mặc lý chiếu áo tự thu tàn năm trước! Nhưng anh vẫn hách lắm, vẫn nổi tiếng trong văn giới là người xoay tiền tài ba nhát.

Anh vẫn xưng danh là Mạnh Thường Quân văn nghệ, đã từng tận tình giúp đỡ anh em những khi con đen vận túng, bị bà cả “Đội” đến thăm nhà, đến nước phải treo niêu!

Năm nào cũng vậy, cứ đến dịp Tết là nhà văn Lê Văn Trương hết nhận tiền, mà bệnh hết tiền thì rớt u là hay lây, lây sang cả mọi anh em khác, chả cứ riêng gì một anh Lê Văn Trương!

Nhưng có cái khổ là: căn bệnh nan y tái phát cứ nhè lúc anh nhà văn họ Lê nhận “trợ thân cụ” thì các anh em lại vác mặt đến thăm anh Lê Văn Trương để xin hành khất!

Đã thành cái lệ truyền kiếp, anh Trương sẵn sàng cuu mang giới văn nghệ đói rách, chẳng bao giờ từ chối một ai, khi đã tìm đến vãn an anh, nhất là vãn an giữa ngày mùng Một Tết.

Xuân năm ấy giữa đêm Giao thừa tôi đen như mực, tại số nhà... đường Gustave Dumoutier, tức là phố Chùa Vua Hà Nội cũ, trong một căn nhà trệt, không khí thật là ấm cúng vì trên cái sập gỗ, kê sát ngay tấm vách, ngăn phía sau căn nhà, một mâm đèn thuốc phiện, quây quăn xung quanh đủ mặt giới văn nghệ sĩ của đất ngàn năm văn vật: Đoàn Phú Tứ có, Trần Huyền Trân có, lại có cả nhà tiểu thuyết kiếm hiệp: “Bát Quái Đạo, Bát Quái Giáo Chúa, Chu Diệt Chùa Thiệu Lâm, Thiệu Lâm Trường Hận” là anh Thanh Đình nữa...

Trong cái ấm cúng giả tạo của khay đèn ấy, nó vẫn pha thêm một cái gì lạnh lạnh nhàn nhạt, tôi giác bộ mặt thật của không gian. Người ta nhìn thấy trên bàn thờ của chủ gia nguội tanh hương khói, bàn thờ ông vải môc meo, nhện chằng từ trên trần nhà xuống. Nhìn chú nhện vàng đưa võng mà cảm hoài hoang mang đến cái nghèo vãn cổ của kiếp nhà văn!

Nhìn lên bàn thờ tôi Ba mươi trông càng thảm thiết, gần đến lúc cúng Giao thừa mà không có một mâm ngũ quả, không một tấm bánh chưng xanh, không một cân mứt, gọi là tượng trưng cho ngày Tết của chủ gia.

Đã thế càng về khuya, nhà văn Lê Văn Trương lại càng được nhiều anh em khất sĩ đến xông nhà và chúc tụng, chẳng khác gì

người anh hùng Lương Sơn Bạc Tô'ng Giang nổi tiế'ng là hay chiêu hiề'n đấi sĩ.

Dưới ánh đèn dâ'u lạc lù mù leo lét, nét mặt nhà văn Lê Văn Trương xám ngắ't, anh ngược cặ'p mắ't lơ' đãng nhìn lên trầ'n nhà... nhìn về' phía bàn thờ, bỗng nhú' đôi lông mày lại như đang thắ'c mắ'c tìm một lố'i thoát giữa ngổ' bí vì hế't xìn... Cùng một kiểu nhìn á'y, cùng một nụ cười tủm của nhà văn họ Lê, người ta đọc được hai ý nghĩ của tác giả;

1) Năm hế't Tê't đê'n mà trong nhà không có lầ'y một đồ'ng, anh cảm thương cho thân thể' mình là nhà văn nổi tiế'ng, khi bút hoa lên có cả hàng triệu quả tim vàng rụng xuố'ng, ba đời mê văn Lê Văn Trương.

2) Các anh em trong văn giới vẫn ca tụng anh là một quản lý văn nghệ, hôm nay đê'n hành khắ't rắ't đông mà chính anh lại còn đét gắ'p mắ'y, thật là đúng cảnh chó cắ'n áo rách, anh còn biế't tính sao đây!

Bỗng dưng anh liế'c mắ't sáng như dao nhìn vợi về' phía Thanh Đình vì người thứ hai vừa tiêm xong điế'u thuố'c thứ 38, quay dọc tẩu mời anh. – Chú Thanh Đình, ờ, chú mày phi kiế'm giỏi lắ'm, vậy Tê't năm nay tao rách, anh em cũng rách hế't, vậy chú mày có thể dùng thể' võ: “di sơn đảo hải” hay “vũ đả ba tiêu” gì gì đó... đóng vai anh chàng hiệp sĩ phi thân vào Tổng Nha Ngân Khố' mượn ít bạc ra phân phát cho anh em không? Anh em chỉ còn trông vào một chú mày lúc này, với tài phi kiế'm thầ'n sầ'u quý khố'c của Liên Hoa Ảnh trong phái Thiế'u Lâm. Nói đê'n đây anh Lê Văn Trương cười gầ'n như chua chát, nhìn nhà tiểu thuyế't kiế'm hiệp Thanh Đình thao láo... rô'i đột nhiên anh khe khế'ngâm thơ phi lộ của Thanh Đình trong tác phẩm: “Thiế'u Lâm Trường Hận”.

Ai oán tiế'ng thư cừ

Mang máu rửa hận cừ

Tàn phá! Ôi tàn phá!

Thiếu Lâm gió đều hiu...

Đến đây mọi người vỗ tay hoan hô, giới hát sĩ, hát sĩ nhìn về phía Thanh Đình như chờ đợi một vị cứu tinh hộ mạng.

Như một con gà mái gầy nằm trong ổ rơm đang đau đẻ, tiểu thuyết gia kiếm hiệp của chúng ta thò dài cổ qua chiếc áo pardessus cũ rách, lú đần lên lấc lấc, cặp mắt trím tríp xuông, tỏ dấu hiệu vô hi-vọng, cất tiếng khàn khàn đáp:

- Chẳng mấy khi anh Trương trông cậy vào tay kẻ hèn, nhưng khôn nỗi đến ngày hôm nay rồi thì đệ cũng xin chịu thúc thủ, vì sáng mai này đã là ngày mừng Một Tết rồi, dù có tài phi thiên tả bách, dùng đến thế võ nào đi chăng nữa cũng chẳng có ma nào hưởng ứng, người ta kiêng rât kỹ nói chuyện tiền bạc khi vừa bước chân sang năm mới!

Mọi người cười rộ! Chỉ vào tiểu thuyết gia kiếm hiệp Thanh Đình châm chọc: “Thế chú mày phun kiếm ra giết chết bỏ mẹ chúng nó đi nghe!”

Chợt, bỗng nhiên nhà văn Lê Văn Trương vỗ đùi đen-đét, cặp mắt sáng long lanh, nước da tái mét bỗng dựng đanh lại, anh buột miệng dặc ý nói to:

- Diêu kê! Diêu kê! Thực là diêu kê! Con chó xù Pékinois của tao đâu rồi? Đi tìm con chó xù lại đây cho tao! Hoan-hô chó xù! Diêu kê, diêu kê!

- Muôn năm chó xù!

- Vạn tuế chó xù! Vạn tuế chó! Chó! Chó!

Mọi người tưởng anh vừa lên cơn điên, nhìn chằm chập vào anh như nửa tò mò, nửa sợ-sệt!

Chợt anh giơ tay phân bua:

- Tao không điên đâu, chúng bây ơi! Tao nghĩ được cách có xin rồ i, lại nhân nghĩa nữa! Vậy đúng 12 giờ sáng mai, tao mời chúng mày lại tập trung tại nhà cô đào X... Ngã Tư Sở, tao khao một chầu hát đầ u năm và luôn tiện chia tiề n cho tụi bây xài Tê t. Kế hoạch của tao vẫn là con chó, phải vẫn là con chó Pékinois của thầ ng docteur Tuân vừa cho tao, chúng mày biế t chưa!...

Mọi người nhìn anh rấ t ngạc-nhiên, vẫn mù tịt chẳng biế t kế hoạch con chó xù là thế nào tại sao anh Trương lại vạn tuế cả chó, lại muôn năm đế n cả chú cẩu nữa?

Đế n đây câu chuyện đã hơi dài; khi tôi kể cho các bạn nghe mẩu chuyện vui mùa Xuân, vậy xin tóm tắ t đoạn kế t:

Thế là buổi sáng tinh mơ ngày hôm sau, ngày mông Một Tê t nhà văn của chúng ta thi hành mưu kế đã định.

Anh đã lục tìm trong đầ u óc sẵn một danh sách, có tên chừng hai mươi ông bạn thân, yêu văn nghệ mê tiểu thuyế t gia Lê Văn Trương.

Anh khởi hành từ mờ sáng, đế n xông nhà từng người một, giấ t theo chú xù Pékinois tay phải bắ m chuông, tay trái dìu chó vào tìm gia chủ để chúc Tê t và trang trọng biế u con chó quý để chúc thọ năm mới.

Anh xê p đặt những câu mở màn để rào đón và xoay tiề n khéo:

- Thưa anh chị! Tê t này đế n sớm quá! Kẽ hèn bạn viế t quên cả việc mua sắ m, nhớ đế n anh chị và các cháu là những người thân mế n nhấ t, tôi phải lật đặt đế n thăm ngay, vậy tôi có con chó khôn, gia tài quý giá nhấ t, thành tâm mang nó lại kính biế u anh chị và mừng tuổi đón Xuân. Vừa nói nhà văn vừa cột chú chó xù vào chân bàn, cạnh ngay chú mèo mun của gia chủ.

Gia chủ vội vàng đón nhận và cảm ơn rồ i rít, ca ngợi hế t mình ông khách quý trong làng văn nghệ!

Để rào đón thêm và đưa vào mê hồn trận, luôn miệng vờ than túng, Tết đến không có dư tiền đi hát ả đào, đi giải trí tổ tôm mừng năm mới, buồn quá! Vừa nói anh vừa chỉ vào quà biếu là con chó xù, ca ngợi nó khôn nó đẹp! Thế là động lòng trặc ắn, hòn đá t ném đi, hòn chì ném lại, gia chủ nhìn món quà biếu xem cũng đáng giá, vội vàng lục ví, lấy tiền phong bao lì xì chùng một “sín” cho nhà văn đi giải trí lành mạnh mừng Xuân.

Sau khi chủ khách đã trao đổi mọi chuyện vui năm mới, anh giả vờ là còn bận đi thăm các bạn khác, xin cáo từ ra về.

Con chó cọt chân bàn, thầy chủ tự nhiên phú linh một mình, vội nhảy tung tung lên cấn rầm rĩ, định tháo xích chạy theo chủ, rồi, bỗng thành linh chú mèo ở đâu chạy lại, hai bên chó mèo xô sát gây chiến tranh. Chờ đợi đúng lúc, phải can thiệp, nhà văn của chúng ta chạy lại xua chú mèo ra, cởi xích bỗng luôn chú xù lên tay, tỏ dấu hiệu âu yếm, ghé miệng hôn nhẹ lên lưng nó và từ tốn, trang nghiêm phân vua với chủ nhà:

- Thôi, anh chị giàu có, chẳng thiếu gì giống vật quý giá, chó xù nhớ chủ, thầy tôi về nó nhớ nó khóc, tội nghiệp quá nên tôi bỏ nó lại một mình... Vậy xin đỡ anh chị, tôi lãnh về nuôi giùm nó, xin cảm ơn anh chị tôi về...

Vừa nói nhà văn của chúng ta vừa giả t theo chó bước luôn ra cổng. Rồi bõn cũ soạn lại. Cứ thế nhà văn Lê Văn Trương lần lượt đi thăm và biếu chú xù từng ông bạn vàng một.

Đến đúng Ngọ 12 giờ sáng, tiền phong bao lì xì đã đầy túi, con chó xù Pékinois vẫn lẻo đẻo theo chủ, cô kết với nhà văn nghèo như bóng với hình trở lại nhà cũ. Con chó là món quà quý đã 20 năm biếu xén, rốt cục châu lại về hợp phôi!

Quả thực là mưu thâm Gia Cát!

Chuông nhà thờ vừa điểm 12 tiếng ngân nga! Giờ hẹn của nhà văn mời các bạn đến ăn khao một chầu hát ả đào tại Ngã Tư Sở

mừng Xuân mới và chia tiê`n cho đám khấ`t sĩ xài Tê`t đã đúng hẹn!

Mưu kế` con chó xù Pékinois của nhà văn Lê Văn Trương đã thành công mỹ mãn. Tê`t năm á`y anh em đã được đón nhận một ngày Xuân vui vẻ!

Vạn tuế` chó! Muôn năm chó!

Chó xù Pékinois đã đem lại cho các nhà văn Việt Nam một mùa Xuân vui tươi...

Nam Thành, Sài Đô ngày đầ`u Xuân

Mùa xuân mười tám

Hà Mai Lan

(Giai phẩm Xuân Chính Luận Tê`t Kỷ Dậu 1969)



Nhật ký của mẹ

Le 28 Janvier 1943

Hôm nay là ngày 23 tháng Chạp rồ`i. Sáng sớm, tôi với mẹ tôi và chú Hai gọi xe kéo đi chợ Đờ`ng Xuân. Trời lạnh quá... Mẹ tôi co ro trong chiế`c áo bông cộc. Nhưng chiế`c áo không đủ á`m. Tôi thấ`y

mẹ tôi run lên từng hồ`i, và hơi thở thì khói trắng bay ngào ngạt. Chú Hai đỡ tôi và mẹ tôi lên xe đi trước, chú đạp cái xe đạp cọc cạch đi sau. Tôi bảo mẹ tôi đợi trời sáng hãy đi, nhưng mẹ tôi không nghe, còn mắ`ng tôi:

– Đi chợ mà như cô thì rô`i còn mua được cái gì tươi tồ`t nữa?!

Tôi yên lặng. Mẹ tôi thường có lý trong vắ`n đề` mua bán...

Từ Ô Yên Phụ này tới chợ Đôn`g Xuân, tuy chẳng lắ`y gì làm xa cho lắ`m, nhưng trời lạnh và mưa phùn thì rơi tắ` làm cho mẹ tôi và tôi ngồ`i trên chiế`c xe cao su dù đã bỏ mui che cánh gà, nhưng cũng vẫn thắ`y lạnh và đường thì dài làm sao...

Xe tới Hàng Than thì trời mưa lớn hơn. Cái lạnh lại càng thắ`m thắ` hơn. Lúc ở nhà đi đôn`g hồ` chỉ 6 giờ. Bây giờ chắ`c hơn sáu giờ... Sáu rưỡi không chừng, mà trời vẫn còn tồ`i lắ`m. Đèn đường vẫn còn bật sáng. Ánh đèn vàng ửng soi trên những vũng nước lẹp nhẹp. Đường vắ`ng lắ`m... Khi xe chở mẹ con tôi tới Hàng Than thì mới thắ`y tàu điện Cô`ng Vọng Yên Phụ ở mạn Hàng Cót tiế`n lên.

Hai mẹ con tới chợ tuy sớm, nhưng cũng đã có nhiề`u người tới rô`i. Các bà mẹ An-nam thường giố`ng nhau. Tắ`t cả đề`u lo lắ`ng cho những ngày giỗ Tề`t. Mẹ tôi cười, nhìn tôi như thắ`m bảo:

– Con thắ`y không? Mẹ nói có sai đâu! Không đi sớm thì cứ là mua tôm thồ`i cá ươn!

Ba cỗ mũ áo cúng ông Công ông Táo mẹ tôi đã mua từ chiề`u hôm qua ở phố` Hàng Mã. Hôm nay mẹ tôi mua cá chép vể` cúng rô`i thả... Sau lưng nhà tôi là Hồ` Tây rộng bát ngát, việc thả cá này mỗi năm xảy đế`n một lầ`n vào ngày cúng ông Công ông Táo. Năm nay cũng thề`... Mẹ tôi nhắ`t định phải chọn cho “ngài” con ngựa thật đẹp, thật khỏe...

Hai mẹ con dẫn nhau tới dãy hàng cá... Những con cá chép râu vênh được rộng trong những chiế`c nô`i hông lớn. Râu cá vênh lên như thách thức người mua...

Hai mẹ con và chú Hai về tới nhà thì đã hơn chín giờ. Nhân dịp này chú có công việc để làm... Chú Hai là chú họ xa, từ dưới quê ngoài lên ở với gia đình tôi. Chú có một mình, không vợ không con nên ở đâu cũng tiện. Chú Hai gói bánh chưng rất khéo, nên năm nào chú cũng gói... Hăm ba tháng Chạp chú bắt đầu sửa soạn, chẻ lạt và mua dầ n dầ n các vật dụng cần thiết. Có cái xe đạp cũ, chú đi đủng đỉnh cả ngày, xem gạo nếp tốt, đậu xanh tốt, rồi thì thịt lợn ngon. Chú tỉ mỉ lựa chọn cả từ cái ống giang chẻ lạt. Dĩ nhiên là lá dong gói bánh đố i với chú thì khỏi chê ở chỗ nào. Chú gói bánh không cần khuôn mà cái nào cái nấ y vuông vức ngay ngắ n như viên đá hoa vậy...

Le 29 Janvier 1943

Hôm nay mới có 24 ta. Mấ y đưa em tôi 28 mới được nghỉ. Năm nay chắ c cũng như mọi năm, nghỉ mười ngày. Mộ ng 8 Tề t thì đi học, tụi bạn tôi sướng thật. Chả bù cho tôi phải bỏ học sớm. Con Phượng, con Tâm, con Hoàng... chúng nó được tiế p tục học còn tôi thì ở nhà coi sóc gia đình. Nghĩ cho cùng tấ t cả vì hoàn cảnh cả. Mình là chị cả phải lo cho các em. Chẳng lẽ tôi để mẹ tôi lo cho tấ t cả thì càng khổ cho bà. Từ ngày Thầ y tôi mấ t đi, cảnh gia đình trở nên túng thiế u. Các em tôi còn được ăn học cũng là nhờ công mẹ tôi tảo tầ n sớm hôm. Tôi phải ở nhà trông nom mọi việc.

Tôi để dành được hơn hai mươi đờ ng. Tôi quyế t định hôm nay sẽ chẻ cái ống giang ra, lấ y tiề n. Thắ ng Cơ, con Qui, thắ ng Chính, tôi sẽ mua cho chúng nó mỗi đứa một món quà Tề t. Tôi nhớ hôm qua lúc về qua Hàng Giầ y thầ y hiệu giày Phương Toàn bày mấ y đôi trông lịch sự lắ m. Thắ ng Cơ và thắ ng Chính chắ c đi vừa như in. Con Qui thì phải mua cho nó cái gì khác mới được. Cái áo len chẳng hạn. Tôi đã đi hỏi giá ở Hàng Đào, 6 đờ ng rườ i...

Mấ i viế t lắ ng nhắ ng, có một việc đáng ghi thì suýt nữa lại quên. Tôi gặp cậu Phong lúc đứng ngắ m giày cho Cơ với Chính. Cậu Phong chào tôi trước và hỏi tôi đi đâu. Tôi nói tôi đi xem giày cho thắ ng Chính và thắ ng Cơ, thì cậu bảo:

– Cô cứ mãi lo cho các em, không lo cho mình hay sao?

Rô`i cậu ngừng một lát, mới nói tiếp:

– Sang năm cô 18 rô`i, chắc tôi được uống rượu đấy nhỉ?

Tôi then đở cả mặt, tôi không ngờ cậu Phong nhớ tuổi của tôi như thế!

Tôi then thùng đứng yên lặng trước cửa hiệu giày. Chiếc khăn tay của tôi rơi xuống đất lúc nào không hay. Tôi thấy cậu Phong cúi xuống gần tôi nhặt chiếc khăn lên, tẽn ngẽn. Tôi lại thấy cậu để chiếc khăn sát vào ngực, rô`i đưa lên mũi hít mạnh. May quá, lúc đó mới sáng, và ngoài đường phố thì mưa nên ít người qua lại. Tôi then quá bỏ cậu Phong mà đi nhanh về` phía Hàng Đậu, là chỗ mẹ tôi và chú Hai chờ...

Le 30 Janvier 1943

Không hiểu sao từ lúc gặp cậu Phong ở Hàng Giầy về` nhà tới giờ, tôi nghĩ tới cậu nhiều quá. Trước đây cậu Phong ở ngay bên cạnh nhà mà có bao giờ tôi nghĩ đến cậu như bây giờ đâu?

Chú Hai đã tìm được cây tre dài và thẳng. Chú hì hục làm cả ngày, và tôi nay thì cây nêu đã gần xong. Chỉ còn thiếu khánh gỗ, mõ gỗ và những thứ cờ quạt thôi. Nhưng chú bảo năm nay chú không treo những thứ đó nữa. Chú nhớ ngày hội “cát tó”^[10] vừa rô`i, người ta dựng cái cột mỡ cao ngất, và trên đó có treo đủ thứ quà đẹp như ô, cặp. Năm nay chú nhất định để cái tàu bay với lại cái ô tô bằng gỗ treo cho nó lạ mắt... Cả nhà không ai nói đi nói lại gì cả. Chú Hai muốn làm thế` nào cho đẹp thì làm.

Chiều nay, mãi tới sẩm tối, tôi mới đưa thặng Cơ, thặng Chính và con Qui đi sắm mấy thứ đã dự tính. Chúng nó thích lắm. Tết này chúng nó không còn sợ thua kém mấy đứa hàng xóm nữa. Giày của thặng Cơ và thặng Chính đóng bằng da bột tin, áo len của con Qui thì là len bông Pát tơ thứ hảo hạng. Tôi đã phải trả kém ba

hào đầ y 19 đò ng tấ cả... còn lại có hơn hai đò ng bạc, tôi không biế t sẽ mua sắ m gì cho mình đây. À mà quên... Còn mẹ tôi nữa chứ. Phải đầ y, bà thường buố t đầ u vì chiế c khăn len quá cũ mấ t hế t cả tuyế t không đủ giữ hơi nóng. Tôi phải mua biế u mẹ tôi một cái khăn len mới. Rồ t cuộc, tôi mua một cái khăn “san” màu nâu. Màu này thì mẹ tôi dùng đượ c, chứ các màu xanh đỏ tím vàng kia thì chỉ dành cho má y cô tân thời Hà Nội mà thôi...

Thế là hơn hai mươi đò ng bạc để dành tôi đã tiêu hế t, mà còn phải bù thêm nữa, mới đủ. Nhưng thôi, bọn thắ ng Chính, thắ ng Cơ, con Qui chúng còn bé, phải có quà cho nó vào lúc Tề t nhấ t. Còn mình thì dù sao cũng lớn, mình cũng lại chẳng hay đi đâu cầ n gì đế n mua sắ m nhiề u.

Le 1 Février 1943

Chỉ còn 3 hôm nữa là Tề t rô i. Hôm nay mẹ tôi không cho mở cửa lớn như mọi khi nữa. Bộ cửa lùa giữ nguyên với cây đà ngang bắ ng lim luồ n cứng trong những con bọ bắ ng sắ t. Chỉ có cánh cửa ra vào thì mở để thỉnh thoảng bán một phong pháo, một chai rượu hay ít vòng nhang mà thôi. Tề t nhấ t có khác, rượu Văn Điển, Vạn Vân, phong ten bán chạy lắ m. Chú Hai cứ phải đắ p xe xuồ ng ty mua về luồ n luồ n. Pháo Mãn địa hồ ng của Tàu với pháo Tường Kỳ của ta cũng đắ t hàng lắ m...

Hồ i còn số ng thầ y tôi, năm nào thầ y tôi cũng đố t một tràng pháo cô i từ 5 đế n 10 thước. Nhưng từ ngày thầ y tôi mấ t đi tới nay mẹ tôi không cho đố t pháo nữa. Thắ ng Chính thắ ng Cơ mỗi đứ a đượ c phát cho một phong pháo tếp đố t đi đệt cái một cho đỡ tủi mà thôi. Mẹ tôi bảo: “Thầ y con mấ t đi, vui về gì mà pháo với phiế c!”

Le 3 Février 1943

Hôm nay Hăm chín Tề t rô i. Bánh chưng chú Hai đã gói xong. Tôi cũng gói nhưng không khéo bắ ng chú. Cũng như mọi năm, năm nay tôi gói hai chục cái bánh mụi cho tụi trẻ con. Tụi thắ ng Cơ, Chính, với con Qui không có bánh mụi cho chúng nó thì chúng nó

khóc inh lên cho mà xem. Chúng nó đã nghỉ học, mà chẳng giúp đỡ được gì cả. Chỉ chạy nhảy cả ngày, nếu ở nhà thì chúng mang giày với áo mới ra ngắm nghía. Mẹ tôi chưa biết tôi mua biếu cái khăn san. Tôi phải đợi đúng sáng hôm Một Tết mừng tuổi mẹ, tôi mới đưa ra. Chắc mẹ tôi ngạc nhiên và thích lắm đây...

Tôi đã nhờ ông Ký Hân làm ở kho bạc đổi cho ít tiền. Đưa cho ông ấy đồng bạc nhờ đổi lấy toàn xu đồng, nhưng rốt cuộc chỉ đổi được có 5 hào tiền xu đồng, còn thì toàn đồng xanh phoong cả. Nhà không lấy gì làm dư giả, mình cũng phải từng tiệm mới được, mừng tuổi cho lũ trẻ nhiều quá chỉ tổ làm cho chúng hư. Ăn quà lắm thì chỉ tổ làm đau bụng, ích gì.

Lúc này đã 1 giờ đêm... Nồi bánh chưng ở ngoài sân đang âm ỉ sôi. Tôi vừa thử nhưng chưa chín. Còn phải đốt hai cây nhang nữa là ít mới chín. Cả nhà đã ngủ hết. Mẹ tôi dạo này không được khỏe lắm, vẫn phải uống thuốc ông lang ở trên Nghi Tâm. Nhà có ít sâm Cao Ly của thầy tôi mua dùng còn dư, bảo mẹ tôi uống nhưng mẹ tôi cứ chần chừ ý muốn để dành. Sang năm tôi cố đan lát thêm mua cho mẹ tôi cái gì đáng giá hơn một chút mới được.

Có nhiều nhà lúc này đã đốt pháo. Thiên hạ kẻ ra cũng thừa tiền thật. Tiếng pháo cói nổ tràng dài vừa rồi chắc là của ông Chánh Hiên bên Nghi Tâm. Ông Hiên mới ra làm Chánh Hội ăn khao cả vùng biếu tiếu. Hôm Hăm ba tháng Chạp gặp ông khệ nệ đi một xe tay pháo từ Hàng Buồm qua chợ Đồng Xuân. Nói cho cùng ra có tiền mà không tiêu pha thì cũng buồn. Hôm thầy tôi còn sống, thầy tôi cũng tiêu pha có kém gì ai đâu. Thế mới biết có thầy tôi như là có một cây trụ cột vững chắc để con cái bầu vùi... Thầy ơi! Xin thầy phù hộ cho mẹ con, cho các em con... cho con...

Nhật ký của con gái

Ngày 1-2-69

Thời gian qua mau thật! Mới Noel hôm nào, rồi thì Tết Tây, thế mà hôm nay đã rằm tháng Chạp âm lịch, chỉ còn hai tuần nữa

là Tết. Chẳng hiểu năm nay Tết có làm sao không? Năm ngoái nghĩ lại thật chán. Bao nhiêu dự tính đều bưng hết. Uýnh nhau làm gì mà uýnh nhau hoài, uýnh nhau mãi thế này!

Con Liên vừa tới báo với mình là có lẽ Hăm bốn hay Hăm lăm Tết tụi con Denise và thằng Ringo mở bum^[11] chung với nhau. Chẳng hiểu tụi chúng nó tổ chức có khá không, mình nghi quá... Con Denise thì được lắm, nhưng cái thằng Ringo đó thì thật khó mà tin... Con Liên nói tụi Denise-Ringo tính mở tiệm lán cho bọn Johnny Club và Django Club biết tay. Chưa biết thế nào, nhưng lẽ dĩ nhiên là mình cứ nhận lời. Lần này nếu có đi, thì chỉ có mình con Liên, hoặc quá lắm thì thêm con Huệ nữa thôi. Hôm Noel rủ mấy con Khanh, Lan và Thu đi nữa, rút cục mấy cái bum bị xì ra chẳng ra cái đít gì, mình ê cả mặt... Bạn gái với nhau, mà chúng nó lại còn xì nọc cả với mình nữa, có chán không... Mấy con bà chời đó chơi hông có được!

À, mà còn vấn đề quần áo nữa... Cái mini trắng mới may thì nhất định phải để dành hôm mùng Một mới mặc... Còn bộ đồ pát màu hương thì hôm Noel đã mặc rồi, chẳng lẽ lại mặc lại hay sao? Cái mini màu xanh với đăng ten trắng thì hôm Tết Tây mặc mất rồi... Chẳng lẽ lại giờ bộ Jean đen với áo Montagut đỏ?

Không được mặc thế quê lắm! Tụi con Denise ăn mặc gồ lắm, mình không cẩn thận thì bị chúng nó cho tụt ngay. Vấn đề này mình phải bàn lại với con Liên và con Huệ mới được...

Ngày 6-2-69

Saigon đã nháo lên về Tết. Các tiệm may đông, nhưng chỉ toàn khách tới lấy hàng. Không đâu còn nhận may nữa. May quá, vào Passage Eden mua được một bộ “đồ bộ” may sẵn... Chỉ sửa lại một tí là vừa như in. Nhưng tụi ba tàu chém mạnh quá... chu choa, ba ngàn rưỡi... Thế là con bé có bao nhiêu đồ c ra cho bả ng hết! Nhưng kể ra thì cũng đáng lắm... bộ đồ màu vàng nhạt, nút bạc có hình hoa mai. Bộ nút đó cũng đáng tiền lắm... xem nào, hàng trước ngực sáu nút, cổ u vai hai nút, cổ tay hai nút, đai lưng hai nút... Cổ chân bốn

nút nữa. Tất cả 16 nút. Bộ nút đã ngót ngàn bạc rồi còn gì... Thời đất thì đất, lâu lâu mới có Tết một lần, không mặc cũng uổng.

Nói cho đúng ra thì mình phải tính cái vụ đi bum Tết này sớm hơn một tý nữa mới phải... Nhưng đào đâu ra “tại”. Không có “tại” (tiền) là đồ có làm được việc gì... Mà, bà già mình cù lần ghê! Nhà có mỗi mình là gái, lại con út nữa, thế mà hể hỏi tiền mua giày dép là y như là bà áy nhả. Chẳng bù cho con Liên, muốn gì được nấy...



Lúc ở Passage Eden thì gặp thằng Thành vixi. Hôm nay nó chửi đầ u đang hoang trông đờ vixi nhiều. Nó nói tụi nó với con Ngân “Cô giáo” mượn được nhà của một cha Thiếu tá dù, và đúng 15 giờ ngày 21 Tết sẽ mở bum. Mình hỏi địa chỉ nó bảo mai nó sẽ đem lên cho mình... Thằng Thành vixi đó khôn hể t mình, chứ không như cái bộ mã vixi của nó đâu. Mở ở nhà Thiếu tá dù, sức má y các anh cắ c ké, dám tới làm ầu... cũng lại khỏi sợ bọn cớm để n giải tán nữa... Tết đi bum mà bị bắt nhốt rồi nộp phạt thì quê ơi là quê!

Cho tới giờ này vẫn chưa nhận được “các” của con Denise! Nếu trùng với bum của thằng Thành vixi thì cũng hơi mệt đó. Nhưng dù sao thì mình cũng cứ nhận đi cả hai nơi, bum nọ xì thì có bum kia xơ

cua chứ! Bên nào cũng quen cả, không đi chúng nó giận cũng phiề`n...

Gầ`n Tê`t rô`i chấ`c cảnh sát cũng nương tay không bắ`t đâu. Thì đêm Noel đó, bum mở ngay bên cạnh bót cảnh sát gầ`n đình Phú Nhuận mà có ai làm sao đâu? Chỉ có một cha ra chửi thề` tục tĩu thôi, rô`i đâu cũng lại êm đó luôn mà... Trước đó, thì cái bum Hoàng Hoa Thám cảnh sát cũng chỉ tới bao vây rô`i cảnh cáo, xong ai về` nhà nấ`y. Bọn trai trẻ họp nhau nhảy nhót đàn địch, chẳng hơn là hội thảo hay biểu tình chồ`ng cái này cái nọ hay sao???

Ngày 9-2-69

Hôm nay bà cụ bắ`t dậy sớm sửa soạn cúng ông Công ông Táo lên chầ`u giới. Được ngày Chủ nhật đẹp trời như hôm nay mà bà cụ bắ`t thề` thiết là ức. Nhưng dù sao thì mình cũng phải chiề`u, vì mai con Denise mời mình đi bum của nó. Chơi jusqu' à l'aube^[12] nhé! Mình phải nịnh bà cụ một tí, để bà cụ nỡ cho mình đi chơi chứ.

Trưa hôm nay ông cụ đi lên ông nội mình về` có vẻ cáu lắ`m. Mình có bức ảnh “Tứ quái Beatles” treo ở phòng ngoài, ông cụ giật xuố`ng vút vào trong nhà rô`i bảo:

- Ảnh ông bà cha mẹ thì không treo, lại rước cái thắ`ng mũi lõ đầ`u bù ấ`y để mà nhát ai ở cái nhà này?

Mình không dám cãi, nhưng thực tình thì mình “nực” lắ`m! Ông già mình thật “quê” quá cỡ! Động mở radô lên là nghe hát bội, còn bà già thì cải lương oăng oăng cả ngày... Cái thứ hát hổng đó mà cũng có người nghe được thì lạ thật.

Con Liên thậm thụt ngoài cửa không dám vô, mình cũng sợ cô`c dám ra với nó. “Tác giẩng” đang nổi giận, đừng có xía vào mà phiề`n...

Buổi chiề`u lên Bô na, gặp lão Khánh cận. Lão gặp mình thì xưng hô anh em ngon như không. Chẳng bù cho lúc dạy học, mỗi lầ`n gọi

mình lên trả bài là lão làm ra về đạo mạo... Lão mời mình vô Brodard uống nước... Mình làm cho một cái kem chantilly với trái cây và một cái café ligéois... Lão trả tiền xong liền méo mặt!

Nhưng lão vẫn không nản chí, lão bảo mình:

- Thủy đã mua sắm gì chưa? Chúng mình vào Tax xem có cái hay hay không?

Mình gật đầu nhận lời. Nhưng nghĩ thương hại cho cái túi tiền của lão, mình chỉ mua có một hộp đầu thơm trong có hai ve, một ve ESSENCE và một ve EAU DE COLOGNE... Kể ra thì cũng rẻ, CHRISTIAN DIOR mà chỉ có ngàn hai bạc... Chắc là đồ PX, tụi Mỹ ăn cắp ra bán rẻ chứ gì!

Lão mời mình đi phòng trà đêm nay, nhưng mình từ chối vì còn bận về nhà có giỗ. Lão năn nỉ mình tối mai đi với lão... Mình cười nhận lời. Nhưng sức mảy mà mình đi với lão tối mai... Đi với lão già khờ đó thì hai cái bum của thằng Thành vixi và của con Denise để cho ai?

Ngày 10-2-69

Tối nay đi bum, về tới nhà đúng 12 giờ thiếu năm. Bữa nay nhảy đã đời. Ban nhạc LES CÉLIBATS không ngờ chơi được như thế. Nhất là bản SAN FRANCISCO tụi nó chơi không thua đĩa mảy... Tụi con Denise bảo mình ở lại chơi Jusqu' à l'aube, nhưng mình thấy trong tụi dế dế (yé yé) có mảy thằng bố c hốt dữ lắm nên nhất định về... Mình bảo con Denise phải coi chừng tụi nó, chúng nó dám chơi trò "liên hiệp quốc" lắm đó, thì con Denise nói sức mảy mà nó sợ, vì nó vẫn uống LYNDIOL đầu cả mảy tháng nay rồi.

Mình mệt quá, không thể viết thêm được nữa... Phải ngủ thôi.

Ngày 14-2-69

Hôm nay đã Hăm tám Tết rồi. Bắt đầu từ hôm đi bum mình cúp cua riêng cho tới giờ. Tết nhất đến nơi rồi, học hành gì được

nữa? Chẳng hiểu năm nay chúng nó có tổ chức Tết niên tâ t niên c gì không... Mà đi dự chúng nó thì cũng chán bỏ bà. Vài chai nước ngọt, vài cái bánh và những màn văn nghệ rẻ tiê n... Rô i thì vài câu chúc tụng, má y lão giáo sư kiểu Khánh cận nhân dịp lại tán tỉnh rủ đi phòng trà hay đi xa lộ hóng mát chứ đíu gì!

Con Liên bảo rằng trường sẽ cho thi Lục cá nguyệt vào ngày 3-3-69. Hôm đó ăn Tết no nê rô i... Nhưng cứ cung cách này thì chắ c có thi mình cũng chẳng làm được bài... Song lo gì, ta quay phim... Ta cứ bôn cũ soạn lại biên công thức vào đui rô i mặc mini che đi, lúc nào sênh má t thì ta vén jupe lên cốp, rô i lại kéo xuô ng... Súc má y mà má y lão đó biế t được... Có khi mình vén lên lão còn khoái trí á y chứ lị.

Ngày 15-2-69

Chiê u nay theo bà già đi chợ Saigon mua thêm ít mít và hạt dưa. Năm nào cũng thừa ê hê , mà năm nào bà già cũng mua thêm vào giỏ chót. Chợ Tết đông quá, người nghẹt như nêm cô i. Hai cây câ u sắ t mới bắ c cũng chỉ chít những người.

Mình gặp chú Đắ c. Chú dạo này mập hơn trước. Gặp mình chú vẫn giữ vẻ bình thản... Chú vẫn tươi cười, nhưng nê u có khác thì khác ở bộ râu đen ngòm của chú đã cạo đi rô i... Mình hỏi bộ râu chú vút đầu rô i, thì chú bảo hôm 1-11 nghe ông tổng thớ ng nhà ta tuyên bố hách quá, chú phục lặn cho nên cạo hê t bộ râu!

Gặp mình chú bảo:

– Chóng quá! Sang năm Thủy đã 18 rô i! Bao giờ cho chú ăn cỗ đó?

Chú cứ nói mãi cái giọng đó, chán bỏ bà... chú tưởng mình gọi chú là “chú” tức là mình công nhận chú là UNCLE của mình hay sao. Chú không hiểu “chú” đây là cách xưng hô ngụy trang của bọn con gái mình! Càng nghĩ, mình càng thắ y chú Đắ c thật cù lầ n... Hay là chú biế t, biế t nhưng không thềm nói. Chú không muô n biế n

thành “chú Đạt” như trong “Sông” của Chu Tử nên cô tránh mình à?

Thành thực mà nói mình thích chú Đắc ghê. Chú ấy nghiêm nghị, chững chạc. Chẳng bù cho mấy thằng ranh con cà chón, thây gái là bóc lột như điên. Nhất là mấy thằng bạn con Liên mang danh sinh viên mà mât dạy bỏ mẹ. Chúng nó lừa con nhà người ta uống rượu và nhắm nhe dẫn vào hotel!

Tôi nay về nhà, bà già bắt cả nhà rửa nhà! Hai ông anh mình đi lính được nghỉ phép về cũng phải quét nhà, xách nước như điên. Bà già bảo mai 30 có cả triệu công việc phải làm. Nên rửa nhà trước là ổn nhất. Thành thử mình mât đi chơi với tụi con Liên. Chúng nó chửi mình bả ng thích cho mà xem.

À, mà mình quên mât một việc, mai phải thanh toán cho xong, nếu không thì Tết này hỏng to: phải mua cây son Elizabeth Arden. Sắp hết mà mình quên không mua. Mình idiot thật!

Mai mình cũng phải sang bảo con Liên là mừng Hai mình mới sang nó được. Có bum biếc thì nó cứ giữ hết các cho mình, rồi thì sẽ xét sau...

Chú thích:

[10] Ngày hội cát tó: (Quatorze Juillet) ngày quốc khánh Pháp 14/7.

[11] Bum: nhảy đầm, khiêu vũ.

[12] Jusqu'à l'aube: (tiếng Pháp) cho tới sáng.

Năm mươi năm đồng bạc của đời tôi

Ký ức của Ngọa Long

(Giải phẩm Xuân Đuốc Nhà Nam Tết Tân Hợi 1971)



Nói đến đồng bạc Việt Nam, mà đúng hơn là hồ i nó còn được gọi là đồng bạc Đông Dương, tôi không thể nhớ là tôi được biết nó vào lúc nào, có thể là sau khi tôi ra đời lâu lắm...

Vì kể từ khi tôi lên bảy lên tám, nghĩa là bắt đầu ngày tôi có được chút trí khôn và trí nhớ, tức vào cuối Đế nhất Thế chiến (1914-18) thì đồng bạc đối với tôi hãy còn là một vật vô cùng quý báu, xa lạ mà tôi chưa hề “có quyền” biết tới.

Ngày tôi bắt đầu cặp sách đến trường thì xứ sở này còn xài đồng điếu, đây là loại đồng điếu bằng thau, có hình tròn bằng đồng bạc bây giờ (1970) và chính giữa có khoét lỗ vuông.

Tôi không được biết nhà cầm quyền Pháp cho ra loại đồng điếu thau này vào lúc nào - năm nào - nhưng được biết là Tây cho ra loại đồng điếu này để thay vào cho loại đồng điếu của Việt Nam (của Nam triều thì đúng hơn) vì loại đồng điếu Việt Nam, cũng kêu là “đồng hoản” đã bắt đầu hết xài.

Đồng hoản của ta hồi ấy đúc bằng một loại chì non, dường như chính nó được gọi là “tiền Gia Long”, nó có công dụng mua chác vừa để đo lường. Ví dụ, người ta dùng nó để mua 50 tiền muỗi, tức 50 đồng điếu muỗi, thì cứ lấy 50 đồng tiền đem cân với muỗi mà bán ra, theo thời giá.

Do đó mà “đồng hoản” cũng được coi như một loại “trái cân” và hạng người tham lam, gian manh, lại thường đem mài đồng hoản cho mỏng bớt đi để... lường cân trao đấu.

Tuy nhiên, cũng không phải vì vậy mà Tây cho ra loại đồng điếu bằng thau nhằm mục đích tránh sự gian lận ấy. Sở dĩ có thay đổi tiền tệ là do liên quan chánh trị, vì là bắt đầu nhà cầm quyền Pháp bắt buộc dân ta phải xài đồng tiền của họ.

Tại sao gọi “đồng bạc con cò”:

Tôi cũng không rành lắm về việc người Pháp cho ra đồng bạc Đông Dương, cũng kêu là đồng bạc “đầu hình” hay đồng bạc “con cò” từ năm nào. Chỉ được biết đồng bạc ấy khá to lớn và cân nặng 27 gơ-ram bạc, với một mặt chữ có chữ và số và mặt hình có hình bà Marianne, do đó người ta gọi là đồng bạc “đầu hình”.

Cũng gọi là đồng bạc “con cò” vì hình Marianne đó cũng được in vào tem thơ và tờ giấy con niêm mà người miền Nam quen gọi con tem là “con cò” và khi thấy đồng bạc có hình Marianne y như hình con cò (tem thơ) nên người ta cũng gọi nó là đồng bạc “con cò”.

Đồng bạc 27 gơ-ram cũng là đồng bạc để “dã n kho” vì ít lưu dụng, để nặng nề bất tiện, nên thay vào đó có đồng bạc giấy, tức giấy bạc một đồng, cũng có hình bà Marianne nên vẫn được gọi là đồng bạc “con cò” luôn.

Bằng có là từ đó có cái câu ca dao:

Cưới em quan tám tiên cheo

Quan năm tiên sinh lại đèo buông cau.

Cũng được đổi lại theo thời, qua những câu hát, câu hò đại khái:

Cưới em bằng bạc con cò

Đâu phải hẹn hò nói chuyện đầy đũa.

Hoặc giả:

Lễ cheo bằng bạc con cò

Cưới em cho được về lo gia đình.

Cái giá trị của đồng bạc “con cò” bắt đầu đi vào trong dân gian, kể từ ngày ấy mà... tôi cũng không còn nhớ là ngày nào. Tôi cũng chưa hân hạnh được thấy mặt, chớ đừng nói là có dịp “bỏ túi” nó cho đến ngày hoàn toàn khôn lớn.

Nhưng trên đây là một luận cứ, ngoài ra về sau này tôi còn có dịp được xem một đồng bạc loại 27 gơ-ram có hình con cò, nguyên một con cò với cỡ rất dài tượng trưng của những xứ giàu về nông nghiệp.

Đồng bạc con cò này tôi được ngó thấy trong bộ sưu tầm của một nhà hiếu cổ và tôi chỉ được cho xem sơ qua chớ không có thì giờ nghiên cứu, về xuất xứ và nó được phát hành lúc nào.

Rất có thể đây là đồng bạc đầu tiên được phát hành ở Đông Dương và chỉ với số rất ít, sau đó thì loại đồng bạc đầu hình

Marianne ra đời, loại con cò được thâu hồ i.

Tuy nhiên, đây cũng là luận cứ, nếu không nói là một bằng chứng về lai lịch của đồng bạc ĐD. Được gọi là đồng bạc con cò.

Từ đồng Điếu đến đồng Xu:

Ngày còn cặp sách đến trường, tôi còn xài đồng điếu (thứ bằng thau) nó được trị giá 1 phần 5 của đồng xu. Một đồng xu là 1 phần 100 của đồng bạc “con cò” có bốn chữ nhỏ đề rõ ràng là “Nhứt phân chi bách”.

Đồng xu được đúc bằng đồng vỏ cua, loại đồng đỏ có pha, cũng không biết ra đời năm nào, nhưng trước đó là loại đồng xu, không có lỗ, người ta cũng quen gọi là “đồng bắng”; kể đó mới tới loại đồng xu có lỗ tròn, thứ nặng, được gọi là đồng xu dầy và sau đó đồng xu mới được hạn chế, nhẹ bớt lại và gọi là xu nhỏ.

Đồng xu nhỏ mà tôi bắt đầu được biết thầy có ghi năm phát hành: 1908 rồi 1909. Không thấy có đồng xu phát hành năm 1910, chẳng hiểu tại sao. Tiếp theo đó, mỗi năm đều có phát hành đồng xu mới, 1911, 1912, 1913 đến 1914 thì bật vì... Đệ nhứt Thế chiến nổ bùng. Nhưng từ năm 1916 thì đồng xu mới đã thấy có phát hành lại rai cho đến 1920.

Giá trị của đồng xu:

Nếu đồng bạc lúc bấy giờ đã có một giá trị quá lớn, thì đồng xu cũng có giá trị của nó. Với một đồng xu người ta có thể đi được một “ga” xe lửa từ hai đến ba cây số ngàn. Với một đồng xu, người ta ăn được một chén cơm, mua được một cái hộp quẹt (loại sản xuất ở Bến Thủy, Hanoi) hoặc hai điếu thuốc Tây.

Với hai đồng xu, ăn được một chén cơm lớn hay một cái bánh bao (thứ “tài báo”), với ba đồng xu ăn được một tô mì (thứ một vớt) sánh với bây giờ (1970) là tô mì giá 40 đồng.

Hồ i đó cũng có danh từ thông thường gọi hai xu là một tiề n, ba xu là tiề n rưỡi (cũng gọi là tiề n rưỡi xu), bô n xu là hai tiề n, 5 xu là hai tiề n rưỡi, 6 xu là ba tiề n, đê n năm tiề n là một “cắ c”.

Một cắ c thì có đờ ng một cắ c bắ ng bạc và nhỏ bắ ng đờ ng điề u, và vẫn có hình bà Marianne. Đờ ng một cắ c là 1 phầ n 10 của đờ ng một đờ ng tức đờ ng bạc “con cò”. Ngoài ra còn có đờ ng hai cắ c cũng kêu là đờ ng một quan. Trước 1918 chưa có phát hành loại đờ ng năm cắ c mà chỉ có các thứ đờ ng vừa kể trên.

Về các loại bạc giấ y

Riêng về bạc giấ y hay giấ y bạc thì lúc bắ y giờ, trên hế t là giấ y một trăm cũng kêu là “giấ y bộ lư” vì có in hình bộ lư, tờ giấ y khá to lớn, gầ n như cái bắ ng cắ p, in màu sếpia có pha đỏ nhiề u.

Kê đó là tờ giấ y hai chục, chưa có giấ y 50 và giấ y 10 đờ ng và dưới đó là giấ y năm đờ ng.

Diề u nên ghi chú thêm là tờ giấ y hai chục lúc bây giờ có hình con rô ng, màu xanh, nên cũng đượ c gọi là giấ y “con rô ng”, sánh với tờ giấ y bạc năm đờ ng cùng màu xanh và có hình con công, nên cũng đượ c gọi là giấ y “con công”.

Trong dân gian lúc bắ y giờ, giới tiêu thụ mạnh là giới ăn chơi, cò bạc thì thường các tay nào bắ nh lắ m là xài giấ y “con công” là hào hoa, vung vít, công tử bột lắ m rô i.

Hạng xài giấ y “bộ lư” ít lắ m, chỉ trừ một vài cậu công tử Bạc Liêu, còn giấ y “con rô ng” cũng vắ ng mặt ở lưu hành. Vì tờ giấ y “con rô ng” (20 đờ ng) thuở â y có một khuôn khổ rắ t vừa với hộp bánh Biscuit, một loại hộp bánh bắ ng thiế c có nắ p đậ y rắ t kín đáo.

Hầ u hế t các tay nhà giàu trong xứ và hạng người dư ăn dư để thì nhà nào cũng có một vài hộp Biscuit đặ ng... giấ y “con rô ng” nầ y. Đó là số tiề n để dành, thay vì đặ m gửi ngân hàng và hồ i đó việc

gởi tiền ngân hàng còn phiền phức, đòi hỏi nhiều thủ tục khó khăn.

Nên phần đông người có dư tiền để cất vào hộp Biscuit, có nhà kỹ hơn, lại đem bỏ nó vào trong khạp rồi đem chôn, cho chắc chắn.

Một hộp Biscuit mà đựng đầy nhóc giấy “con rô ng” có thể là..., một, hai ngàn đồng, mà giá một hai ngàn đồng thời bấy giờ là cả một gia tài, sự nghiệp và đây là bằng chứng minh cho cái giá trị của tờ giấy bạc, để có thể đưa tới kết luận là tờ giấy bạc “con rô ng” trước 1935 vẫn được thiết tha, yêu quý hơn tờ giấy có hình ông... Trần Hưng Đạo 1970, thời gian chỉ cách nhau có độ 35 năm, nhưng giá trị của đồng bạc đã sai biệt gần một trời một vực.

Suốt quãng đời học trò của tôi, tôi chỉ được xài đồng xu và các bạc, chớ không bao giờ đã hân hạnh làm chủ được “con cò”, vì đồng bạc bây giờ còn giá trị ở trên cao lắm, con nít chưa ai rớ tới.

Đồng bạc thuở ấy là cả một ngày lương của hàng Đốc phủ sứ, vì người thợ chuyên môn hồ i này chỉ lãnh được 7 hoặc 8 các một ngày là trên thiên hạ rồi.

Trái phiêu 50 đồng:

Cái thời vàng son của tờ giấy một trăm kêu là “giấy xăng” bộ lu và đồng bạc con cò ấy kéo dài, nếu không muốn nói là ngự trị trên toàn cõi Đông Dương cho đến ngày con đường xe lửa “Xuyên Việt” thành hình.

Hồ i này, để thực hiện cái công trình vĩ đại này, tức con thiết lộ nối liền Hanoi với Saigon, nhà cầm quyền Pháp phải đi vay tiền của dân chúng bằng cách bán “Trái phiêu” cũng gọi là Quốc trái.

Dân chúng đã sẵn sàng đóng góp vào công cuộc xây dựng con đường Hỏa xa khổng lồ này bằng cách mua Trái phiêu – tức cho Nhà nước vay tiền – với giá mỗi Trái phiêu là: 50 đồng. Nghĩa là..., vẫn chưa quá nửa cái giá của một tô phở năm 1970.

Cho mãi đến năm 1925, hàng vương tôn công tử ở xứ này, may mặc một bộ “tuýt-xo-ăng-lê” thứ “tuýt xo” hảo hạng mà ngày nay không còn, với giá tiền hàng cả tiền công chỉ độ 2 đồng rưỡi bạc, nhưng... đừng ai tưởng rằng, giá sanh hoạt hôm ấy quá rẻ rẻ mà sự thật trái lại, đó là chứng minh cho giá trị của đồng bạc “con cò”, vì ngày nay người ta có thể bỏ ra 25 ngàn đồng vẫn không sắm nổi bộ “com lê” “tuýt xo” đó.

Chắc có người sẽ phải lầy làm khó chịu khi thấy tôi đem so sánh cái giá hai đồng rưỡi bạc “con cò” với cái giá 25 ngàn đồng bạc 1970 mà cho là quá đáng, nhưng đó là một sự thật không cãi chớ.

Vả lại, đồng bạc “con cò” đã phải trải qua 2 cuộc Thế chiến và một kỳ kinh tế khủng hoảng khắp toàn cầu kéo dài từ 1930 đến 1939. Nhưng “nó” vẫn giữ vững được cái giá trị của nó, lại là điều đáng nói và... tại sao?

Kể ra thì trong quãng những thời gian khó khăn này nhà cầm quyền Pháp cũng có lạm phát và một lần phá giá đồng bạc Đông Dương.

Lạm phát bằng cách nào?

Đến đồng “năm cắc” và đồng “nửa xu”

Vào khoảng năm 1930 bắt đầu ngó thấy cái màng màng của một tình hình kinh tế khủng hoảng.

Nhưng lạm phát ở đây để giữ vững giá trị đồng bạc và đồng thời cũng là để cầm giá sinh hoạt ở một mức thấp, thay vì để cho nó gia tăng.

Cho nên, đáng lẽ cho in thêm giấy bạc các loại: 100 đồng, 20 đồng, 5 đồng, và 1 đồng thì lúc bấy giờ nhà cầm quyền Pháp lại cho ra loại năm cắc, tức lạm phát “nửa đồng” thôi.

Tuy nhiên, cho ra loại đồng năm cắc, theo các nhà chuyên môn thì đó cũng là một cách phá giá đồng bạc hết 50 phần 100, song

le, tình trạng phá giá này ít ai để ý, bởi vì vật giá lúc đó cũng theo cái giá của đồng năm cũ mà hạ xuống, sự mất mả không ngó thấy, với đồng năm cũ người ta vẫn mua sắm phủ phê, trong lúc giá trị của đồng bạc đứng vững và đồng lương của các giới không thay đổi.

Ngoài ra, để quyết lôi kéo vật giá xuống thấp, nhà cầm quyền Pháp lúc này còn có cho ra thêm hai loại tiền tệ, đó là loại đồng năm xu và đồng nửa xu (1/2 cent) thay vì phải “lạm phát” thêm đồng một cũ và đồng một xu.

Ngoài đồng năm cũ và đồng nửa xu, nhà cầm quyền Pháp còn có cho ra thêm, vô số, các loại giấy bạc, thứ giấy năm cũ, hai cũ và một cũ và cũng là hình thức lạm phát nhưng lạm phát ở hạ tầng cơ sở, trái lại, giá trị của đồng bạc, đố nội và đố ngoại vẫn giữ vững.

Rốt cuộc rồi, các nhà kinh tế lý tài có xoay sở cách nào, đến năm 1934 sang năm 1935 là thời kỳ kinh tế khủng hoảng trầm trọng đến “hết thuốc chữa” nên rồi đồng bạc cũng phải chịu phép... rửa tội, để phá giá. Từ một đồng bạc 27 gơ-ram đổi ra đồng bạc mới nhỏ hơn và nhẹ hơn, chỉ còn đúng 20 gơ-ram, đó là giá trị quốc tế của nó.

Thế là đồng bạc bị phá giá, nhưng phá giá cái kiểu này thì chỉ có hạng tư bản, lý tài, kinh doanh, đại thương gia và đại địa chủ kêu là thiệt hại mà thôi.

Chớ đố với đại đa số dân chúng hầu hết là dân làm mướn ăn lương và dân nghèo thì đồng bạc 27 gơ-ram hay đồng bạc 20 gơ-ram đố với họ cũng chỉ là đồng bạc ăn 10 cũ và 100 xu, như không có thay đổi gì hết.

Trái lại, hạng tư bản, đại thương gia, đồng bạc của họ có dùng mua bán ra các nước ngoài, nay bị phá giá họ sẽ bị thiệt thòi nên Saigon mới xảy ra cuộc biểu tình phản đố.

Đây là cuộc biểu tình có thể nói là “vô tiền khoáng hậu” trong lịch sử Đông Dương vì là một cuộc biểu tình do... phe tư bản tổ chức, đa số là người Pháp trại chủ các đồn điền.

Mia mai nhưt là người cầm đầu cuộc biểu tình phản đối này lại là ông Gannay, Giám đốc Đông Dương ngân hàng (Banque de l'Indochine) và để làm coi cho được, họ có kéo theo một thiếu số đại địa chủ và thương gia Việt Nam.

Tôi còn nhớ, một sáng sớm, đoàn biểu tình này ô-ạt xuất phát từ Phòng Thương mại (Chambre de Commerce) và bây giờ là trụ sở Thượng Viện kéo qua trước Đông Dương ngân hàng đến đầu đường Charner (bây giờ là Nguyễn Huệ) để kéo trở lên Dinh Xã Tây (Tòa Đô Chánh) diễn thuyết, đưa kiến nghị.

Tôi không còn nhớ hết các khẩu hiệu và biểu ngữ của phe Tư bản Pháp đưa ra để “hoan nghinh đả đảo” trong dịp này. Tôi chỉ nhớ được có mỗi cái biểu ngữ của “phe ta” (dân tư bản bốn xứ) với một cái “băng-đơ-rôn” dài, hai đầu có vẽ hình hai đồng bạc, một bên là đồng 27 gơ-ram và một bên là đồng 20 gơ-ram, ở giữa có hàng chữ:

“Anh đi đàng anh, tôi đàng tôi”.

Thấy cái biểu ngữ này, hôm đó có mấy thặng nhà báo An-nam kêu ngạo, cho rằng họ biểu tình đồng bạc bị phá giá mà mình tưởng đâu là đám ma của... Thế Lữ chứ!

Nhưng rồi cuộc biểu tình cũng không làm cho nhà cầm quyền Pháp phải biết ngán, nên sau đó, trong một phiên nhóm của Hội đồng Quản hạt, Thống đốc Cognacq đã đứng ra bênh vực cho bộ Thuộc địa, nói lên câu lịch sử này:

“Les chiens aboient, la caravane passe”. Nghĩa là “mặc chó sủa đoàn lữ hành cứ đi”, thế là đồng bạc Đông Dương vẫn bị phá giá tuốt.

Đến giá y 50 và đồng 500 ra đời

Sau khi “đồng bạc mới” (20 gơ-ram) ra đời, dĩ nhiên nhà cầm quyền có nhơn dịp này cho in lại giấy một đồng mới, một cách lạm phát, tức in nhiều hơn số “bạc đồng” đã in kho: nhưng cũng không trang trải nổi tình thế, nên sau đó mới có thêm loại giấy bạc mười đồng ra đời.

Cho đến năm 1939 bắt đầu Đức quốc xã tấn công vào nước Pháp và mở màn Đế chế Thứ hai, thì mới có thêm hai loại giấy bạc nữa, đó là loại giấy năm trăm đồng và giấy 50 đồng. Tôi không nhớ rõ hai loại giấy này phát hành vào năm nào, một phần vì..., sau đó lâu lắm, tôi mới hân hạnh biết mặt loại giấy bạc này.

Rồi tới cuộc “bạo hành” ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật Bản lật đổ chính quyền Pháp ở Đông Dương, bây giờ họ lại tung ra - để khỏi phải dùng đến danh từ “lạm phát” nữa - hẳn hạ sa số tờ giấy 500, cũng kêu là loại giấy 500 đồng Nhật Bản.

Tiền tệ của Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng đã đi vào thời kỳ hỗn loạn, cho đến khi Nhật đầu hàng, Việt Minh lên cướp Chính quyền rồi... Tây trở lại. Đất nước qua bao nhiêu lần thay đổi chủ, nhưng cũng còn có được một điều may mắn là đồng bạc vẫn chưa đến đổi mất giá căn bản của nó.

Nghĩa là trải qua thời kỳ Quốc trưởng Bảo Đại cho đến 1953 bị Ngô Đình Diệm lật đổ và thành lập Đế chế Cộng hòa, “đồng bạc Đông Dương” bây giờ là đồng bạc Việt Nam, vẫn còn ăn... được 10 tô hú tiếu, hút được một gói thuốc “bao xanh” hay uống được một chai “la ve” và cái giá trị của đồng bạc này giữ vững đến năm 1963.

Như trên đã kể, đó là đồng bạc mà tôi được biết qua... bán thế kỷ, nghĩa là trong suốt một quãng đời dài ngót 50 năm từ đầu Đế chế Thứ hai (1914) đến cuối Đế chế Cộng hòa (1963). Tuy trải qua bao nhiêu lần đổi chủ thay triều, kinh tế khó khăn và mặc dầu nó đã mất giá trị gần 300 phần 100 (sánh với 3 xu một tô mì 1914 và 10 đồng bạc một chai la ve 1963) nhưng...

Đồng bạc đỏi với tôi vẫn được coi là “huyết mạch”, là một vật gì rất mắ c mỗ khó kiể m chớ... nó không đé n quá rẻ như ngày nay, phải có tới 90 đồng bạc á y mới ăn được một tô phở, cái thú tô phở mà ông Tống Ngọc đã bảo... nhìn vào nó để sẽ biế t được tình trạng kinh tế hiện ra làm sao.

Nhớ lại Tết “kinh tế” năm xưa (trích)

Tết Xuyên

(Giai phẩm Xuân Đuô c Nhà Nam Tết Tân Hợi 1971)

Năm á y là năm 1932, suốt cả năm tôi đã từng thắ y cả dãy phố đường Hàm Nghi (hồ i á y gọi là Boulevard de la Somme) – đường Tự Do (Catinat)^[13] – đường Tạ Thu Thâu (Sabourain) hắ u hế t bỏ tro ng khóa cửa, chỉ vài căn có người mướn. Chợ Bắ n Thành buôn bán ế ảm. Một con vịt quay treo tòn ten ở quán thịt bán có 6 xu một con nhỏ, 8 xu con lớn. Thỉnh thoảng cao hứng bà xã của tôi xách một con về cho gia đình ăn một bữa, khỏi phải nắ u nướng, làm món ăn mắ t công. Gạo thì bắ n cả c một giạ mà lại là thứ gạo nắ u com mề m dẻo, thơm phức ngày nay nhớ lại mà thềm...

Những kẻ thắ t nghiệp dám mướn phố lắ u mà ở. Những căn phố ở khu trung tâm, gắ n chợ Saigon. Chúng tôi đã có một “phép mắ u nhiệm” để ở khỏi tô n tiề n: chỉ xoay đủ tiề n trả tiề n phố tháng đầ u rồi từ tháng sau không trả tiề p nữa, ở lì luôn cả năm. Khi người thắ u tiề n phố đé n đưa biên lai thắ u tiề n thì chỉ cười trừ. Tiề n đâu mà trả, người thắ u tiề n cũng thông cảm vì hoàn cảnh của thắ y ta chắ c cũng không hơn gì mình.

Có khi ngưng quá thì lánh mặt, cho vợ con “đại diện” mà trả lời rắ ng: “Tháng này túng quá, thôi để tháng sau trả luôn thể”. Tháng sau? Rồi tháng sau nữa... kéo dài cả mười tháng, mười hai tháng như vậy. Thắ y thắ u tiề n thét rồi thắ i chí, sau hai ba lắ n sẽ không đé n nữa, báo cáo cho chủ đỏi phó.

Đôi phó cách gì? Nhiều lắm là đưa ra tòa xin trục xuất thôi vì người mượn phố không có một món đồ gì đáng giá để tịch thu. Kẻ nghèo chỉ có vồn vẹn một cái ghế bô để ngủ và một cái rương hay cái va li cũ kỹ đựng ba bộ quần áo rẻ tiền.

Cái lối mượn phố “luân chuyển” đã thành “lối ở” của dân nghèo: ở căn này một thời gian rồi lại ở đến căn kia, trả tiền phố có một tháng mà ở đến một năm hay tám tháng, ít lắm cũng sáu tháng.

Đi ngoài đường thấy vắng vẻ buồn hiu. Những căn phố đóng cửa im lìm. Những căn phố chết... Saigon là một thành phố chết, hay đang hấp hối. Nạn thất nghiệp tràn lan, kiếm được một việc làm là cả một cái may mắn như trúng “số đuôi”. Công chức, tư chức có “sở miễn” rồi thì có mà giữ lấy, có chiều chuộng ông “sếp” để khỏi bẽ mặt gào.

Lao động lại càng cực khổ hơn vì phải đổ mồ hôi đôi lấy chén cơm manh áo và ít người có lấy một cái gì gọi là “nhà” để ở. Phần nhiều họ “đóng đô” ở ngay hàng ba những căn phố trống. Với tất cả “nội niêu xoong chảo”, cả “thê tử đùm đê”. Họ sống cô thổ tại đó, vì có ai mượn căn phố ấy đâu. Đêm đến họ bẻ khóa cửa, di cư bớt bầy con vào ngủ trong nhà; sáng đến lại móc khóa vào cửa để khóa hờ, khóa tượng trưng cho người quản lý dãy phố khỏi rầy la.

...

Một ông “bác sĩ kinh tế” ra đời

Trước cơn bịnh kinh tế trầm trọng như đã phác họa trong vài nét đan thanh trên kia, một nhà thầu khoán ở miền Trung đã từng đậu “agent technique” ở trường Công chánh Hanoi, nhảy lên sân khấu với một cái áo trắng dài và cái mũ trắng của bác sĩ. Ông tự xưng là “bác sĩ kinh tế” lên sân khấu một nhà hát ở Phan Thiết, diễn thuyết về nạn kinh tế khủng hoảng và tuyên bố đem tài “kinh bang tế thế” giải quyết nạn đói thán cho đồng bào.

Nhơn vật ấy là ông Trần Quang An.

Ông còn chạy vào Saigon để kê toa, toan chữa bệnh kinh tế “lúng lẳng” cho toàn dân.

Toa thuốc của ông giản dị lắm: tìm biết đúng nhu cầu hàng tháng của mỗi gia đình (bao nhiêu gạo, bao nhiêu than, bao nhiêu mắm muối tương cà) rồi mua tích trữ trong kho, để phân phối cho từng nhà.

Tóm lại là mua tận gốc, bán tận ngọn, mua gộp lại để có thể trả giá rẻ. Một hình thức “hợp tác xã” nhưng “bác sĩ kinh tế” gọi là “Entrepots Warrant”.

Ông dùng Saigon làm vật thí điểm. Ông in ra cả mấy vạn tập “câu hỏi” về nhu cầu bổ sung của mỗi gia đình, phát cho từng nhà xin trả lời để ông ước lượng số hàng phải mua trữ trong những “Entrepots Warrant” của ông.

Ông thuê một dãy 24 căn phố trệt ở đường Trịnh Minh Thế (Jean Eudel)^[14], Khánh Hội để làm kho chứa hàng.

Nhưng ông thất bại lớn. Vì người Việt Nam thế hệ trước quen sống với nếp sống cổ truyền “tém vén tương cà” – đâu có hiểu lợi ích của một biện pháp kinh tế xa lạ mà họ còn nghi ngờ là một thủ đoạn gì đây? Toa thuốc kinh tế của “bác sĩ” Trần Quang An chưa kịp cứu dân độ thế đã bị xếp xó, 24 căn nhà phố của ông thuê bị bỏ trống cả năm rồi trả lại cho chủ phố ...

Về quê ăn Tết con Trâu (trích)

Phóng sự vui như Tết của Trường Bình

(Giai phẩm Xuân báo Điện Tín Tết Quý Sửu 1973)



Tết nhứt mà ở Sài Gòn thì quả thật là không có Tết gì cả. Gần mấy mươi năm biến loạn, chỉ có đồng ruộng, thôn quê mới giữ được cái hương vị đậm thắm của ngày thiêng liêng dân tộc.

Đặc biệt năm nay, trong những ngày cuối tháng Chạp, dân chúng cứ ngẩng lên... trời, trông coi Hòa Bình tới chưa mà sao người ta cứ hện như hện nợ. Ăn Tết ở miệt vườn, ăn miến mọc, uống chút rượu, mặc bộ bà ba mới cũng thấy có ý nghĩa.

Ê, khăn đóng tao mới rớt mà sao rã rồi ta?

Tết nhứt ở dưới ruộng, nhà nào cũng mua rượu để năm ba lít để dành... đãi khách. Trong nhà ba ngày đầu năm mà không có rượu chẳng khác nào “Autobus sans manivelle”. Nhất là chừng năm năm sau này, nghĩa là bắt đầu từ tết Mậu Thân đến giờ, uống rượu đến gần như là cái... đạo. Từ 12 tuổi cho tới già, ai cũng uống được hết.

Người ta uống rượu để quên nhiều thứ lắm như quên thời cuộc rồi rã m, quên thằng con đi lính đầu năm bị cầm trại 100 phần trăm em ơi không được về, và đôi khi vào quán, uống để quên... không trả tiền.

Nói vậy, chớ còn bây giờ về ruộng uống rượu đầu năm, mới thấy người ta tổ chức ngon lành lắm.

Có nhiều cách uống rượu... để. Tất cả các cách đó đều được đặt chung trong bộ luật... như sau đây:

Người cầ m nhạo rớt ra, đượ gọi là... ca nhạo.

Theo phép, ca nhạo phải làm trước một ly mới đượ xây tua. Quyề n của ca nhạo là chỉ đầu là ở đó phải có bốn phậ uố ng. Người nào không uố ng, khai bệnh, như đầu bụng nhưc đầu, bác sĩ cầ m này nọ, gọi là đấ p mô, một danh từ hế t sức thời sự (?)... nông thôn. Vậy thì uố ng rượ tới chỗ đấ p mô, cản trở lưu thông. Ông ca nhạo phải phá mô, nghĩa là phải uố ng giùm.

Những người ngô ì trong bàn, phải kiểm soát lẫn nhau, nhấ t là phải coi chừng không cho người bên cạnh... lặn. Luật nhậ gọi là Liên gia kiểm soát. Ai ngô ì uố ng rượ mà người bên cạnh bỏ đi mấ t thì phải phạt một ly.

Đó là cách thứ nhấ t, nhưng sôi nổi hơn hế t là cách thứ hai. Ban đầu còn chén tạc chén thù, nhậ tới lúc khuya... nhang (kiểu gà cá độ) người ra bày ra trò quay đầu gà.

Con gà xé phay đã đượ thanh toán từ đầu chỉ duy có cái đầu là chưa ai rớ tới, vì không ai dám lãnh, bởi lẽ, nhấ t phao câu nhì đầu cánh, ai mà rớ tới thứ đó phải chịu trước một ly.

Chú Năm Đồ ã khăn be áo dài đi chúc tể t thầ y Cai, chú đượ anh em nể mặt là cao thủ... rượ để từ lâu, do đó sau tuầ n trà nước, ông Hội đồ ãng Che bắt đầu bày ly nhạo ra bàn tròn. Sấ p nhỏ đượ huy động tồ i đầ để chạy mời hàng xóm. Xóm thầ y Cai này có Hội đồ ãng Che là chơi ngọt với anh em nhưc. Cho nên không đầ y nửa tiế ng, là hàng xóm láng giề ng lục tục kéo tới vui vẻ.

Đặc biệt bữa nay cuố i năm không ai dám làm... ca nhạo. Do đó, người này “lỳ một lam” thì người bên cạnh “làm một ly”. Chai rượ thứ nhưc cạn. Chai rượ thứ hai đem lên. Hội đồ ãng Che uố ng rượ để đặ trong bình rượ chát loại năm lít của Bồ ã Đào Nha.

Tới chai thứ ba thì mọi người bắt đầu nói chuyện nghe có mùi... hèm. Chú Năm Đồ ã, khề u nhẹ Hội đồ ãng Che:

– Ê, Hội đồ ãng, chú mầy cho tao cỡi áo dài nghe.

– Thì coi đi anh Năm.

Chín Hào đóng đậy bàn vô:

– Nè, thôi không xây tua nữa, tôi đề nghị quay đầu gà.

Cả bàn giờ tay:

– Rô`i làm liê`n đi.

Cái đầu gà, được gắ p bỏ vào trong cái đĩa có chén đậy lại. Má y anh em căn dặn:

Nè nghe chú Năm, mỗi người lắ c một cái rô`i có quyê`n xây cái đĩa đi. Chừng nào không ai rò mó nữa.

Màn quay đầu gà bắ t đầu. Ai nắ y coi bộ cũng sứa hế t rô`i.

– Ê, xong chưa, giờ nghe ta.

– Rô`i, giờ đi.

– Chú Năm.

Nhiê`u tiế ng cười khoái trá nổi lên. Năm Đô` làm một ly nghe cái trót rô`i úp đầu gà lại. Lại lắ c lắ c, xoay xoay, mở ra lầ n nữa...

– Ê, cũng chú Năm bây oi...

Chú Năm bô`i thêm phát nữa.

– Chú Năm nữa ta oi, chú Năm hên quá.

Năm Đô` làm một ly còn càu nhàu:

– Hên con mẹ họ. Con gà này nó chế`t rô`i mà còn hại tao.

Tới lúc tiệc tàn, chú Năm Đô` vắ t áo lên vai vê`. Bận này chú bắ ng bờ ruộng. Ruộng khô nhiê`u lỗ chân trâu, thắ ng Bé đi cặp chú một khúc đường. Thắ ng Bé hờ`i này cũng đã quá. Hai người ôm

nhau đi khắp khiêng nói chuyện lè nhè, bỗng thình lình, chú Năm lọt bàn chân vô lỗ chân trâu chú nhui, áo dài khăn đóng văng tung ra. Thằng Bé lạng quạng đỡ chú lên. Chú Năm lè nhè:

– Khoan mày Bé, để tao lấy khăn đóng lên cái đã.

Miệng nói hai tay chú đưa ra bọc cái khăn đóng tròn tròn trước mặt. Nhưng lạ quá, chú vừa giơ lên định đội thì khăn đóng rớt lịch bạch xuống đất.

Chú càu nhàu một mình:

– Ê, khăn đóng tao mới rớt mà sao rã hết vậy ta.

Thằng Bé quờ quạng thấy ướt ướt, nó giơ lên mũi người:

– Đâu phải khăn đóng chú Năm, bãi cứt trâu mà.

Năm Đờ cười, miệng méo xệch:

– Vậy mà tao cứ tưởng khăn đóng. Chả c tao đã quá.

Đầu năm điếm con gặp điếm ông nội

Cái thú giải trí miệt vườn ba ngày Tết là đánh bài. Bài bạc mau ăn thua nhứt là... bài cào.

Cả t tê sáu lá cầm chừng

Bài cào ba lá, tuột chừng không hay.

Ông Chín Cỏ như thói quen, năm nào, bữa Hai Mười Chín dẫn tới mùng Bốn, nhà cũng chứa bài cào. Đánh ở nhà ông toàn tay có máu mặt, như xã trưởng Lân, trung đội trưởng Thọ, thầy Bảy Quỳnh, chú Hai Nghĩa lái lúa, Ba Bạch sờ đáy v.v...

Nói nào cho ngay, Tết nhứt làng xã cũng dễ dãi. Ở Cuộc Cảnh sát Quốc gia cũng lờ đi cho mọi người sát phạt nhau buổi đầu năm. Ông Chín Cỏ chơi rất ngọt, rất sòng phẳng. Mấy năm rồi có khi

ăn khi thua. Năm nay trên miệt Gia Định, Xã Lân có đưa thêm má'y tay mới để'n chơi. Như vậy có ăn thua lớn rồi.

Sòng bài là chiếc đệm phơi lúa trái ở góc nhà. Ông Chín Cổ đã lớn tuổi lại có tật nhai trầu bồm bẻm. Ông bận bộ bà ba mới may bằng sa tin.

Mới vô tụ đầu, ông làm cái. Tiền đặt ra như nước, chỗ nào cũng giáy năm trăm một ngàn xấp lớp. Chia bài xong, ông Chín liếc sơ qua tay em rồi mới cầm lên mạy. Bên ngoài mọi người nín thở hồ'i hộp theo dõi. Tay em chỗ này bảy nút chỗ kia tám nút, toàn là lớn không.

Ông Chín nặn từng lá, rồi bỗng ông lắ'c đầu thở ra:

– Thôi chết mẹ rồi.

Vừa kêu trời, ông Chín Cổ vừa quay mình ra phía sau để phẹt bãi cỏ trầu vào góc nhà. Như một cái máy, các tay em lừa thêm tiền vào thật nhanh. Lúc ông Chín Cổ phun cỏ trầu xong, quay lại, thả bài ra: hai thặng tây một tá'm đệm, bù trấ't. Nhiều người thấy ông bị má'y tay em của Xã Lân vô tiền ăn thêm, không ai dám nói gì cả. Ông Chín hình như cũng biế't như vậy, nhưng vẫn làm thình.

Tụ đó, ông chung gầ'n ba chục ngàn. Ông vẫn tỉnh bơ.

Cây bài lại xoay qua cho người khác làm cái luân phiên. Chừng mười phút sau, lại tới vòng ông Chín Cổ làm cái nữa.

Như bận trước, lúc chia bài xong, ông lại liếc tay em, rồi cầm lên mạy. Ông ăn thua đủ mà.

Bài tay em đã bỏ ra, sáu bảy nút có đủ. Lần này ông Chín coi bài rấ't chậm rấ't kỹ. Thôi rồi, ông lại thở ra.

- Chết cha tôi rồi. Cái gì mà xấ'u quá.

Ông nắm cứng ba lá bài như bặt trước, rồi quay ra phía sau phệt cổ trâu. Cả đám tay em Xã Lân lại lừa tiêng vào thêm như chớp. Có người rút kinh nghiệm bặt rồi, lần này đám nhét vào năm bảy ngàn phía dưới. Hông ông Chín mới chia bài tổng cộng tay em chơi chừng bốn mươi ngàn. Nhưng bây giờ họ lừa thêm vào, trôm trôm có bảy tám mươi ngàn.

Ông Chín quay lại.

Cả sòng bài chờ.

Ông Chín nhìn qua tay em, xong ông thả bài ra.

Chín nút.

Ông Chín vừa hêt tiêng.

Xong ông đứng lên, ngó mọi người chung quanh, ông chia cho mỗi người đàn bà đứng coi má y đồng. Ông lại ghé giữa, ngông uông nước.

Đám tay em Xã Lân đau như hoạn, mời vô nã.

– Đánh nữa chớ ông Chín.

Ông Chín Cở cười khà khà:

– Thôi, hông nãy tôi biêt tôi bị má y ông vô tiêng, tôi đâu có nói. Bây giờ tôi cũng biêt má y ông vô tiêng, tôi cũng đâu có nói. Điều chơi mình phải như vậy. Thôi, sấp nhỏ có đũa nào đó, coi sửa soạn rồi cúng rước ông bà đi bây.



Chú thích:

[13] Đường Tự Do (Catinat): Đờng Khởi ngày nay.

[14] Đường Trịnh Minh Thê (Jean Eudel): Nguyễn Tấ t Thành ngày nay.

BIÊM HỌA - MINH HỌA - BÌA GIAI PHẨM XUÂN XƯA

Chân dung một số văn nghệ sĩ do họa sĩ Hoàng Lập Ngôn vẽ theo lối tượng họa

Lời của họa sĩ Hoàng Lập Ngôn:

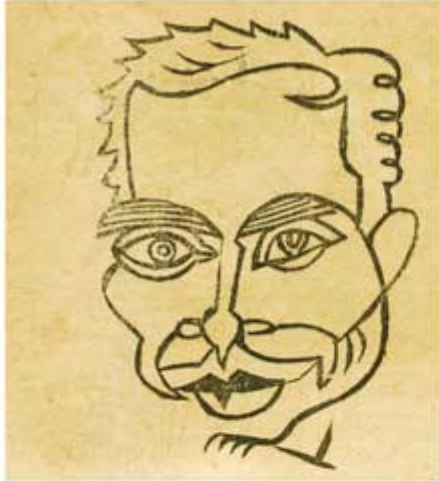
Thưa các bạn,

Đây chỉ là một số nhỏ, 20 đầu mà tôi nhắm mắt rút trong tập “Đầu văn nghệ” vẽ từ thu 1948. Trên vài trang báo này, tôi rất tiếc không trình bày được hầu hết những vẻ mặt triu mến của các Bạn Văn Nghệ thân yêu.

Cùng với các bạn đã họp mặt tại đây! Tôi đã yêu và tìm hiểu các bạn. Nếu “hình dung cổ quái” thì cũng vì “dị nhân dị tướng”. Nhìn các bạn bằng mắt, bằng tim, bằng óc, tôi cố tả tướng bạn, tình bạn. Và cho đến ngày nay, tôi tưởng chỉ nhìn được bạn đến thế này.

Thưa các bạn độc giả, muốn hiểu lối “tượng tính họa” này xin các bạn cũng nhìn như tôi. Nghĩa là bằng cách cả mắt, tai, tim, óc. Chúng ta cùng cố gắng mà hiểu.

(Báo Ánh Sáng Xuân Tân Mão 1951)



Văn sĩ Đồ Phồn: Tóc gai, ba ba nú. Mũi và miệng có nọc: viết châm biếm đượ. Mắt hóm ẩn dưới mày rậm.



Nhà báo Tam Lang: Có một tòa kiến trúc ở trong người bạn. Đầu như củ khoai, lạnh như khoai lang nướng nhưng khi khoai rim thì... Kìa! Sao bạn lại nhăn mặt! Bạn sợ rồi. Tài châm biếm ẩn như có ai trông thấy rim dâu.



Thi sĩ Trần Huyền Trân: Tên và người xung khác. Tên công chúa và người Mông Cổ. Tóc lóng cây mạ cấy. Mắt tướng. Có lỗ mũi, một răng nhiều duyên. Toàn thể đồng hun.





Họa sĩ Mai Trung Thứ: Phong tình. Mê sông Hương như mê sông Seine. Chơi đàn nguyệt giữa Ba lê. Chưa có vợ, nhiều tương lai.



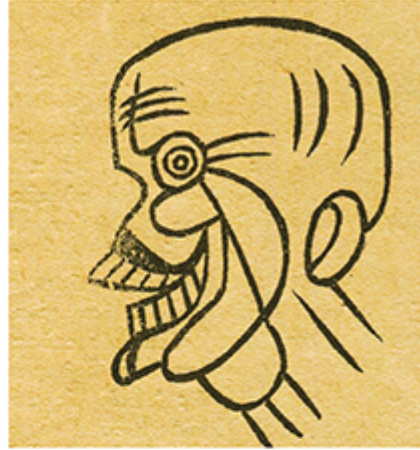
Thi sĩ Nguyễn Đức Quỳnh: Mặt sắt. Sợ dứa. Có búa và đe. Mất tia lửa. Họng nó thẳng, có khi nguy hiểm, hình ống bễ.



Họa sĩ Tạ Tỵ: Tóc mây, trán sườn đôi, mắt giếng khơi, mũi núi, nhưng cả người là ở miệng: tròn, thẳng, tươi hỉ, chun giã. Hiên ngang không với giai nhân - kiện (?). Tưởng họa phái lập thể. Dám hy sinh cho nghệ thuật.



Nhạc sĩ Nguyễn Văn Giệp: Người ôm nhạc hay nhạc nằm trong người, đó là bạn Giệp với cây đàn violon. Ý nhạc chìm trong mắt và run trong môi bạn và người thị tị đã biến.



Kịch sĩ Trương Đình Thi: Tướng ngũ lộ: sọ, mắt, răng, hầu, gân cổ, nhất là khi hò. Tính trẻ nhưng thích đóng vai cụ Đồ.

Thi sĩ Phạm Huy Thông: Thông minh ở cả trán và mắt. Miệng và lưỡi tưởng như vừa thổi địch sông Ô. Vợ ngoại quốc là phải và phải biết hát "Thiên thai" và nói tiếng Việt cổ điển.

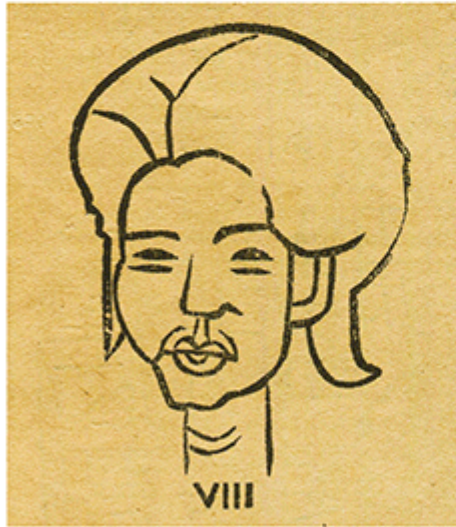




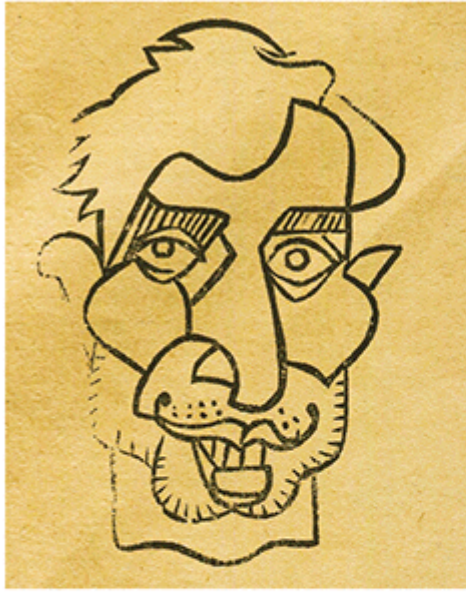
Họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung: Còn tên là “Gỗ Cong” của các bạn tặng. Thân hình cong hay tắm sơn mài cong. Mê tự nhiên: ở đâu cũng dám cời trần và ngả lưng. Hứa hẹn nhiều vì hay suy tưởng, đắm say và không sợ dư luận.



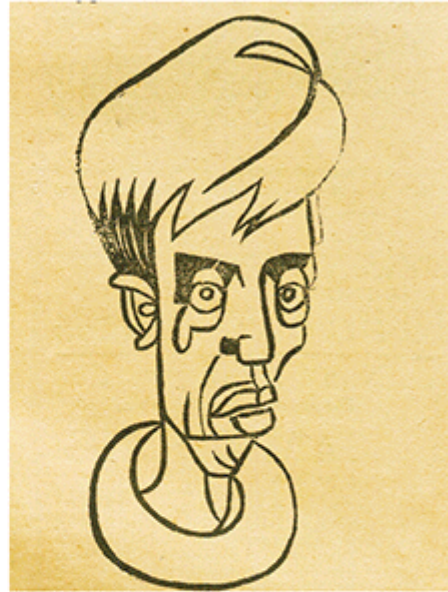
Văn sĩ Ngọc Giao: Tóc sóng, quai hàm nở, thích boxe và đá banh. Nguồn văn ở mặt và môi: mắt thăm thẳm, môi chun, thích chuyển động lên xuống. Ua rượu, nhắm và ngắm bóng hồng.



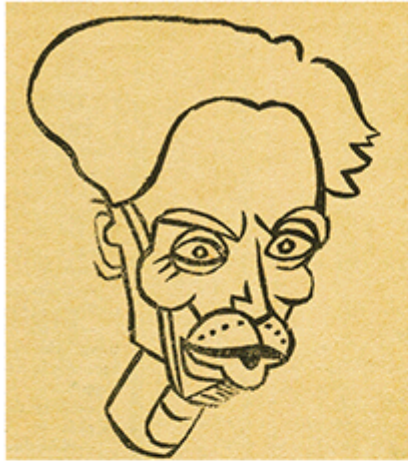
Thi sĩ Đinh Hùng: Vẽ giai nhân: da mịn, tóc bông, miệng chúm như nhớ nhung gì. Thơ lạ, đóng Vân Muội, vẽ tượng trưng.



Họa sĩ Trần Văn Cẩn: *Tướng hổ, hổ thùy my như cô gái lớn về làm dâu. Mắt sáng, miệng chúm chím, ăn như mèo. Thích hút pip, nước trà, ăn bánh cuốn và đậu rán nóng, vẽ hoa và thiếu nữ, gắp dây ưa đồng ruộng và dân cày.*



Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát: *Tóc rử như liễu. Gò má và bông mắt gặp nhau để thành một giọt lệ. Mũi, nhân trung, vết nhăn cùng chạy dài trong một khuôn mặt dài. Ôm ấp một đau khổ, một lý tưởng! Ở người nghệ sĩ, ấp ủ gì hơn nữa!*



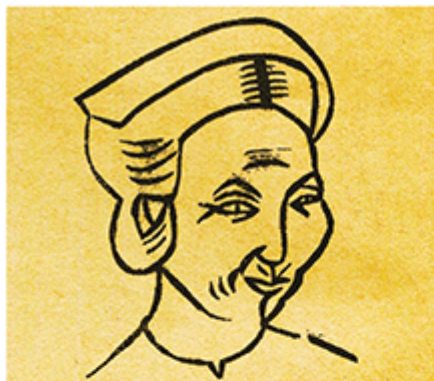
Thi sĩ và kịch sĩ Thế Lữ: Tướng hầu có trán cao. Thơ ở mắt, kịch ở miệng. Mắt và miệng găng nhau. Tóc bạc tình xanh.



Điều khắc gia Vũ Cao Đàm: Trán nghị lực, mắt trầm mà lộ. Vẽ mặt danh thép. Nghệ sĩ tiên phong.



Thi sĩ Vũ Hoàng Chương: Chàng áo xanh thưở Kiều Thu và Phi Yến ở rừng Thu. Mặt huyền ảo. Đi như ma. Thơ như ngọc rung trong khay đồng.



Tượng Phổ phu nhân: Thân hình người không là "giọt lệ thu" trừ ở mắt và miệng. Tượng trưng một thời xưa.



Nữ kịch sĩ Song Kim: Nét mặt vững chắc, má lúm đồng tiền, có duyên thầm, lấy Thế Lữ phải.



Điêu khắc gia Nguyễn Thị Kim: Có nét mặt như pho tượng Chăm cổ. Vẽ ngày của Kim đã lộ ra ở trán, mắt, môi, răng. Là nghệ sĩ, Kim còn lấy cả nghệ sĩ: Phạm Văn Đôn họa gia.

Chùm tranh “Tê t các giới” của họa sĩ Hiê u Đê

(Báo Tiê ng Chuông Xuân Ấ t Mùi 1955)



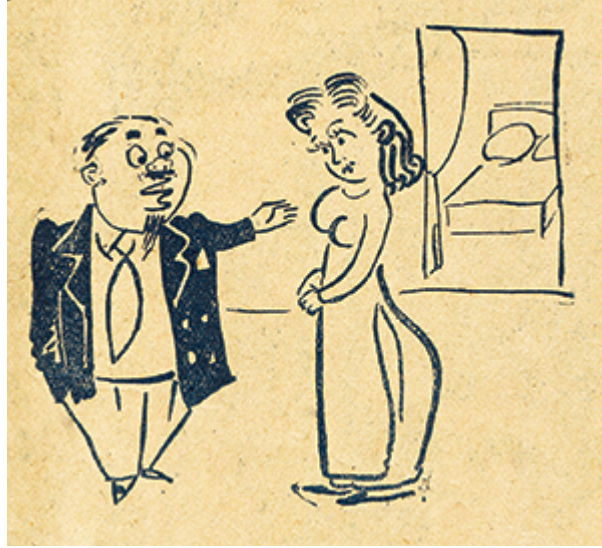
“Hạm quan” ăn Tết.



Tết dưới gâ`m câ`u.



Tết của những kẻ ở bên vệ đường.



Ông chủ mời cô thư ký ở lại cùng ăn Tết



Hạm “tiền chõ” Sài Gòn – Chợ Lớn ăn Tết.



Tết của đệ tử Lưu Linh.



Tết của đệ tử Lưu Linh.



Tết của ăn cướp.



Tết vui vẻ của gia đình xích lô đạp.



Bàn “bà u cua cá cọt” mới của trẻ con ngày Tết.

Câu chuyện hàng tuấn của người công chức gương mẫu

“Lời mạ kên: Có nhieu bạn bạo mô m bạo miệng cứ đồ diệt cho V.N.T.P cái tội ưa nói xâu các bà các cô. Tuy biết rằng những lời buộc tội đó không được “đứng đắn” lắm, nhưng được cái anh em trong tòa soạn ai cũng có thừa chât nịnh dâm cả nên đỡ lo; và lại nói xâu các bà các cô như thế rô i còn ăn ở với ai? Vì vậy chúng tôi vội vàng thảo luận để... giải oan bả ãng được.

Bảo rằng các bà các cô nói xâu đàn ông thì còn dễ nghe chứ nói rằng đàn ông nói xâu đàn ông thì quả là... không êm tai tí nào... Đàn ông kể ra cũng lắm tài. Chỉ bả ãng chúng tôi cứ khen đại lẫn nhau, khen tưới hạt sen, khen vô tội vạ... Những cái tài đó như thế nào, chúng tôi đã nhờ họa sĩ Đức Khánh trình bày dưới đây.

Gà-răn-ti sẽ làm quý bà quý cô thoải mái.”

(Báo Văn Nghệ Tiền Phong số Xuân Tân Sửu 1961)



Chủ nhật ăn Tết ở nhà ...



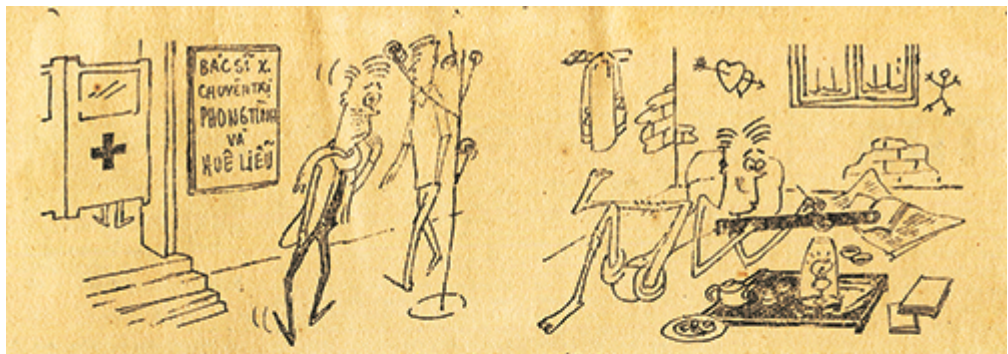
Thứ hai mạt chược ...



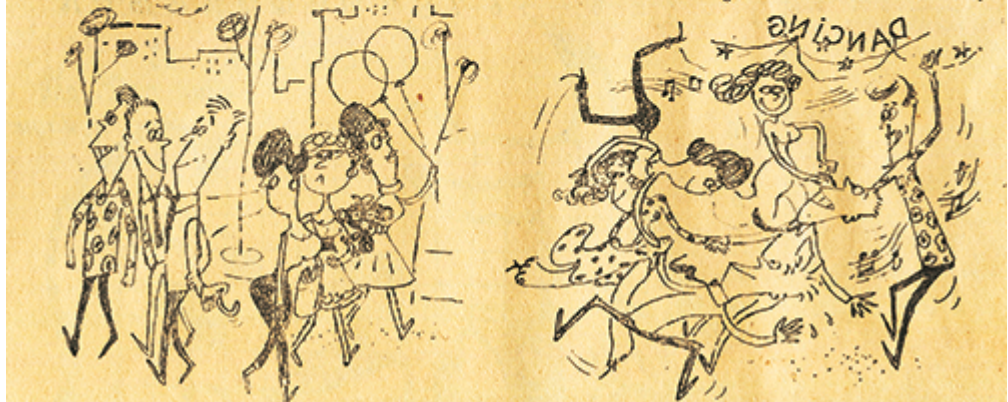
Thứ ba rêu chè ...



Thứ tư đồng ruộng nhà Bè ...



Đi khám bác sĩ trở về thứ năm... Thứ sáu "đang thóc" bán cần... (!)



Thứ bảy cười tươi, lên phố Bô-na... Tối quân Bi-bốp, Cha-cha!...

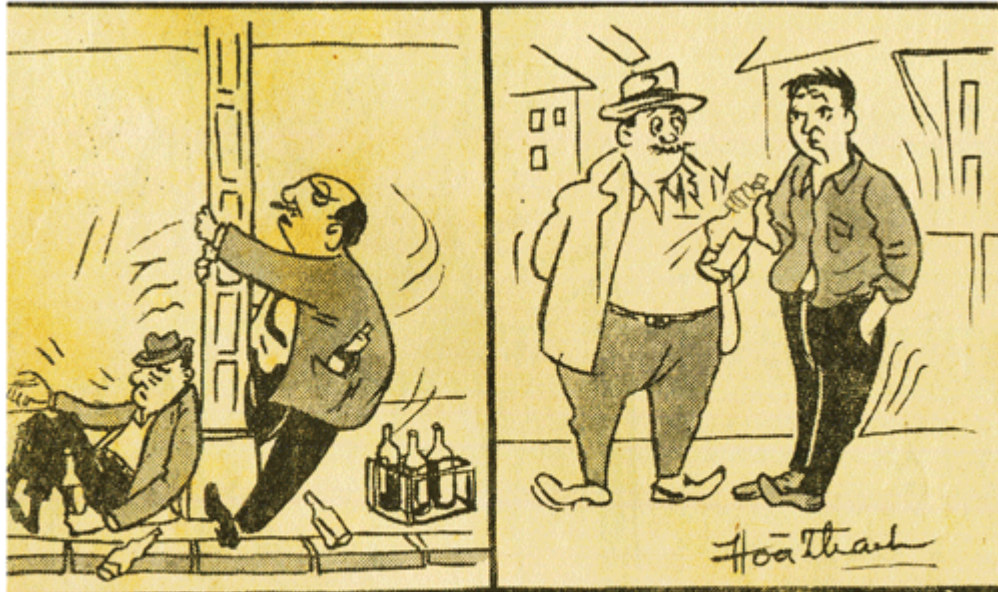


Chủ nhật sáng Ngọ mới ra khỏi giường. Thứ hai đến sở... lĩnh lương!!

(1) Thuốc phiện hút hàng đái.

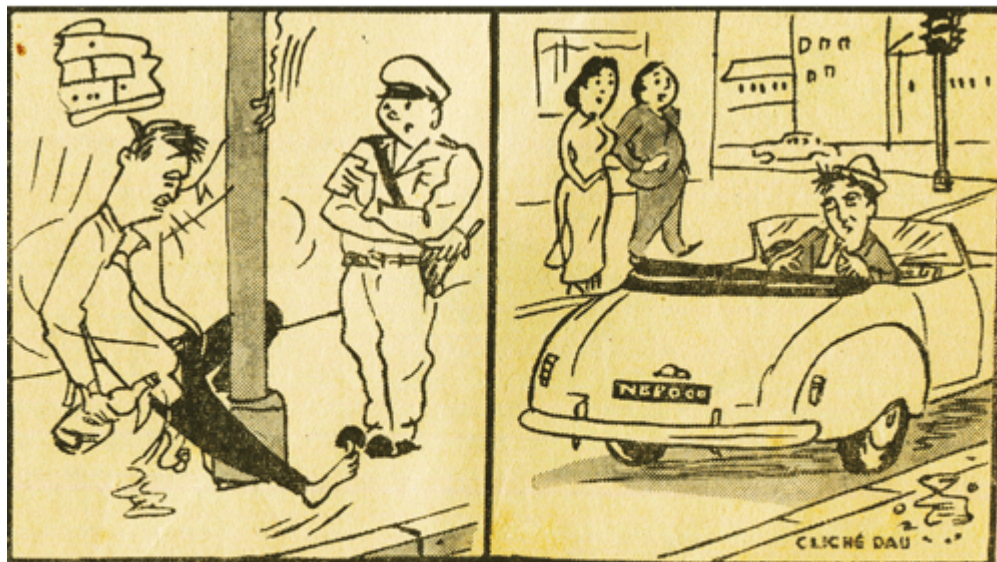
Bức tranh Tứ quý của dân nhậu

(Báo Sài Gòn Mới Xuân Nhâm Dần 1962. Tranh: Hòa Thanh)



- Nè Ngáo, trái đất bữa nay bộ quay mau hơn mọi khi sao mà tao đứng không vững vậy này?

- Đâu thằng Tư nó cũng còn hơn đá. Mấy coi, tao xáng vô đầu nó một cái chai mà cái chai u, chớ đầu nó như không!



- Thấy rầy tôi là thấy xâm phạm tự do cá nhân của tôi. Ai đời, tôi ôm vợ tôi thì thấy kệ mẹ tôi, thấy can thiệp làm chi chớ?

- Thiệt ăn trộm hết chỗ nói. Hồi này xuống xe cái gì cũng còn đủ hết, bây giờ trở ra là mất cái vô-lăng. Đến cái "lỗ" công tác nó cũng gờ luôn. Nệm xe nó cũng lật ngược.

Chùm tranh vui của Cả Tê u

(Báo Tia Sáng Xuân Ấ t Ty 1965)



Má cháu dặn khi nào ai lì xì thì nhớ cám ơn. Vậy bác có muốn cháu cám ơn không?



Coi vậy chứ một năm nó chỉ đóp bạc có một lần thôi, còn bọn gian thương thì đóp cả năm.



- Táo miê`n Trung sao về` trễ vậy?

- Tàu Ngọc Hoàng, dân chúng đang lo cứu trợ bão lụt nên họ bỏ quên Táo.



Năm mới chúc ông bà gặp nhiều may mắn!



Năm mới chúc hai cụ đầu năm sinh con trai cuối năm sinh con gái!



- Sấp nhỏ đau cà rô ì?

- Chúng xuống đường đi sắm Tết rô ì!



Không hiểu chủ nhà này trúng số áp phe gì mà ăn Tết lớn quá, cứ trông đống rác này thì biết ngày!



Nghe nói, đầu năm đến cuối năm ai cắm đồ nhiều nhất thì được tặng một quyền lịch có phải không cô?



Ta là phi hành gia không gian hay đang xuống chỗ?



Năm rông phụ nữ múa như rông.



Tết năm Rông



Tết năm Rẩu.

Vợ: Tết năm ngoài sao thiên hạ đến thăm mình đồng thê còn năm nay sao không có ma nào?

Chông: Tại họ biết mình xuông chum rồì!



Đừng có lo, mai mô' t còn tăng lương nữa mà mình!



Chào các bạn và xin hẹn tái ngộ 12 năm sau!

Chùm tranh của họa sĩ Văn Hiến
(Báo Tiền Phong Xuân Nhâm Tý 1972)

ĐỀ NGON ĐỀ LUẬN BẠN ĐỀ

ĐÊM QUA TỐ
NĂM MƠ THẤY CON
GIUN HOA RẦN!
RỒI CON RẦN HOA
RỒNG!...

CỦA VĂN HIẾU



NÀY! NÀY!
CÁC CẬU ĐẾN ĐÂY
TÔI BẢO.



CHỜ ĐỀ LÀ HÌNH THỨC CỠ BẠC!
CỠ BẠC NGUY HẠI NGANG VỚI MA-TÚY!
MA-TÚY LÀ KẸ THÙ CỦA DÂN TỘC!
NĂM MỠI ANH KHUYÊN CÁC
CHÚ NÊN TỪ BỎ "SỐ ĐỀ".



KỂ TỪ NAY,
NẾU CẬU
NÀO CÒN
NÓI ĐẾN
"ĐỀ" NỮA,
TÔI SẼ ĐÉT
CHO HAI MƯỜI
ROI!



HAI MƯỜI, CON RẾT!
NHỚ NHÉ.



NÀO! ĐỀ THƯỜNG CÁC
EM, ANH MỜI CÁC EM
ĐI CHƠI TẾT, GIẢI TRÍ
LÀNH MẠNH. CŨNG
QUYẾT KHÔNG CHỜ
ĐỀ NỮA!



XUẤT HÀNH GẶP NGƯỜI ĐẸP!
SỐ ĐÀO HOA CÓ KHÁC.





Du Xuân

Tranh: ViVi. Lời: Nhật Tiển

(Báo Thiê u Nhi Xuân Quý Sửu 1973)

SỞ MÌNH KẸM KAY CẦU THƯỜNG ĐẶC-LOC - ẤP PHỤE NHANH, TIỀN VỚI NHƯƠ NƯỚC. XUẤT HÀNH ĐU XUÂN VỀ NƯỚC ĐỒNG THÌ HOẠM THÌ HOẠM PHUAT ...

DOY XUAN

TRUYỆN VUI (CỦA NHẬT TIỀN) VIVI THỰC HIỆN HÌNH ẢNH.



TIỀN ĐẦY CHÚC ANH CHỊ VẠN SỰ NHƯ Ý. HẠNH PHÚC TRAU TEGE. LAM AN PHUAT ĐẠT ĐƯƠNG TRỎM ĐĂNG NGON NẤM CỤ ...



BÁC CỐ SẴU RƯỢI-TƯƠNG; ĐIẾ BÁC LÌ XÌ CHO CHAU. MÀ NAY ANH CHỊ BÈ TRUO CỒ MỘT CHAU THỜI Ậ?



SAU KỖ PHU ĐỂ CỐ M MẮT TRUYN THỂ MẮT Ậ ... LÌ XÌ BÌ THÌ NẤM Ậ NHƯƠ MẶT





T... KHIẾP
Ả LẮM THỀ: CỎ
BẮC ĐỔ TỚI...
MÀ ĐI ĐOÀNG
VÀ MƠ HIẾT
KAY KỂ



AI XÔI CHÈ...
AI XÔI CHÈ



Ồi giới đi!
Ồi bẻ cá rơi!

XỎÀNG



TIỀN HẾT, KHẸM,
Ồ, ÁO PHẢI BỎI
THƯỜNG - CÒN
CÁI QUẦN NÀY
NỮA CHẴNG LẺ
XUI ĐẾN ĐỘ
SẼ MẮT
NỮA SẴM



MẤY PHÚT SAU...



“Gửi
quần

Ồi bu
xuan

định gửi quần





- Chị Hai ơi, tháng này em được bằng khen Danh dự nè!

- Chà, em học giỏi được thầy khen đó.

- Không phải đâu chị Hai ơi. Thầy giáo nói với em rằng sáng nào chị cũng đưa em đến trường như mấy bữa nay thì tháng nào thầy giáo cũng cho em giấy khen!

Tranh: Hưng Hội.

Báo Sài Gòn Mới Xuân Đinh Dậu 1957.



Cô giáo:

- Trong thân thể có bộ phận gì hử trò Tý?

Tý 6 tuổi:

- Dạ, có xương, thịt, mỡ, gân, tủy nạm và gân, với sụn ạ.

- Trời, thế ra trò nói chuyện phở tái?

- Vâng, vì ba em làm hàng phở ạ.

Tranh: Hưng Hội.

Báo Sài Gòn Mới Xuân Đinh Dậu 1957.



- A lô! Mình có thu xếp công việc rồi ra gặp với em nghen mình, nay là 28 Tết rồi. Em ra đây một thân cô độc lẻ loi buồn chết được... Vâng! Hả?... Sao? Mông! Tết cũng không ra được nữa à?... Trời ơi! Thế thì em chết mất!

Tranh: Hưng Hội.

Báo Sài Gòn Mới Xuân Nhâm Dần 1962.



- Đố với chúng mình đàn ông chỉ nói có một tiếng mà đủ cả chủ từ, động từ và túc từ...

- Tiếng gì vậy chị?

- Yêu!

- A! Thì chúng mình đố với họ cũng thế. Tết nhất đến nơi, mình sẽ nói với họ: Tiên!

Tranh: Hưng Hội.

Báo Sài Gòn Mới Xuân Nhâm Dần 1962.



- Anh đi hướng này với em mà!

- Không được. Hôm nay cuối tháng. Số tử vi dặn tuổi anh không nên đi qua hướng tiệm vàng Chợ Cũ.



- Sao lại ăn trộm con chó Nhựt Bồn của người ta?

- Thưa sếp, thật oan ức cho con vô cùng! Con đi, con thấy một sợi dây cột chó của ai tởm quá bỏ rơi ngoài đường, con mới hay cái đầu dây kia cột vào cổ một con chó. Oan ức quá sếp, con có trộm chó bao giờ.



Thầy bói: Số cô bị sao Liên Đới chiếu mạng cho nên lấy quan thì quan cách, lấy Khách thì Khách về Tàu, lấy nhà giàu thì nhà giàu sạt nghiệp.

Tranh: Hưng Hội.

Báo Sài Gòn Xuân Giáp Thìn 1964.



Cô thơ ký: Dạ, đánh cái thơ này rồi đem cho ông ký tên?

Ông chủ: Không, thơ... tôi viết cho cô đấy chứ!

Báo Tin Điện Xuân Ất Mùi 1955.



Chồng: Giờ này là mấy giờ rồi mà em còn ngồi lì đó! Không lo chợ búa còn cúng Ông Bà, rồi Giao thừa!

Vợ: Anh chỉ nhớ Giao thừa mà quên giao... tiền thì em đi chợ búa gì đây!?

Báo Xuân Mai Xuân Ất Mùi 1955.



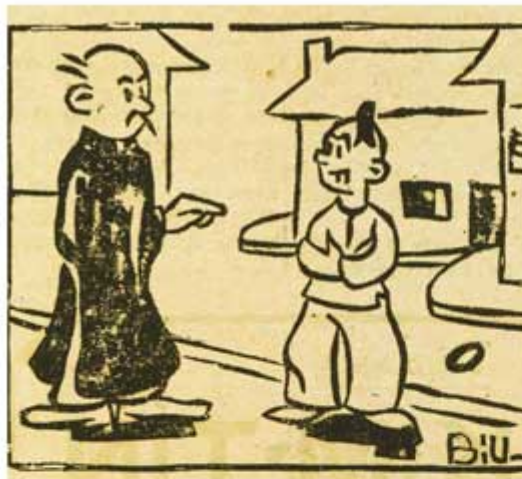
Cụ Lý: (gõ cửa) Tết nhứt rồi mà sao chùng này còn đóng cửa?
 Con Xả Xệ: Ai đó ba?
 Xả Xệ: Chắc bác Lý qua thăm ba!
 Con Xả Xệ: Ba ơi, kêu bác vào làm ngựa đua với ba cho đủ cặp!



Xả Xệ: Bác Lý ơi, ngừng lại kéo dầm tuốt vô chợ bây giờ!
 Lý Tôét: Không có dây cương, hằm thiếc gì ráo, làm sao cho nó dừng!



Phân Lém: Chết chưa, đổ đàn bà hư!!!
 Tranh: Bình Thành.
 Báo Tiếng Chuông Xuân Tân Mão 1951.



- Thưa chú, đêm hôm cháu chiêm bao thấy chú lì xì cho cháu mười đồng!



- Con đi học để làm gì?
 - Thưa tía, con đi học để làm người...

- Được, cháu cứ giữ lấy mà xài! Vì cả năm cháu học giỏi lắm!

Tranh: Bình Thành.

Báo Tiếng Chuông Xuân Tân Mão 1951.



- Ô, tưởng cho mày đi học, để sau làm Thông ngôn, Ký lục cho tao với má mày nhờ... chứ học để "làm người" thì như tao không học, tao lại làm khỉ hay sao?

- Cái gì độc nhưt của loài người?

- Nhân ngôn.

Tranh: Bình Thành.

Báo Sài Gòn Mới Xuân Canh Tý 1960.



Báo Tin Điển Xuân Bính Thân 1956.



Cặp tân hôn: Năm mới, vợ chồng cháu đến chúc mừng tuổi bác, luôn thể nhờ bác xem tướng giùm vợ cháu!

Ông láng giềng: Ủ, bác cảm ơn hai cháu. Về tướng vợ cháu thì... cần gì phải coi. Này, cao hơn cháu ba tấc, ốm mỏng manh đích thị là tướng tre miếu rồi. Tốt, tốt!

Tranh: Hiếu Đệ.

Báo Tin Điển Xuân Bính Thân 1956.



- Anh coi, bác Lý mới cách mấy năm nay mà râu dài thậm thụt dữ hôn!

- Sống trong cái không khí này, râu không dài, tóc chẳng bạc sao được! Lo tám mươi tư thứ mà ra đường lại phải lo nỗi xe hơi cán!

... (text is partially obscured)



- vậy un báo giờ mới học to:
- Hòa bình thực sự!

Tranh: Lê Trung.

Báo Sài Gòn Mới Xuân Canh Tý 1960.



Lộc Cốc Tử đang gieo quẻ bói đầu năm để tính tương lai Việt Nam năm Giáp Ngọ.

Báo Quê Hương Xuân Giáp Ngọ 1954.



Bác sĩ xem mạch xong cho bệnh nhân, nói:
- Hồng, hồng rồi ông ạ. Bệnh ông không chữa được.

Bệnh nhân: Bây giờ phải làm sao?

Bác sĩ: Còn kịp giờ. Ông có muốn gặp người nào trong giờ chót của ông không?

Bệnh nhân: Có, có. Ông nhắc tôi mới nhớ. Ông làm ơn cho tôi gặp một bác sĩ khác!

Báo Tin Diển Xuân Bình Thân 1956.



Thị sĩ: Ngày tư, ngày Tết, mình cũng nên kiêng cử giùm cho tôi, để tôi tìm vài vắn thơ khai bút chớ!

Vợ: Cứ tìm vắn thơ mãi! Vắn thơ có nuôi sống được mẹ con tôi chằng?

Báo Thần Chung Xuân Giáp Ngọ 1954.



Kẻ cướp: Đã hơn 20 năm làm nghề này tôi chưa gặp nhà nào có con khuyến biết vâng lời như con của vợ chồng anh.

Tranh: Ngân Hà.
Báo Tin Bắc Xuân Mậu Tuất 1958.



Ê, của mấy cái này kia mà!

Tranh: Ngân Hà.
Báo CMQG Xuân Mậu Tuất 1958.



Thiên hạ tắm gội để ăn Tết.

Tranh: Ngân Hà.
Báo CMQG Xuân Mậu Tuất 1958.

Nụ cười ngày xuân



Chàng: A lô! Vâng, cảm ơn anh. Từ dạo lấy nhau đến nay, vợ chồng tôi vẫn... đậm ấm, hạnh phúc lắm!



Cô giáo: Chết như thế nào mới để lại tiếng thơm?

Tý: Thưa cô, chết như heo quay vậy!

Tranh: Từ Huy.

Báo Phụ Nữ Diễn Đàn Xuân Quý Mão 1963.



- Chân quã, thế mà cứ dạy người ta phải "Tề gia, trị quốc với bình thiên hạ!".



- Vậy tôi sẽ giới thiệu với "cô" anh chàng này mới 25 xuân xanh, vừa tốt nghiệp ngành "khai thác đồ cổ"!

Tranh: Văn Hiếu.
Báo Tiền Phong Xuân Nhâm Tý 1972.



TẾT MỚI
gia đình
NĂM TRẬT BUA
Cả tấm bồm ở

*Tại là ba mới biết cười như ta ở
Đạo như là kẻ ngán năm mới làm Tết*



*Sống mừng một rượu để say ngày ngày
Sống như vậy một tháng một năm*



Giai phẩm Thân Chung báo Đại Dân Tộc
Xuân 1975.

Giai phẩm Thân Chung báo Đại Dân Tộc Xuân 1975



*Tranh minh họa đoạn thiên tiểu thuyết *Cái thù của tự do*.*

Báo Phụ Nữ Tân Văn Xuân 1932.



Minh họa truyện ngắn Tết nhà cụ Huyện - Lei fa.

Báo Sài Gòn Mới Xuân Canh Dần 1950.



Minh họa trang nhi đô`ng.

Tranh: Lê Phan. Báo Sài Gòn Mới Xuân Canh Dâ`n 1950.



Minh họa truyện ngắ`n Một thiên dật sử - L.T

Tranh: Lê Phan. Báo Sài Gòn Mới Xuân Canh Dâ`n 1950.



Tranh: Lê Trung.

Báo Sài Gòn Mới Xuân Canh Dần 1950.



Minh họa truyện ngắn Tà áo thiên thanh - Sơn Phong.

Tranh: Lê Trung.

Báo Ánh Sáng Xuân Quý Ty 1953.



Minh họa truyện ngắn Một ván cờ chiếu u Ba mươi Tết - Nguyễn Duy Hiến.

Tranh: Hiê' u Đệ. Báo Quê Hương Xuân Giáp Ngọ 1954.



Minh họa bài Ý nghĩa mảnh hoa tiên - Phan Phong Linh.

Tranh: Hiê' u Đệ. Báo Nói Thật Xuân Giáp Ngọ 1954.



Minh họa phóng sự Nguyễn vọng nhân dân - Anh Hợp.

Báo Thân Dân Xuân Giáp Ngọ 1954.



*Minh họa phóng sự Cái Tết đau thương của kinh thành Huế -
Nguyễn Huyê`n Linh.*

Báo Nói Thật Xuân Giáp Ngọ 1954.



*Minh họa truyện ngắn Thằng rể biệt tài số dách - không ghi
tác giả.*

Báo Tin Điện Xuân Ất Mùi 1955.



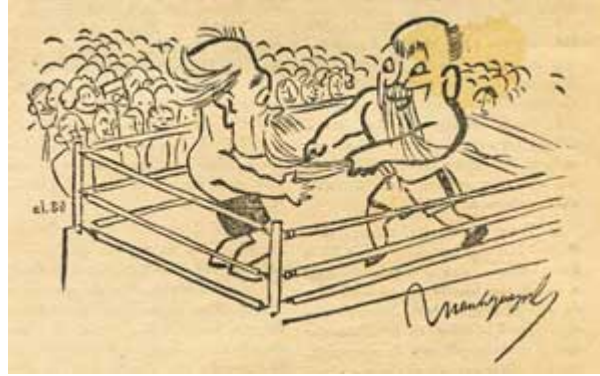
Minh họa bài Hai cuộc cách mạng văn hóa - Nguyễn Phấn. Báo Ánh Sáng Xuân Quý Ty 1953.



Minh họa bài Hai hạng tào quân - Phiêu Phiêu. Tranh: Lê Trung. Báo Sài Gòn Mới Xuân Quý Ty 1953.



Minh họa bài Tào quân tâu thần tích - Bạch Diện. Báo Xuân Việt Nam Xuân Quý Ty 1953.



Minh họa bài Thuộc trường xuân - Lê Văn Ngôn.

Minh họa: Mạnh Quỳnh. Báo Mới Xuân Quý Tỵ 1953.



*Minh họa truyện ngắn Nồi cháo gà
mồng Ba Tết - Hoàng Hồ.*

Tranh: Lê Trung.

Báo Ánh Sáng Xuân Quý Tỵ 1953.



*Minh họa phóng sự Hà Nội thiếu Hà
Nội thừa - H.Quang.*

*Báo Xuân Việt Nam Xuân Quý Tỵ
1953.*



*Minh họa kịch thơ Quán
lạnh chiều xuân - Trần Đình
Thuyên. Báo Tiếng Chuông*



Xuân Bình Thân 1956.



Minh họa theo tựa bài. Báo Thần Chung Xuân Giáp Ngọ 1954.



Mình họa bài Bức thư bằng hình - Tả
Chơn N.P.D. Báo Tin Điện Xuân Ất
Mùi 1955.



Mình họa thơ vui Xứ quê đầu năm
- Cốc Lếu. Báo Tiếng Chuông Xuân
Ất Mùi 1955.



Mình họa mục bói toán.
Báo Ánh Sáng Xuân Ất Mùi 1955.



Hai tranh minh họa vở kịch vui Ghen chồng chồng ghen - Sỹ Tiến.
Báo Thân Dân Xuân Giáp Ngọ 1954.



Minh họa báo Sài Gòn Mới Xuân Ất Mùi 1955.

Tiêng-Chuông-1955E

Minh họa phóng sự Xuân Sài Gòn 1955 - Ra Đa.

Báo Tiếng Chuông Xuân Ất Mùi 1955.



Minh họa báo Sài Gòn Mới Xuân Kỷ Dậu 1969.



*Minh họa truyện ngắn Xuân trong lòng người - Thanh Thủy.
Tranh: Hiếu Đệ. Báo Tiếng Chuông Xuân Ất Mùi 1955.*



Minh họa báo Tin Điển Xuân Bình Thân 1956.



Minh họa báo Tự Do Xuân Kỷ Hợi 1959.



Minh họa theo tựa bài trên báo Thân Chung Xuân Giáp Ngọ 1954.



Minh họa vở kịch Chung thân đại sự - Phùng Cẩm Bằng.
Báo Tự Do Xuân Canh Tý 1960.





Hai minh họa theo tựa bài trên báo Tiếng Chuông Xuân Quý Mão 1963.



Minh họa trên báo Tiến Tuyến Xuân Nhâm Tý 1972.



Minh họa theo tựa truyện trên báo Sài Gòn Xuân Giáp Thìn 1964.



Minh họa theo tựa truyện ngắn trên báo Phụ Nữ Diễn Đàn Xuân Giáp Thìn 1964.

Tranh: Lê Minh.



Minh họa theo tựa bài. Báo Sài Gòn Mỗi Xuân Tân Sửu 1961.



Minh họa theo tựa bài. Tranh: Hím. Báo Tiền Tuyến Xuân Nhâm Tý 1972.



Ca khúc Tiế'ng sáo thiên thai - Phạm Duy.

Minh họa: Hoàng Tích Chù. Báo Mời Xuân Quý Tỵ 1953.

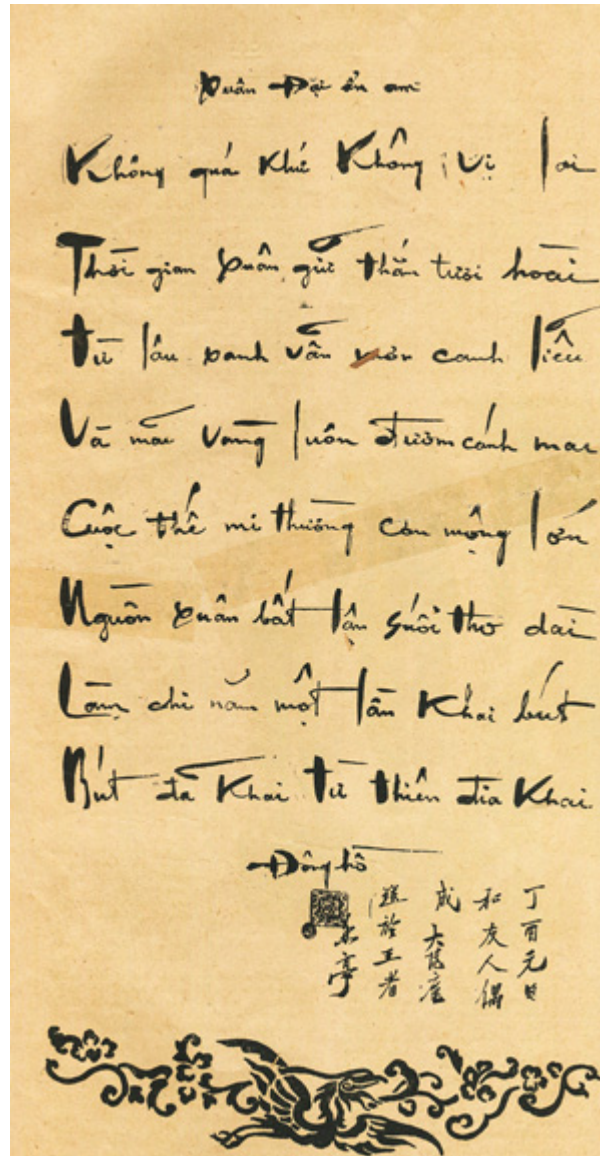


*Ca khúc Ly rượu mừng xuân
in đầu tiên có minh họa -
Bản này có tên là Ly rượu
mừng Xuân.
Giải phẩm Xuân Đồi Mới
Tết Ất Mùi 1955.*



Ca khúc Xuân nguyện của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.

Giai phẩm Điện Tín Xuân Quý Sửu 1973.



Bài thơ Đường luật nổi tiếng Xuân Đại ản am - Đông Hồ`.

Báo Tự Do Xuân Mậu Tuất 1958.

*Không quá khứ, không vị lai
Thời gian xuân giữ thả m tươi hoài
Từ lâu xanh vẫn vươn càng liễu
Và mãi vàng luôn đượm cánh mai*

Cuộc thê' mi thường con mộng lớn
 Ngườ`n xuân bấ't tận suô' i thơ dài
 Làm chi năm một lâ`n khai bút
 Bút đã khai từ thiên địa khai.



Một trang báo đẹp và lạ trình bày bài thơ chữ Hán Xuân Cầm của nhà thơ Vũ Hoàng Chương, có bản dịch của tác giả, do chính tác giả viết chữ thư pháp Hán và Việt.

Báo Số' ng Chung Xuân Quý Sửu 1973.



Truyện ngắn Bên hè nhà băng - Quốc Ân.

Minh họa: Hiêu Đệ.

Báo Tiếng Chuông Xuân Ất Mùi 1955.



Hài kịch Chè! Ô cay - Sư Tàng.

Báo Tiếng Chuông Xuân Bính Thân 1956.



Bài phiếm Tôi bị bắt buộc bỏ hút nhưng mà... - Ba Búa.

Báo Tiếng Chuông Xuân Bính Thân 1956.



Phóng sự vui Sài Gòn xuân 56 - Du Lam Khách.

Báo Tiếng Chuông Xuân Bình Thân 1956.



Bài Năm chó nói chuyện mèo - Nguyễn Quang Lục.

Báo Tự Do Xuân Mậu Tuất 1958.



Bài Những vậ́n đê` của chúng ta - Phạm Việt Tuyền.

Báo Tự Do Xuân Kỷ Hợi 1959.



*Đoản thiên Anh em - Võ Phiến
Báo Tự Do Xuân Kỷ Hợi 1959.*



*Truyện ngắn Hai đốm sáng thu hồn - Tô Nguyệt
Đình. Minh họa: Phan Khánh. Báo Phụ Nữ
Diễn Đàn Xuân Quý Mão 1963.*



*Truyện ngắn Con linh miêu - Cô Ba
Rài. Báo Tiếng Chuông Xuân Quý
Mão 1963.*



*Truyện ngắn Trên chuyến tàu cuối năm - Tường
Linh. Báo Văn Nghệ Tiền Phong Xuân Tân Sửu
1961.*



Vợ kịch ghen Tấ t niên - Dạ Vũ.

Minh họa: Lê Minh. Báo Phụ Nữ Ngày Mai Xuân Canh Tý 1960.



Kịch vui Đêm giao thừa nhảy Tuyết - Chị Ba Sún Răng.

Minh họa: Lê Minh. Báo Phụ Nữ Diễn Đàn Xuân Giáp Thìn 1964.

Phunudiendan64A

Truyện ngắn Đòi người ngược xuôi được máy - Bà Tùng Long

Minh họa: Lê Minh. Báo Phụ Nữ Diễn Đàn Xuân Giáp Thìn 1964.



Truyện ngắn Một đóa hoa xuân đôi cánh bướm - Thúy Liễu.

Minh họa: Lê Minh. Báo Phụ Nữ Diễn Đàn Xuân Giáp Thìn 1964.



*Truyện ngắn Một đóa hoa xuân đôi cánh bướm - Thúy Liễu.
Minh họa: Lê Minh. Báo Phụ Nữ Diễn Đàn Xuân Giáp Thìn 1964.*



*Đoản thiên Tâm tình xuân về - Hoàng Ngọc Liên.
Báo Văn Nghệ Tiên Phong Xuân Tân Sửu 1961.*



*Hội kỳ Người ta đô n rã ng - Triê u Đâu.
Báo Văn Nghệ Tiê n Phong Xuân Tân Sửu 1961.*



*Truyện ngắ n Mùa xuân trở về - Tuấ n Huy.
Báo Văn Nghệ Tiê n Phong Xuân Tân Sửu 1961.*



Bài Xuân tin tưởng - Thư Tòa soạn.

Minh họa: Phan Khánh.

Báo Phụ Nữ Diễn Đàn Xuân Quý Mão 1963.



Tùy bút Thư nhà - Võ Phiến. Báo Tự Do Xuân Tân Sửu 1961.



Bài Múa sư tử - Đinh Hùng. Tập san Ảnh Đèn Dầu Xuân Tân Sửu 1961.



Bài Hà! Đô lá! Chiết con tàu đô ì! - không ghi tác giả.

Báo Sài Gòn Mới Xuân Tân Sửu 1961.



Bài Con trâu trong thơ văn bình dân - Bạch phu nhân.

Báo Sài Gòn Mới Xuân Tân Sửu 1961.



Bài Lá thư đầu xuân - S.D.M.N.

Minh họa: Tạ Ty.

Báo Sáng Dội Miền Nam Xuân Nhâm Dần 1962.



Bài Truyện kỳ lạ về ba nhạc sư đời xưa - Nguyễn Tri Khương và phóng sự ảnh Trung tâm thủ đô những ngày gần Tết - Minh Huy.

Báo Sáng Dội Miền Nam Xuân Nhâm Dần 1962.



Hai minh họa theo bài.

Tranh: Hưng Hội.

Báo Phụ Nữ Diễn Đàn Xuân Giáp Thìn 1964.



Truyện ngắn Chờ một bàn tay - Hoài Thanh.

Báo Tiếng Chuông Xuân Quý Mão 1963.



Minh họa: Từ Huy. Báo Phụ Nữ Diễn Đàn Xuân Quý Mão 1963.



Báo Tiếng Chuông Xuân Quý Mão 1963.



Bài Xem bói xem số ngày Xuân - Mỹ Tín.

Báo Chính Luận Xuân Kỷ Dậu 1969.



Tranh Nhớ về quê Tỏ.

Báo Tự Do Xuân Canh Tý 1969.



Truyện ngắn Ăn Tết hòa bình - Tùng Long.

Minh họa: Tạ Kim. Báo Tự Do Xuân Kỷ Dậu 1969.



Bài Ngày xuân nói chuyện vợ chồng - Cô Hạm Hực.

Báo Chính Luận Xuân Kỷ Dậu 1969.



Truyện ngắn Chiếc lá mùa xuân - Thanh Thương Hoàng.

Báo Chính Luận Xuân Kỷ Dậu 1969.



Truyện ngắn Cuôn sách hình du lịch - Bình Nguyễn Lộc.

Minh họa: Tạ Kim. Báo Tự Do Xuân Kỷ Dậu 1969.



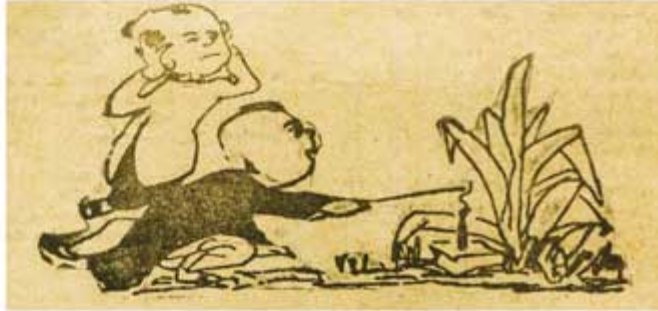
Bài Gà trống lý tưởng của các mái 69 - Phượng Thúy.

Báo Chính Luận Xuân Kỷ Dậu 1969.



Vở kịch Đón Xuân - Hoàng Liên.

Báo Chính Luận Xuân Kỷ Dậu 1969.



Các minh họa trang Mai-Bê-Bi ăn Tết. Báo Chính Luận Xuân Kỷ Dậu 1969.



Kịch thơ Diễm Ảnh - Quách Thoại.

Minh họa: Ngọc Dũng. Báo Văn Nghệ Mới Xuân Kỷ Dậu 1969.



Minh họa bài Sô ông Táo... lé: Cơ trời bị tiê t lộ - Tú Khờ.

Báo Tin Sớm Xuân Giáp Thân 1964.



Chuyện kể Ba chuyện đọc thần tiên ngày Tết - Thùy Hương. Báo Chính Luận Xuân Kỷ Dậu 1969.



Truyện ngắn Mùa xuân tới - Đặng Trần Huân. Minh họa: Nguyễn Hữu Nhật. Báo Khởi Hành Xuân Kỷ Dậu 1969.



Bài Trên đường lưu diễn năm xưa - Phạm Lê Phan. Minh họa: Nguyễn Hải Chí (Chóe). Báo Khởi Hành Xuân Kỷ Dậu 1969.



Bài Sớ táo quân.

Minh họa: Diệp Đình.

Báo Hòa Bình Xuân Nhâm Tý 1972.



Bài thơ trong vườn mộng mùa xuân - Huy Tưởng.

*Tranh phụ bản của Ngọc Diệp. Báo Tuổi Ngọc Xuân Nhâm Tý
1972.*



Truyện ngắn Mùa tiếp mùa - Mùng Mán.

Minh họa: Hoàng Đặng.

Báo Tuổi Ngọc Xuân Quý Sửu 1973.



Truyện ngắn Đêm giao thừa của Tiểu Phụng - Ngọc Minh.

Minh họa: Lê Vĩnh Ngọc. Báo Tuổi Ngọc Xuân Quý Sửu 1973.



*Trang thơ Kim Tuân - Vũ Hoàng.
Báo Tuổi Ngọc Xuân Quý Sửu 1973.*



*Kịch Mùa nhớ nhung còn xanh - Từ Kế Tường.
Báo Tuổi Ngọc Xuân Quý Sửu 1973.*



Bài Dấu vết một mùa xuân - Mặc Linh Giang.

Minh họa: Đinh Tiên Luyện. Báo Tuổi Ngọc Xuân Quý Sửu 1973.



*Thơ Đầu năm em đến - Hà
Huyền Hoa. Tuổi Ngọc Xuân
Ất Mão 1975.*



*Thơ Đêm mùa xuân nhật hoa rơi
- Nguyễn Tấn Sĩ. Tuổi Ngọc Xuân
Ất Mão 1975.*



*Truyện dài Người con gái ngồi đợi một chuyến tàu về - Duyên Anh.
Minh họa: Đinh Tiên Luyện. Báo Tuổi Ngọc Xuân Ất Mão 1975.*



Minh họa truyện ngắn Và vĩnh viễn phai xuân - Nguyễn Thị Ngọc Minh.

Báo Tuổi Ngọc Xuân Ất Mão 1975.



Minh họa truyện ngắn Con búp bê mắt nâu tóc huyền - Đinh Tiến Luyện.

Báo Tuổi Ngọc Xuân Ất Mão 1975.



*Minh họa truyện ngắn Cuối năm ở Tuy Phong - Nguyễn Thanh
Trịnh.*

Báo Tuổi Ngọc Xuân Ất Mão 1975.



*Minh họa lời chúc Tết trang 3.
Tranh: ViVi. Báo Thiếu Nhi
Xuân Quý Sửu 1973.*

*Bài Năm Sửu nói chuyện trà - Đặng Sĩ Nghĩa.
Minh họa: ViVi. Báo Thiếu Nhi Xuân Quý Sửu
1973.*



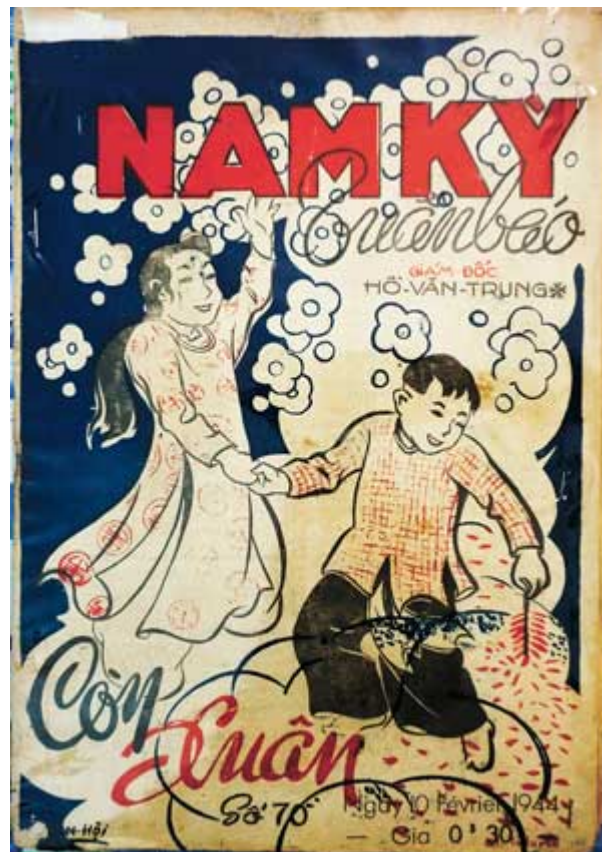
*Bài Làm gì giữa dòng cuộc đời - Trần Minh Thông.
Minh họa: ViVi. Báo Thiê' u Nhi Xuân Quý Sửu 1973.*



Truyện ngắn Chuyê'n về` cuô' i năm - Phan Khương Thái.

Minh họa: ViVi. Báo Thiê'u Nhi Xuân Quý Sửu 1973.





Kiên Thiệt



BY NGHỆ HOA
Nguyễn Sinh Lạc

SỜ TẾT
Năm Đinh Hợi
1947

Giá 400



50 TRĂM

THỜI
TUỘC

Số Xuân
CANH DẦN 1950









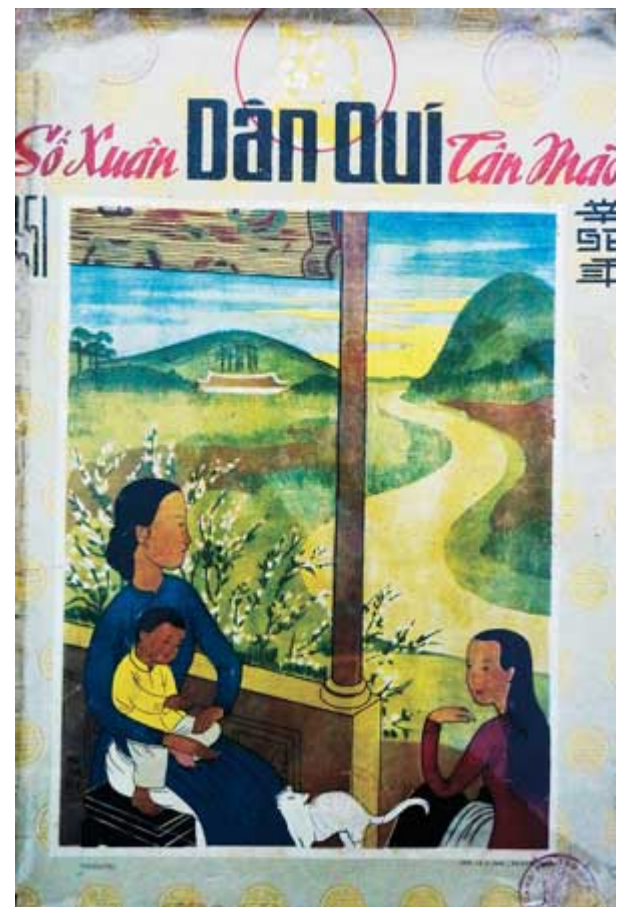




















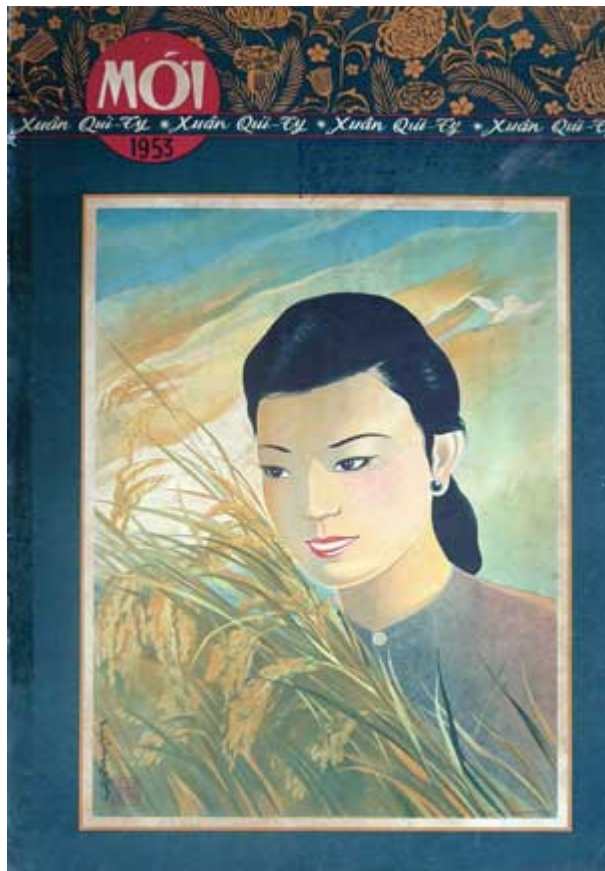
VIỆT-THANH

Xuân Nhâm Thìn - 1952



Trần Văn Hào, họa sĩ, 21, A LOUIS, Saigon. Chỉ nhiệm vụ vẽ tranh.





THÂN DÂN *Giáp Ngọ*





XUAN
GIÁP NGỌ

Tiếng Dội



MỖI SỐ
15 ĐỒNG

TIẾNG DỘI DỘI VANG, NAO NỨC LÔNG QUẾ, NĂM GIÁP - NGỌ
MÙA XUÂN THÂN HỮU, CHÀNG TRƯỞNG, HỒ TRƯỞNG





TẾT NHAN LOẠI XUÂN 1954 GIÁP NGỌ

PHỤC VỤ VẤN CHƯƠNG LÀNH MẠNH

ĐOÀN MỘT MÙA XUÂN LÀNH MẠNH

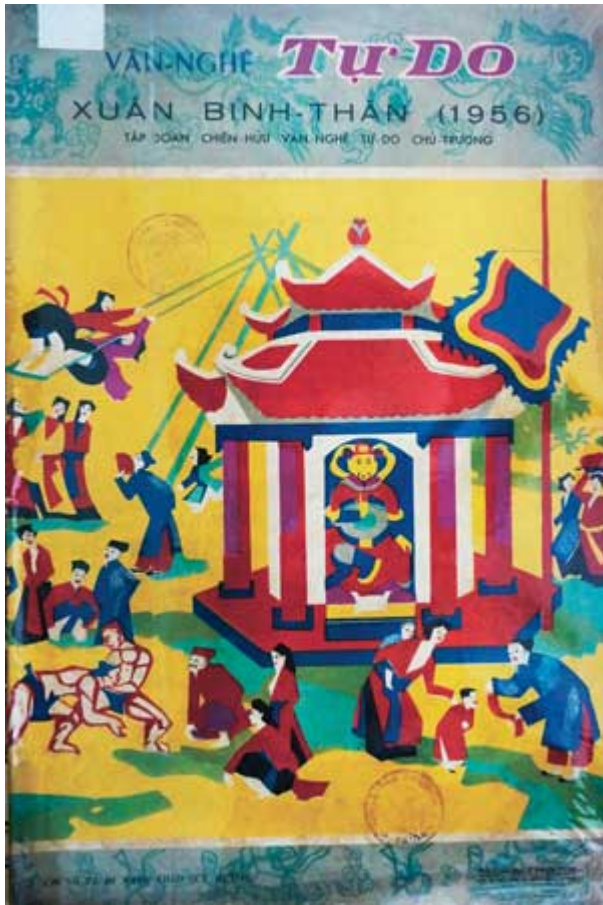
Thơ của người thơ...
 ... Đ. H.
 ... MỘNG TUYẾT
 ... LÊ VĂN HÙNG
 ... TRẦN CỎ NGƯỜI
 ... BÙI LÂN AN
 ... ĐOÀN ĐO
 ... HÀ TIÊN CỎ
 ... PHÂN VÂN GIÁP
 ... HẠ DIỄN
 ... NGUYỄN CỬ
 ... TẠNG ĐÀ LÂN
 ... CỬ HÒA
 ... NGUYỄN HỮU THƠ
 ... NGUYỄN HỮU THƠ
 ... NGUYỄN HỮU THƠ

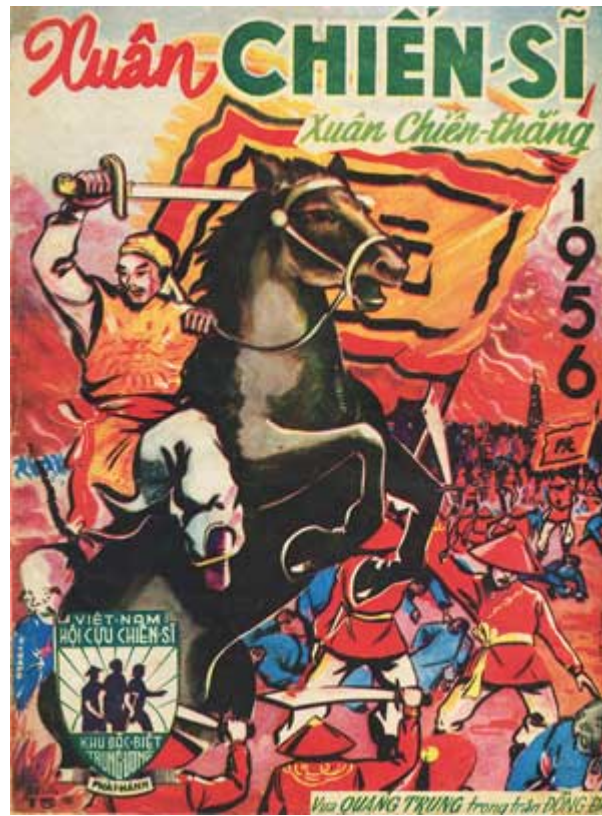
8 ĐỒNG













HƯƠNG XUÂN
BÌNH DẦU

Chien Kiang
— HONGKONG —

PH. NGUYỄN KHUÔNG
SỐ 12/100 - 1950

NGÔN
LUẬN

TUẦN



1957

NGƯỜI VIỆT

Tự Do

Cười
Xuân

(ĐINH-DẦU 1957)



MẮC ĐU

ĐIỂM THÁNG 10 - SÁNG CỦA MÀN ĐỜI VIỆT-NAM

ĐI 10 C

THANH-BÌNH



Xuân
THÈNG VANG
SAIGON



958

MÂU TUẤT

Chị cùng Em



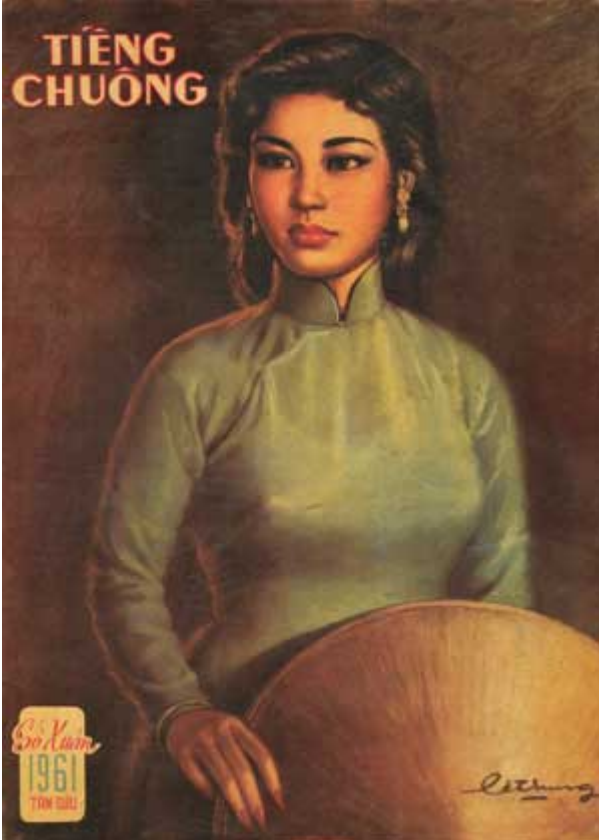
TẶNG BẠN 16 PHỤ BẠN 1 TÂM LỊCH 12 THÁNG 5 MÀU











ÁNH ĐEN
DẦU

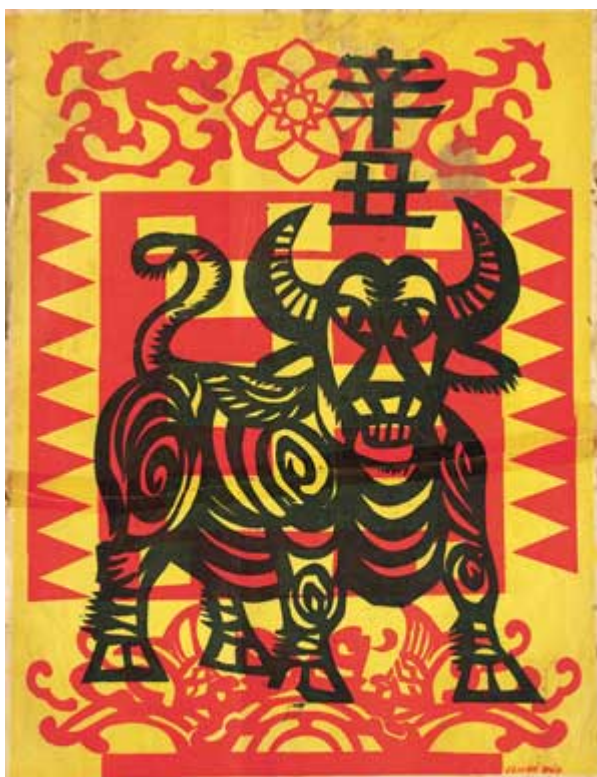
TẬP II SỐ 3
TÂN-SỬU 1961



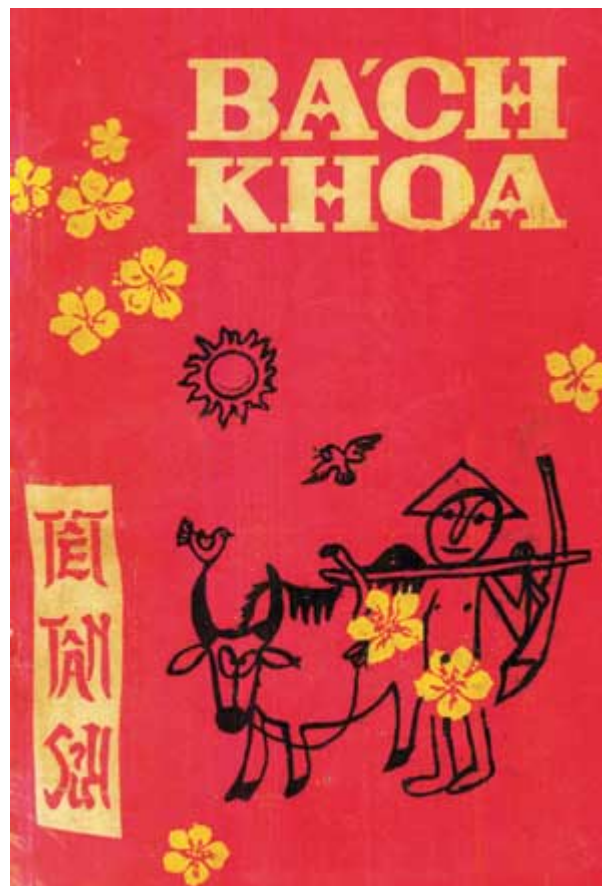
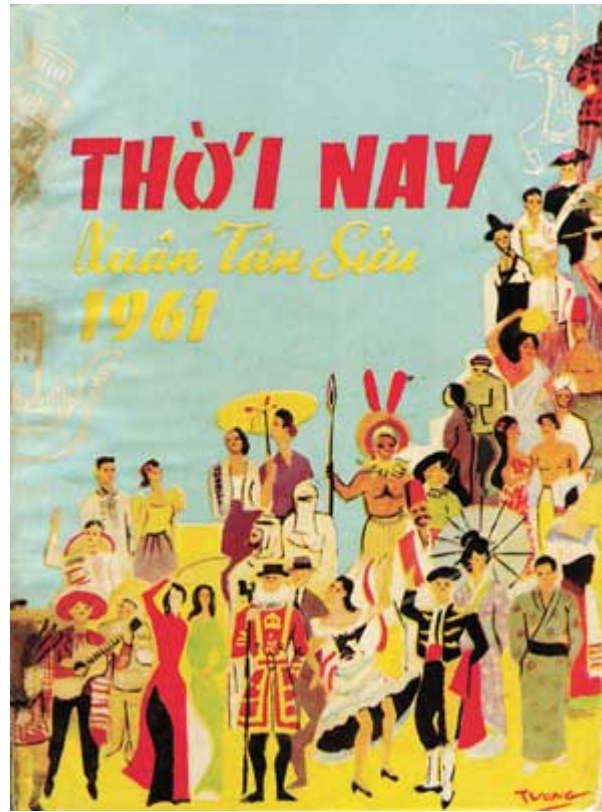
Bên giới không gian

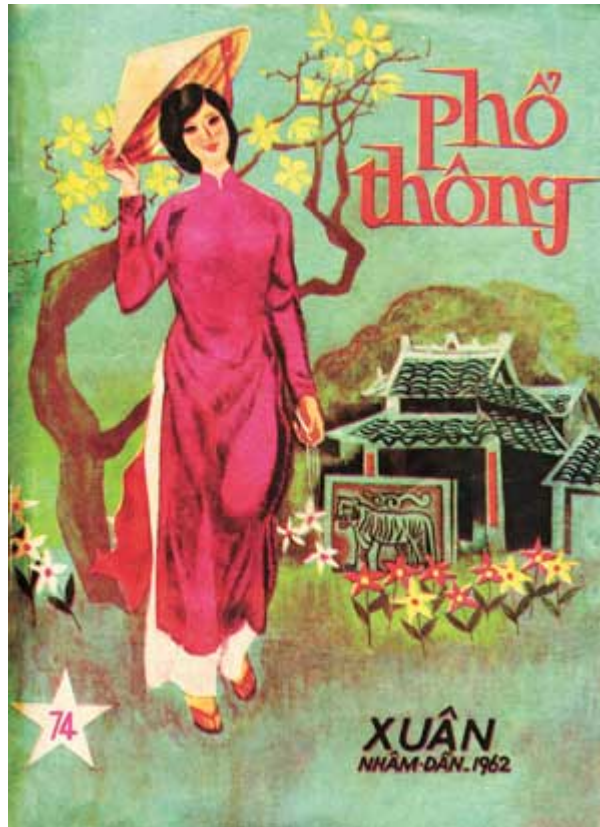
1959

Ảnh của T. T. T.



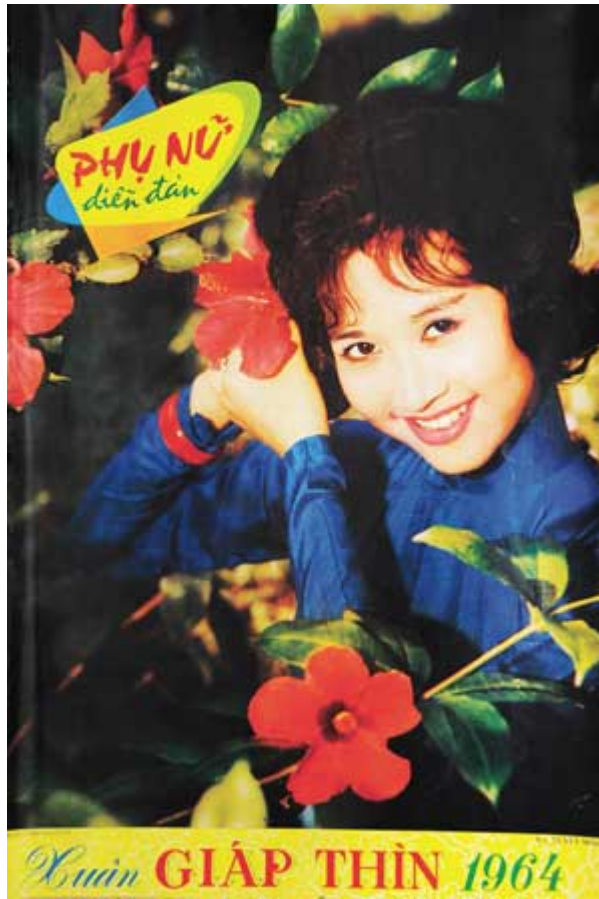
Xuân
TÂN SỬU TỰ DO











CÔNG LÝ

Chim con biết yêu, thường đứng cùng
Cổ heo người ghét hay làm bạn



XUÂN
ẤT-TI
1965

ĐẤT MẸ

XUÂN ĐÌNH-MÙI 1954



giai phẩm 3Cuan
CON GÀ SỐNG





新出佳品

GIAI PHẨM

Xuân



MẬU-THÂN - 1968

tin sớm

Về GIAI PHẨM XUÂN DÂN TỘC

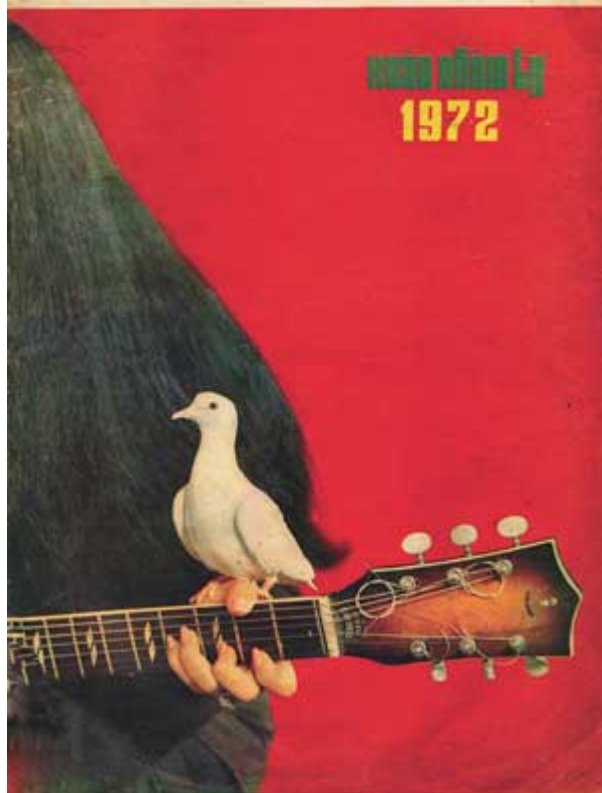
Kuân
KỶ
ĐÀU

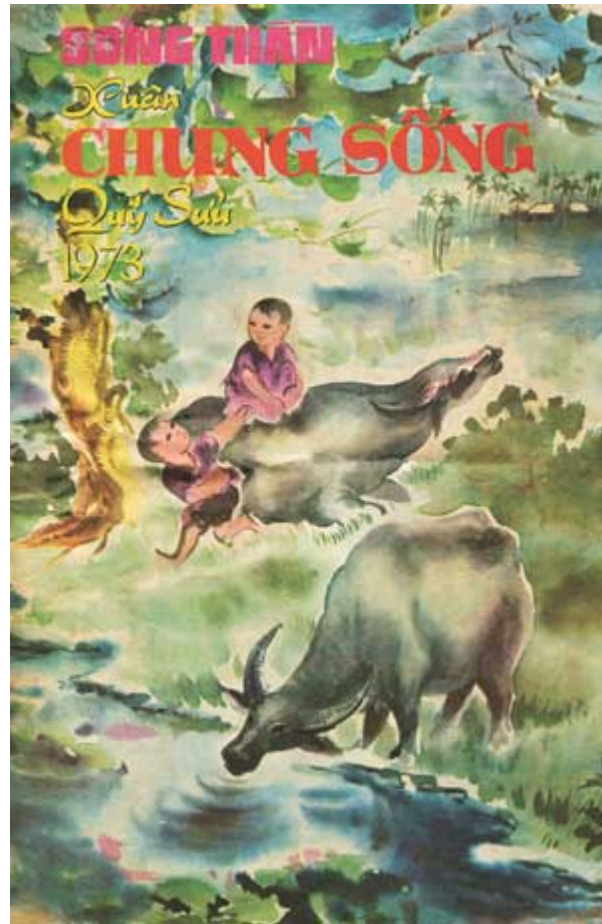


tin s̄ang



**năm nhàn hạ
1972**





QUY SỬ
MỘT CHÍN BẢY BA

xuân hồng
**tuổi
ngọc**
giai phẩm



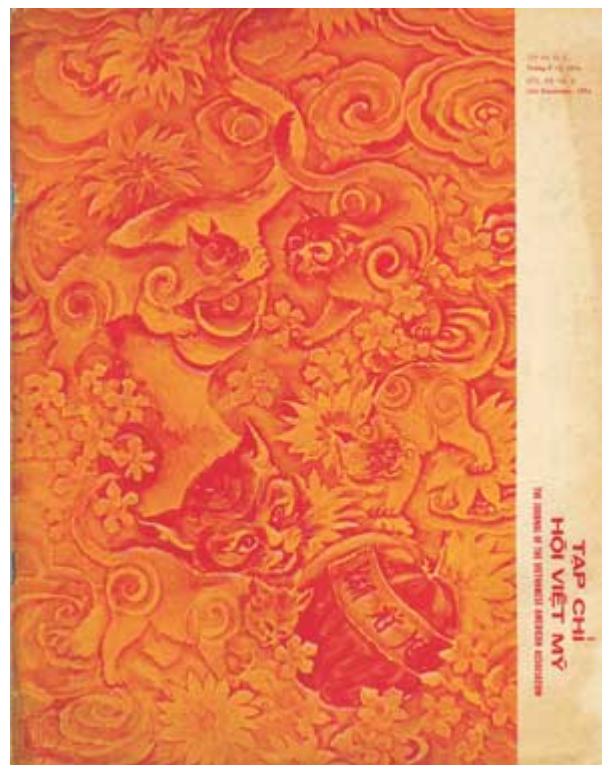
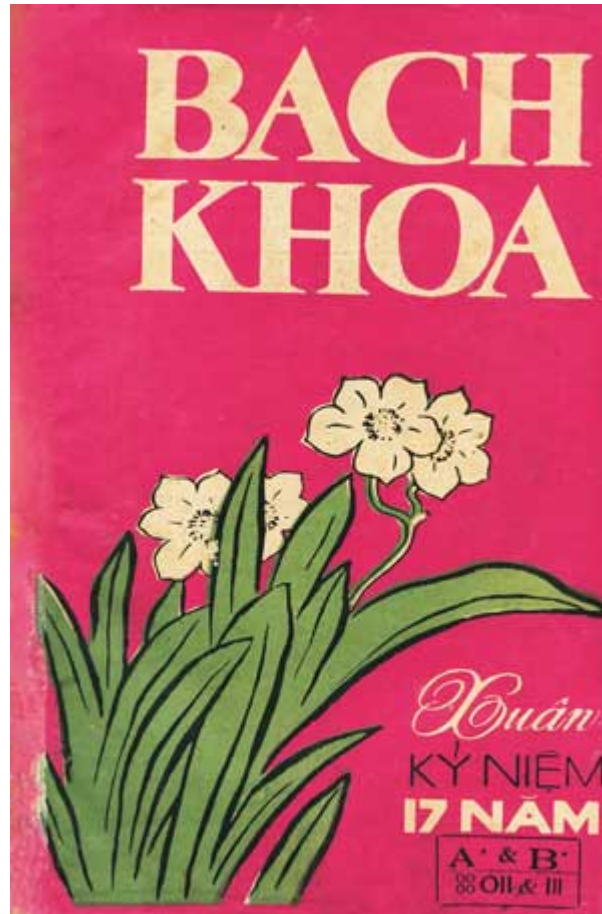


đại dân tộc

雞
良
借



XUÂN
GIÁP DẦN
1974



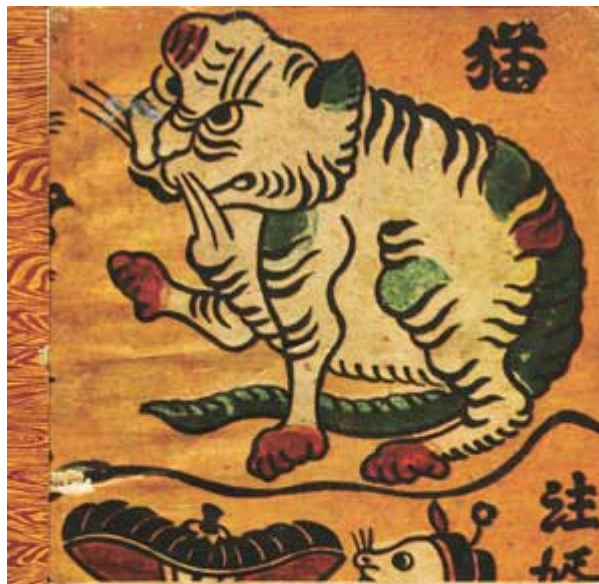
giới phẩm

THÂN CHUNG

đại danh lục XUẤT BẢN



những giấy bạc phế lưu của Đức và Tàu



giai phẩm
MÙA XUÂN 1975

Văn học

ĐIỂN TẬP VĂN HỌC MÙA XUÂN 1975

Đinh Chương • Bình Nguyên Lộc • Vũ Trọng
Phụng • Phạm Văn • Cù Bằng • Hồ Dzếnh • Sơn
Tram • Nguyễn • Nguyễn Đình Sơn • Dương
Kiến • Thụy • Văn Hạnh • Tây Bằng • Huỳnh
Đông • Hoàng • Lê Văn Thọ • Lê Văn Sơn •
Phùng Khắc Khoan • Lê Huy Hoàng • Nguyễn
Trang • Minh Khai • Lê Văn Thọ • Trần Văn
Kiệt • Dương • Lê Văn Thọ • Huỳnh • Đào
Huỳnh • Lê Văn Thọ • Nguyễn Quý Thích...

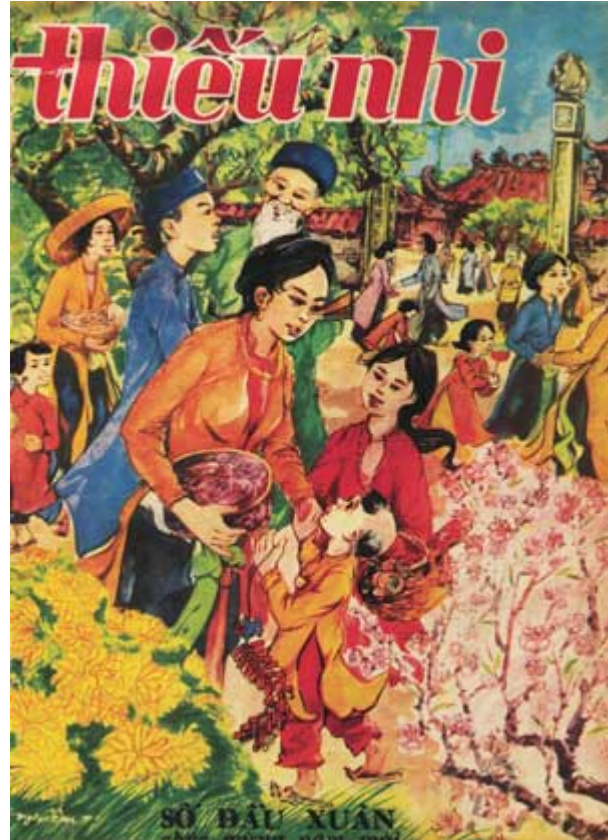


Table of Contents

Lời ngỏ

PHONG VỊ BÁO XUÂN XƯA

VÀI HỌA SĨ TRONG LÀNG BÁO XUÂN SÀI GÒN

Họa sĩ Lê Trung

Họa sĩ Lê Minh

Họa sĩ Phan Phan

Họa sĩ Hưng Hội

Họa sĩ ViVi

Họa sĩ Đinh Tiến Luyện

Một Số Bài Báo Đặc Sắc Trên Các Giai Phẩm Xuân Xưa

Làng báo Sài Thành trên 10 năm trước vài tay kiện tướng

Một chuyện hồi ký 30 năm

Một tờ báo Xuân một kỷ niệm

Câu chuyện thi sĩ Tản Đà và cô Lucie Băng-đô

Hoa Xuân

Đêm 30 Tết thi-sĩ biến thành “du côn” vào bót ăn Tết

Tâm sự một nhà văn ký giả

Người đẹp xứ Đồng Nai qua các thời đại

Con chó xù Pékinois và nhà văn Lê Văn Trương

Mùa xuân mười tám

Năm mươi năm đồng bạc của đời tôi

Nhớ lại Tết “kinh tế” năm xưa (trích)

Về quê ăn Tết con Trâu (trích)

BIỆM HỌA - MINH HỌA - BÌA GIAI PHẨM XUÂN XƯA

Chân dung một số văn nghệ sĩ do họa sĩ Hoàng Lập Ngôn
vẽ theo lối tương họa

Chùm tranh “Tết các giới” của họa sĩ Hiếu Đệ

Câu chuyện hàng tuần của người công chức gương mẫu

Bức tranh Tứ quý của dân nhậu

Chùm tranh vui của Cả Tấu

Chùm tranh của họa sĩ Văn Hiếu

Du Xuân